

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- a) Chủ đầu tư: Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên.
- b) Tên gói thầu: Cung cấp vật tư, dụng cụ thực tập, thực hành, thí nghiệm năm học 2026-2027.
- c) Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hành cạnh tranh qua mạng, trong nước.
- d) Loại hợp đồng: Hợp đồng đơn giá cố định.
- đ) Thời gian thực hiện hợp đồng: 150 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- e) Nguồn vốn: Nguồn thu hợp pháp của nhà trường.
- f) Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn một túi hồ sơ.
- g) Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Tháng 6 năm 2026.
- h) Địa điểm cung cấp: Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên:

- Trụ sở chính: Xã Việt Tiến tỉnh Hưng Yên.

- Cơ sở Mỹ Hòa: Phường Nhân Hòa tỉnh Hưng Yên.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về kỹ thuật chung và yêu cầu về kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu, cụ thể:

a) Yêu cầu về kỹ thuật chung:

- Nhà thầu phải cung cấp đúng, đủ chủng loại và khối lượng hàng hoá nêu tại Phạm vi cung cấp hàng hóa của E-HSMT.

- Nhà thầu phải cung cấp hàng hóa mới 100% chưa qua sử dụng, sản xuất từ năm 2025 trở về sau còn nguyên đai, nguyên kiện đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, có đầy đủ model, ký mã hiệu, hãng sản xuất và CO (chứng nhận xuất xứ), CQ (chứng nhận chất lượng) (nếu có).

- Nhà thầu phải có Bảng tuyên bố đáp ứng kỹ thuật trong đó thể hiện chi tiết thông số kỹ thuật của hàng hóa dự thầu. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu nhà thầu cung cấp hàng hóa không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT, chủ đầu tư sẽ không nghiệm thu hàng hóa và nhà thầu phải thay thế hàng hóa mới để đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT và nhà thầu sẽ bị phạt vi phạm hợp đồng (nếu có).

- Hàng hóa chào thầu phải được bảo hành tối thiểu 12 tháng đối chiếu với thời gian bảo hành theo quy định của Hãng để Chủ đầu tư sẽ chọn mức thời gian bảo hành dài nhất.

- Cam kết phụ tùng thay thế chính hãng: ≥ 1 năm (nếu CĐT có yêu cầu)

- Thời gian khắc phục sự cố, sửa chữa tối đa 48 giờ kể từ khi Nhà thầu nhận được thông báo của Chủ đầu tư hoặc đơn vị sử dụng. Trong trường hợp Nhà thầu không cử cán bộ kỹ thuật đến để kiểm tra khắc phục theo thời gian trên thì phải chịu mọi chi phí liên quan đến việc kiểm tra, khắc phục sự cố, sửa chữa khi chủ đầu tư hoặc đơn vị sử dụng thuê bên thứ ba thực hiện công việc trên.

- Các hàng hóa, thiết bị được vận chuyển lắp đặt tại địa điểm theo yêu cầu của Chủ đầu tư, được bảo hành, bảo trì theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, có đầy đủ CO, CQ theo quy định.

- Nếu được công nhận trúng thầu: Nhà thầu cung cấp Tài liệu chứng minh chất lượng (CQ), nguồn gốc xuất xứ (CO) theo quy định của pháp luật; Cung cấp bộ chứng từ nhập khẩu gồm: Tờ khai hải quan, invoice, packing list, vận đơn vận chuyển và các tài liệu khác liên quan đến hàng hóa (nếu có) khi bàn giao thiết bị.

b) Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể:

STT	Tên hàng hóa/ dịch vụ liên quan	Đặc tính, thông số kỹ thuật yêu cầu tối thiểu hoặc tương đương
1	IC 74595	8-bit, thanh ghi dịch nối tiếp vào song song ra Điện áp hoạt động: 2V đến 6V Dòng điện đầu ra: $\pm 35\text{mA}$. Dòng điện chốt: $\pm 70\text{mA}$. Tần số xung nhịp: Lên tới 25MHz Dải nhiệt độ: -40°C đến $+125^{\circ}\text{C}$
2	Mạch thu phát Bluetooth (Module Bluetooth) HC-05 UART	Điện áp hoạt động: 3.3~5VDC Mức điện áp giao tiếp: TTL tương thích 3.3/5VDC. Dòng điện khi hoạt động: khi Pairing 30 mA, sau khi pairing hoạt động truyền nhận bình thường 8 mA. Baudrate UART có thể chọn được: 1200, 2400, 4800, 9600, 19200, 38400, 57600, 115200 Support profiles: Bluetooth serial port (master and slave)
3	Dây câu mạch 1 lõi đồng	Dây nhiều sợi, nhiều màu

4	Điện trở 220 ôm 1/4W	Điện trở 5 vạch màu Công suất: 1/4W; Sai số 1%. Nhiệt độ hoạt động: -55°C - 155°C Linh kiện xuyên lỗ: 0.5mm
5	Điện trở 330 ôm 1/4W	Điện trở 5 vạch màu Công suất: 1/4W; Sai số 1%. Nhiệt độ hoạt động: -55°C - 155°C Linh kiện xuyên lỗ: 0.5mm
6	Điện trở 1K 1/4W	Điện trở 5 vạch màu Công suất: 1/4W; Sai số 1%. Nhiệt độ hoạt động: -55°C - 155°C Linh kiện xuyên lỗ: 0.5mm
7	Băng dính cách điện	Kích thước: 20yds x 18mm x 0.13mm(màu đen)
8	Phô tô diot quang	Diode Cảm biến quang Photodiode 5mm
9	Led phát quang 5mm	Điện áp làm việc 3-3,2VDC Led đường kính 5mm Hai chân, chiều dài 28-29mm Màu trắng, ánh sáng đỏ
10	Test board cắm mạch	Kích thước: 5.5x8.5cm Số lỗ: 400 lỗ. Vật liệu: nhựa ABS, thiết mạ đồng. Chịu tải / dòng: 300V / 3-5A.
11	Cảm biến độ ẩm, nhiệt độ DHT22	Nguồn sử dụng: 3~5 VDC. Dòng sử dụng: 2.5mA max (khi truyền dữ liệu). Đo tốt ở độ ẩm 0100%RH với sai số 2-5%. Đo tốt ở nhiệt độ -40 to 80°C sai số ±0.5°C. Tần số lấy mẫu tối đa 0.5Hz (2 giây 1 lần)
12	Cảm biến siêu âm HC-SR04	Điện áp hoạt động: 5VDC Dòng tiêu thụ: 10~40mA Tín hiệu giao tiếp: TTL Chân tín hiệu: Echo, Trigger. Góc quét:<15 độ Tần số phát sóng: 40Khz

13	Động cơ điện DC DC 3-6V trực tiếp	Động cơ điện DC DC 3-6V trực tiếp bánh răng TT từ hộp số động cơ với 65mm nhựa lớp xe bánh xe thông minh RC xe Robot Động cơ điện DC có bánh xe Công suất tiêu tán: Bánh xe lớp ô tô bằng nhựa 65mm Điện áp cung cấp: 3-6V Ứng dụng: Đồ chơi điện
14	Bảng mạch điều khiển L298N	Điện áp đầu vào: 5~30VDC, Dòng tối đa cho mỗi cầu H là: 2A, Kích thước: 43x43x27mm
15	Dây cắm Breadboard đực đực 30cm cáp dẹt 40 sợi M-M Jumper Wire	Loại dây: Jumper Wire đực – đực (Male – Male) Chiều dài dây: 30cm Số lượng: 1 bó gồm 40 dây Kiểu dây: Cáp dẹt, có thể tách rời từng sợi Lõi dây nhiều sợi, độ dẫn điện cao Màu sắc: 10 màu khác nhau
16	Dây cắm Breadboard cái cái 10cm cáp dẹt 40 sợi F-F Dupont Jumper Wire	Loại dây: Jumper Wire đực – đực (Male – Male) Chiều dài dây: 10cm Số lượng: 1 bó gồm 40 dây Kiểu dây: Cáp dẹt, có thể tách rời từng sợi Lõi dây nhiều sợi, độ dẫn điện cao Màu sắc: 10 màu khác nhau
17	Bộ chuyển đổi PT100 0-10V 0-400°C, nhiệt độ 0 – 400 độ C	Điện áp hoạt động: 24V Dòng tiêu thụ: 0.2mA Công suất: 4.8mW Loại sản phẩm: Module Chuẩn giao tiếp: Analog (A0)
18	Nút nhấn nhà màu xanh phi 22mm	Loại nút nhấn: Nhấn nhà Đầu nạm: 40mm Màu sắc: Xanh lá Đường kính lắp đặt: 22mm Tiếp điểm: 1 NO, không đèn Chất liệu: Nhựa Điện áp : 220V/3A

19	Nút nhấn nhà màu đỏ phi 22mm	Loại nút nhấn: Nhấn nhà Đầu nấm: 40mm Màu sắc: đỏ Đường kính lắp đặt: 22mm Tiếp điểm: 1 NO, không đèn Chất liệu: Nhựa Điện áp : 220V/3A
20	Đèn báo pha màu xanh phi 22mm	Loại đèn: LED Màu: xanh Điện áp hoạt động: 220VAC Đường kính: 22mm Đường kính mặt đèn: 28.3mm - 30mm Chiều cao đèn: 51mm Dòng điện tiêu thụ: <20mA
21	Đèn báo pha màu đỏ phi 22mm	Loại đèn: LED Màu: đỏ Điện áp hoạt động: 220VAC Đường kính: 22mm Đường kính mặt đèn: 28.3mm - 30mm Chiều cao đèn: 51mm Dòng điện tiêu thụ: <20mA
22	Đèn báo pha màu vàng phi 22mm	Loại đèn: LED Màu: Vàng Điện áp hoạt động: 220VAC Đường kính: 22mm Đường kính mặt đèn: 28.3mm - 30mm Chiều cao đèn: 51mm Dòng điện tiêu thụ: <20mA
23	Đèn báo có còi 220V 22mm (Vàng)	Màu sắc: Vàng Loại đèn: LED nhấp nháy Điện áp hoạt động: 220VAC Âm thanh: Ngắt quãng Dòng tiêu thụ: <20mA Đường kính: 22mm Đường kính mặt đèn: ~28mm - 29mm
24	Cầu đấu dây điện 20A, 20 Cực	Terminal Block 20A – 20 Pha
25	Đầu cos pin rộng 0.75-8mm	Tiết diện dây: 1mm ² Chiều dài pin: 8 mm Màu sắc: đỏ, vàng, xanh, đen. Túi 1000 cái

26	Dây điện đơn mềm 1x1mm ²	Quy cách: Cu/Pvc Ruột dẫn: Đồng 99,99%. Số lõi: 1; Số sợi đồng: 24 sợi, mỗi sợi đường kính 0,20 Kết cấu: Nhiều sợi bện Mặt cắt danh định: 1×1 Điện áp danh định: 300/500V Chiều dài đóng gói: 100m; Màu sắc: đỏ
27	Dây điện đơn mềm 1x1mm ²	Quy cách: Cu/Pvc Ruột dẫn: Đồng 99,99%. Số lõi: 1; Số sợi đồng: 24 sợi, mỗi sợi đường kính 0,20 Kết cấu: Nhiều sợi bện Mặt cắt danh định: 1×1 Điện áp danh định: 300/500V Chiều dài đóng gói: 100m; Màu sắc: vàng
28	Dây điện đơn mềm 1x1mm ²	Quy cách: Cu/Pvc Ruột dẫn: Đồng 99,99%. Số lõi: 1; Số sợi đồng: 24 sợi, mỗi sợi đường kính 0,20 Kết cấu: Nhiều sợi bện Mặt cắt danh định: 1×1 Điện áp danh định: 300/500V Chiều dài đóng gói: 100m; Màu sắc: xanh
29	Dây điện đơn mềm 1x1mm ²	Quy cách: Cu/Pvc Ruột dẫn: Đồng 99,99%. Số lõi: 1; Số sợi đồng: 24 sợi, mỗi sợi đường kính 0,20 Kết cấu: Nhiều sợi bện Mặt cắt danh định: 1×1 Điện áp danh định: 300/500V Chiều dài đóng gói: 100m; Màu sắc: đen
30	Khởi động từ (Contactor) 9A 4kW 1NO+1NC Coil 220V	Công suất: 4kW Tiếp điểm: 1NO+1NC Kích thước: 75×45.5×88mm Điện áp định mức: 9A Số pha: 3P Cuộn coil: 220V
31	Relay nhiệt (1.6- 2.5A)	Điện áp định mức : 220V-690V Dòng điện định mức : 1.6-2.5A số pha : 3 pha Tiêu chuẩn : IEC 60947-4/5-1

32	Áptomat 3pha MCB 10A 6KA 3P	Điện áp định mức : 240/415V Dòng điện định mức : 10A Số pha : 3 pha Dòng cắt ngắn mạch : 6KA Tiêu chuẩn : IEC 60898-1
33	Đế rơ le 8 chân dẹp lớn	Dòng điện: $\geq 10A$ Điện áp: $\geq 250V$ Số chân cắm: 8 chân dẹp lớn Mounting Type: DIN Rail
34	Rơ le trung gian 24VDC/10A (8 chân dẹp lớn)	Điện áp cuộn dây: 24DC Số chân: 8 chân dẹp lớn Dòng điện: 10A
35	Rơ le trung gian AC220/240 (8 chân dẹp lớn)	Điện áp cuộn dây: 220AC Số chân: 8 chân dẹp lớn Dòng điện: 10A
36	Cầu chì thủy tinh	Điện áp: 250V Dòng làm việc: 3A Kích thước: 5x20mm
37	Rơ le 5VDC	5 chân: NO -COM - NC SRD-05VDC-SL-C Relay 5V DC 10A Kích thước: 19,2x15,5x15,2mm
38	Phíp đồng làm mạch in A4	Độ dày: $\geq 1.0mm$. Kích thước: 210x297mm (A4)
39	Thiếc hàn 0.8mm 100g	Hàm lượng thiếc: 63% Hàm lượng flux: 1.8% Nhiệt độ nóng chảy từ: 183°C Đường kính: 0.8mm Trọng lượng: 100g
40	Giấy in mạch A4 (loại màu trắng)	Màu trắng Giấy trơn, dễ là mạch Kích thước A4 (297x210mm)
41	Rơ le 12VDC	5 chân: NO - COM-NC SRD-12VDC-SL-C Relay 12V DC 10A Kích thước: 19,2x15,5x15,2mm
42	Biến áp cách ly 25VA	Đầu vào (AC): 220/380V Đầu ra: 220-110-48-36-24V AC Dòng điện: 0.11A
43	Giá để mỏ hàn gang	1 đế để mỏ hàn, 1 lò xo Có thể tháo rời
44	Hộp mũi khoan bo mạch điện tử	Mũi khoan bo mạch, phíp đồng Bộ gồm 10 mũi khoan: 0,5-3,0mm
45	Bộ kẹp đầu mũi khoan 7 chi tiết	1 kẹp khoan đồng 5 mâm cặp đồng (0,5-3mm)

46	Led phát quang 5mm	Điện áp làm việc 3-3,2VDC Led đường kính 5mm Hai chân, chiều dài 28-29mm Màu trắng, ánh sáng đỏ
47	Diode 1N4007	Chân cắm DO-41 Điện áp làm việc: 50 – 1000V Dòng điện giới hạn: $I_{max} = 1A$
48	Transistor C1815	Loại transistor: NPN Dòng điện cực đại: $I_c = 150mA$ Công suất cực đại: $P_c = 400mW$ Điện áp cực đại Transistor : $U_{ceo} = 50V$ $U_{cbo} = 60V$ $U_{ebo} = 5V$ Hệ số khuếch đại (hfe): 70-700 Tần số cắt: $F_t > 80MHz$ Kiểu chân: xuyên lỗ (DIP)
49	Điện trở 470 ôm 1/4W	Điện trở 5 vạch màu Công suất: 1/4W; Sai số 1%. Nhiệt độ hoạt động: $-55^{\circ}C - 155^{\circ}C$ Linh kiện xuyên lỗ: 0.5mm
50	Điện trở 1K 1/4W	Điện trở 5 vạch màu Công suất: 1/4W; Sai số 1%. Nhiệt độ hoạt động: $-55^{\circ}C - 155^{\circ}C$ Linh kiện xuyên lỗ: 0.5mm
51	Điện trở 10K 1/4W	Điện trở 5 vạch màu Công suất: 1/4W; Sai số 1%. Nhiệt độ hoạt động: $-55^{\circ}C - 155^{\circ}C$ Linh kiện xuyên lỗ: 0.5mm
52	Điện trở 100K 1/4W	Điện trở 5 vạch màu Công suất: 1/4W; Sai số 1%. Nhiệt độ hoạt động: $-55^{\circ}C - 155^{\circ}C$ Linh kiện xuyên lỗ: 0.5mm
53	Điện trở 2.2K 1/4W	Điện trở 5 vạch màu Công suất: 1/4W; Sai số 1%. Nhiệt độ hoạt động: $-55^{\circ}C - 155^{\circ}C$ Linh kiện xuyên lỗ: 0.5mm
54	Điện trở 3.3K 1/4W	Điện trở 5 vạch màu Công suất: 1/4W; Sai số 1%. Nhiệt độ hoạt động: $-55^{\circ}C - 155^{\circ}C$ Linh kiện xuyên lỗ: 0.5mm
55	Điện trở 4.7K 1/4W	Điện trở 5 vạch màu Công suất: 1/4W; Sai số 1%. Nhiệt độ hoạt động: $-55^{\circ}C - 155^{\circ}C$ Linh kiện xuyên lỗ: 0.5mm

56	Điện trở 22K 1/4W	Điện trở 5 vạch màu Công suất: 1/4W; Sai số 1%. Nhiệt độ hoạt động: -55°C - 155°C Linh kiện xuyên lỗ: 0.5mm
57	Điện trở 33K 1/4W	Điện trở 5 vạch màu Công suất: 1/4W; Sai số 1%. Nhiệt độ hoạt động: -55°C - 155°C Linh kiện xuyên lỗ: 0.5mm
58	Điện trở 47K 1/4W	Điện trở 5 vạch màu Công suất: 1/4W; Sai số 1%. Nhiệt độ hoạt động: -55°C - 155°C Linh kiện xuyên lỗ: 0.5mm
59	Điện trở 1.5K 1/4W	Điện trở 5 vạch màu Công suất: 1/4W; Sai số 1%. Nhiệt độ hoạt động: -55°C - 155°C Linh kiện xuyên lỗ: 0.5mm
60	Điện trở 68K 1/4W	Điện trở 5 vạch màu Công suất: 1/4W; Sai số 1%. Nhiệt độ hoạt động: -55°C - 155°C Linh kiện xuyên lỗ: 0.5mm
61	Tụ hóa 1 μ F	Điện áp: 50V Tên gọi: Tụ hóa. Loại tụ: Phân cực
62	Tụ hóa 10 μ F	Điện áp: 50V Tên gọi: Tụ hóa. Loại tụ: Phân cực
63	Tụ hóa 47 μ F	Điện áp: 50V Tên gọi: Tụ hóa. Loại tụ: Phân cực
64	Tụ hóa 220 μ F	Điện áp: 50V Tên gọi: Tụ hóa. Loại tụ: Phân cực
65	Tụ hóa 470 μ F/50V	Điện áp: 50V Tên gọi: Tụ hóa. Loại tụ: Phân cực
66	Tụ hóa 1000 μ F	Điện áp: 50V Tên gọi: Tụ hóa. Loại tụ: Phân cực
67	Bảng đánh cách điện	Kích thước: 20yds x 18mm x 0.13mm Màu đen

68	Transistor D468	<p>Loại - NPN Điện áp cực góp - cực phát: 20 V Điện áp cực góp - cực gốc: 25 V Điện áp cực phát - cực gốc: 5 V Dòng điện cực góp: 1 A Tiêu tán cực góp - 0,9 W Độ lợi dòng điện DC (hfe) - 85 đến 240 Tần số chuyển tiếp - 190 MHz Phạm vi nhiệt độ vận hành và lưu trữ -55 đến +150 ° C Đóng gói - TO-92MOD</p>
69	Transistor B562	<p>Loại: PNP Điện áp cực góp cực phát: -20 V Điện áp cực góp cực gốc: -25 V Điện áp cực phát cực gốc: -5 V Dòng điện cực góp: -1 A Công suất tiêu thụ cực góp: 0,9 W Độ lợi dòng điện DC (hfe): 85 đến 240 Tần số chuyển đổi: 350 MHz Phạm vi nhiệt độ vận hành và lưu trữ: -55 đến +150 ° C Đóng gói: TO-92MOD</p>
70	Transistor TIP41C	<p>Loại - NPN Điện áp Collector-Emitter: 100 V Điện áp Collector-Base: 100 V Điện áp Emitter-Base: 5 V Dòng Collector: 6 A Công suất tiêu tán Collector - 65 W Mức tăng dòng DC (hfe) - 15 đến 75 Tần số chuyển đổi - 3 MHz Nhiệt độ vận hành và lưu trữ từ -65 đến +150 ° C Gói - TO-220</p>

71	Transistor TIP42C	<p>Loại PNP</p> <p>Điện áp cực góp - cực nền (Vcb): 100V (một số phiên bản lên đến 140V)</p> <p>Điện áp cực góp - cực phát (Vce): 100V</p> <p>Điện áp cực nền - cực phát (Vbe): 5V</p> <p>Dòng cực góp (Ic): 6A (tối đa)</p> <p>Công suất tiêu thụ cực đại (Pc): 65W</p> <p>Hệ số khuếch đại dòng điện (hFE): 15 - 75</p> <p>Tần số chuyển đổi: 3MHz</p> <p>Nhiệt độ hoạt động: -65°C đến 150°C</p> <p>Kiểu đóng gói: TO-220</p>
72	TDA 2040	<p>Điện áp: 3- 32 VDC</p> <p>Công suất đầu ra: 20-30W</p> <p>Nhiệt độ hoạt động: -40 - 150 độ C</p>
73	Động cơ điện một chiều 12VDC	<p>Điện áp làm việc: 12VDC</p> <p>Trục: 2.3mm</p>
74	Máy khoan cầm tay 12VDC	<p>Điện áp làm việc: 12VDC</p> <p>Bộ gồm 10 mũi khoan: 0,5-3,0 mm</p>
75	Chiết áp tinh chỉnh 10K	<p>Mã: RM065-103</p> <p>Công suất định mức: 0.1W</p> <p>Kích thước: 6.5mmx6.5mmx5mm</p>
76	Nguồn adapter điều chỉnh điện áp	<p>Điện áp đầu vào: 100 - 240V AC 50/60Hz</p> <p>Điện áp đầu ra: 3V - 24V DC (có núm điều chỉnh)</p> <p>Dòng điện đầu ra: tối đa 3A</p> <p>Công suất: tối đa 72W</p> <p>Hiển thị: màn hình LED hiển thị điện áp</p> <p>Chuẩn cắm: US Plug</p> <p>Jack nguồn: DC 5.5x2.1mm</p>
77	Bộ 8 Jack Chuyển đổi đầu nguồn DC	Bộ đầu chuyển đổi từ Jack DC 5.5x2.1mm sang 8 đầu DC nhỏ
78	Mỏ hàn 60W điều chỉnh nhiệt độ	<p>Mã sản phẩm: 907</p> <p>Công suất: 60W</p> <p>Điện áp hoạt động: 220V</p> <p>Nhiệt độ đầu ra: 200-450 ° c</p> <p>Khối lượng: 180g.</p>

79	Bộ nguồn đa năng	<p>Điện áp: 90 - 260VAC/47 - 63Hz. Điện áp ra điều chỉnh: 0 – 15VDC Dòng ra điều chỉnh: 0 - 5A Độ chính xác hiển thị: $\pm 1\%$ Ổn định điện áp: $< 0.05\% + 1mV$ Ổn định dòng điện: $< 0.1\% + 10mA$ Công suất: 75W Chế độ ngắt quá dòng: có Chế độ ngắt quá tải: có Chế độ bảo vệ quá nhiệt: có Khống chế dòng điện, điện áp max: có Khối lượng: 1.6kg</p>
80	Timer tủ lạnh	<p>Điện áp hoạt động: 220V - 240VAC, 50/60Hz Loại chân: 4 chân (thường chân nguồn 1-3) Thời gian chu kỳ: Khoảng 6-8 giờ làm lạnh/18-30 phút xả đá Kích thước: khoảng 6.2 x 4 x 3cm. Trọng lượng: 80g</p>
81	Tán ống đồng máy lạnh (Zắc co)	Phi 6, 8
82	Tán ống đồng máy lạnh (Zắc co)	Phi 10, 12, 16 Phi 12 giảm 10 Phi 16 giảm 12
83	Đầu nối đơn ống đồng	Phi 6, 8, 10, 12, 16
84	Sò lạnh - cảm biến âm	<p>Loại linh kiện: Công tắc nhiệt âm Nguyên lý: Thường hở (NO - Normally Open), chỉ đóng khi nhiệt độ xuống âm (thường từ $-7^{\circ}C$ đến $-14^{\circ}C$ Môi trường làm việc: Nhiệt độ âm (ngăn đông tủ lạnh).</p>
85	Quạt gió tủ lạnh	<p>Điện áp: 220V-50/60Hz Công suất: 7W</p>
86	Điện trở xả đá tủ lạnh	<p>Kích thước: 8, 10, 11, 12 inch Điện áp 220V" Công suất: 115-130W</p>

87	Kìm bấm cos	<p>Dải tiết diện dây: 0.25 - 1.5mm. Kích thước AWG: 23 - 16 AWG. Loại đầu cos tương thích: Dupont 2.54, XH2.54, PH2.0, SM2.54, VH3.96, đầu cos cái 2.8mm/ 4.8mm/ 6.3mm. Chiều dài kìm: ~190mm (19cm). Trọng lượng: ~350g - 380g Chất liệu hàm: Thép hợp kim carbon cao (Carbon Steel), độ bền cao, chống mài mòn. Tay cầm: Bọc nhựa PVC, thiết kế chống trượt, dễ cầm nắm</p>
88	Role thời gian (Ondelay)	<p>Loại: On-delay (Trễ khi cấp nguồn) Điện áp hoạt động: AC 220V(50/60Hz) Dải thời gian (lựa chọn): 0 - 6 phút (Mã 6M) 0 - 60 phút (Mã 60M) Tiếp điểm: 1 NO + 1 NC Dòng định mức tiếp điểm: 5A 220VAC Chân đế: 8 chân tròn Dễ dàng điều chỉnh: Núm vặn chỉnh thời gian trên mặt trước</p>
89	Băng dính giấy	Kích thước 1cm, 2cm x10m
90	Đầu khò gas tự động đánh lửa	<p>Công suất tối đa: 1.4 kW (1200 kcal/h) Nhiệt độ đầu khò >1000°C Lượng gas tiêu thụ: 100g/h Đèn khò gas, đánh lửa tự động, điều chỉnh được nhiệt độ cũng như ngọn lửa nơi đầu khò Bộ thân bằng nhựa ABS chịu nhiệt, chịu va đập và chống cháy Ống dẫn Inox HairLine 304 cho độ bền cao, chống ăn mòn và rỉ sét</p>
91	Ống đồng phi 6 x 0,81mm cuộn dài 15m	Phi 6 cuộn 15m dày 0.81mm
92	Ống đồng phi 10x0.81mm cuộn dài 15m (thay bằng phi 8)	Phi 8 cuộn 15m dày 0,81mm (Phi 10 cuộn 15m dày 0,81mm)
93	Ống đồng phi 10x0.81mm cuộn dài 15m	Phi 10 cuộn 15m dày 0,81mm

94	Ổ cắm điện 4 lỗ chấu đa năng dài 10m	Chiều dài dây 10m Số lỗ cắm: 4 (Đa năng, phù hợp phích cắm 2 chấu và 3 chấu) Công suất chịu tải tối đa: 6000W Điện áp 250V/30A Chất liệu: Vỏ nhựa cao cấp chịu nhiệt, lõi sứ chịu nhiệt
95	Ổ cắm điện 6 lỗ chấu đa năng dài 10m	Chiều dài dây 10m Số lỗ cắm: 6 (Đa năng, phù hợp phích cắm 2 chấu và 3 chấu) Công suất chịu tải tối đa: 6000W Điện áp 250V/30A Chất liệu: Vỏ nhựa cao cấp chịu nhiệt, lõi sứ chịu nhiệt
96	Dây điện đôi mềm 2x1mm ²	Quy cách: Cu/Pvc/Pvc Ruột dẫn: Đồng 99,99%. Kết cấu: Nhiều sợi bện Điện áp danh định: 300/500V Chiều dài đóng gói: 100m;
97	Dây điện đôi mềm 2x1.5mm ²	Quy cách: Cu/Pvc/Pvc Ruột dẫn: Đồng 99,99%. Kết cấu: Nhiều sợi bện Điện áp danh định: 300/500V Chiều dài đóng gói: 100m;
98	Quang trở CDS 5MM 5537	Điện áp tối đa 150V Công suất tối đa: 100mW Giá trị đỉnh phổ: 540 nm Trở sáng (10Lux) 10 ~ 20 (KΩ) Trở tối: 1 (MΩ)
99	IC LM358	Kiểu chân: 8 chân, xuyên lỗ (DIP) Điện áp: 3-32V nguồn đơn, 1.5-16V nguồn đôi Độ lợi khuếch đại DC 100dB Dải nhiệt độ hoạt động: 0 ~ 70°C Điện áp ngõ ra: 0V đến VCC(+)-1.5V

100	Máy phát tín hiệu tần số thấp sin/tam giác/vuông/răng cưa/ECG	<p>Thông số kỹ thuật: Chất liệu: FR4 + Acrylic Điện áp hoạt động: DC4 ~ 10V Dải tần số DDS: 1Hz-500kHz Độ phân giải: 1Hz Biên dạng sóng sin: < 1% dưới 1kHz, < 0,5% trên 1kHz Biên độ đầu ra: tối đa ± 10V (P-P) Trở kháng đầu ra: 50ohms Chênh lệch DC: tối đa ± 10V Kích thước sản phẩm: khoảng. 12 * 8,5 * 3,2cm / 4,72 * 3,35 * 1,26in Trọng lượng sản phẩm: 147g / 5.19oz Kích thước gói: Xấp xỉ. 16 * 11 * 5 cm / 6,30 * 4,33 * 1,97in Trọng lượng gói hàng: 272g / 9.59oz</p>
101	Cảm biến áp suất 0-25bar	Dải áp suất 0-25bar
102	Chổi chít cán nhựa	Vật liệu: từ bông cỏ với cán được bọc nhựa
103	Hót rác cán dài	<p>Chất liệu: Nhựa Chiều dài cán: 70cm Kích thước ky: 25.5x26cm Màu sắc: Đỏ / Xanh dương</p>
104	Nút nhấn reset	Kích thước: 6x6x5mm
105	Máy nén khí dùng Pin	<p>Nguồn điện: 21V (Sử dụng 1 pin chân phổ thông M21, cách nhau 4cm). Áp suất không khí: 7 Bar. Công suất: >=350W. Tốc độ quay: 2800 vòng/phút. Trọng lượng: 3.6kg, dễ dàng di chuyển và sử dụng. Dung tích bình chứa:>= 1.5L.</p>
106	Súng bắn nhiệt độ hồng ngoại	<p>Phạm vi đo: -30 ° C đến 350 ° C Độ phân giải: 0,1 ° C / 0,1 ° F Độ chính xác: ≥ 0 ° C: ± 2 ° C hoặc ± 2% Dạng cảm biến: Hồng ngoại không tiếp xúc Tỷ lệ khoảng cách: 8:1 Cấp bảo vệ: IP40 Kích thước khoảng: 156x80x50mm Trọng lượng khoảng: 220 g Nguồn cấp: 1 pin AA 1,5V</p>
107	Bộ hộp cầu chì ô tô	100 Cầu chì tiêu chuẩn 2A 3A 5A 7.5A 10A 15A 20A 25A 30A 35A

108	Bộ ống co nhiệt cách điện màu đen	2mm, 3mm, 4mm, 5mm, 6mm, 8mm, 10mm, 12mm, 14mm, 20mm (Mỗi loại 1M)
109	Thiếc hàn 0.8mm 100g	Hàm lượng thiếc: 63% Hàm lượng flux: 1.8% Nhiệt độ nóng chảy từ: 183°C Đường kính: 0.8mm Trọng lượng: 100g
110	Pin lithium hình trụ 2500mAh	Đầu bằng Điện thế danh định: 3.7v. Điện thế sạc đầy: 4.2v. Nội trở: <=27.5mOhm Dung lượng 2500mAh Dòng xả: 12C Dòng xả liên tục tối đa : 12C Dòng sạc: 0.5A - 2A.
111	Pin sắt 3.2V 15Ah	Điện thế danh định: 3.2v Điện thế sạc đầy: 3.65v Điện thế xả cạn: 2.5V Nội trở: 1 - 2 mOhm Dung lượng: 15Ah (15.000mAh) Dòng xả liên tục: 45A(3C) Dòng xả đỉnh tức thời: 75A (5C) Kích thước (RxD): 32x140mm Trọng lượng: 296gr
112	Pin cúc 3V CR2032	Điện áp danh định: 3V Loại pin: Lithium Coin Cell Dung lượng: ~220 mAh Kích thước: Ø20mm × 3.2mm Quy cách đóng gói: Vi 1 viên Nhiệt độ hoạt động: -20°C đến +85°C
113	Pin 1.5V AAA	Kích thước: AAA Điện áp: 1.5V Loại pin: Zinc-Carbon Dung lượng: ~400–600 mAh
114	Pin 1.5V AA	Kích thước: AA Điện áp: 1.5V Loại pin: Zinc-Carbon Dung lượng: ~1000–1500 mAh
115	Mũi hàn đầu mở hàn loại nhọn	Loại: Mũi hàn nhọn (conical tip) Tương thích: Máy hàn Hakko 936 và tương đương Chất liệu: Đồng mạ sắt + phủ chống oxy hóa Nhiệt độ làm việc: 200–480°C

116	Keo xịt phủ mạch CRC70	Dung tích: 450mL Loại: Keo phủ bảo vệ mạch điện (conformal coating) Tính năng: Chống ẩm, chống bụi, chống oxy hóa, Cách điện tốt Thời gian khô: ~10–15 phút (bề mặt) Nhiệt độ làm việc: -40°C đến +125°C
117	Giấy dán đầu pin 18650	Loại: Vòng cách điện đầu pin Chất liệu: Giấy cách điện (fish paper) Đường kính: ~18mm Màu sắc: Thường màu xanh / đỏ Quy cách: 100 miếng/bịch Công dụng: Chống chập cực dương pin 18650
118	Băng dính chịu nhiệt	Chất liệu: Polyimide (Kapton) Màu sắc: Vàng hổ phách Chiều rộng: 30mm Độ dày: 0.05mm Nhiệt độ chịu đựng: -73°C đến +260°C Tính năng: Cách điện cao, Chịu nhiệt tốt
119	Mạch BMS cân bằng chủ động	Cân bằng chủ động 6A, dòng xả 200A (4S cho hệ 3,2V) Loại pin hỗ trợ: LiFePO4 (3.2V/cell) Số cell: 4S Dòng cân bằng: 6A (active balancing) Dòng xả tối đa: 200A Bảo vệ: Quá sạc, quá xả, ngắn mạch, quá dòng Điện áp cắt sạc: ~3.6V/cell
120	Thanh gạt nước sau 9 inch	Chiều dài: 9 inch (255mm) Loại: Gạt mưa kính sau Chất liệu: Cao su tổng hợp cao cấp phủ graphite
121	Thanh gạt nước sau 12 inch	Chiều dài: 12 inch (305mm) Loại: Gạt mưa kính sau Chất liệu: Cao su tổng hợp cao cấp phủ graphite
122	Lọc gió điều hòa than hoạt tính	Kích thước: 237 × 203 × 35 mm Loại: Lọc gió cabin than hoạt tính Tính năng: Khử mùi, lọc bụi mịn, loại bỏ vi khuẩn, phân hoa

123	Lọc gió động cơ	Kích thước: 205 × 156 × 36 mm Loại: Lọc gió động cơ Chất liệu: Giấy lọc cao cấp Tính năng: Lọc bụi hiệu quả
124	IC khuếch đại âm thanh	Loại: IC khuếch đại âm thanh Điện áp hoạt động: ~12–24V Công suất: ~40–60W Tính năng: Độ méo thấp, hiệu suất cao
125	Lạt nhựa 5x300mm	Kích thước: 5x300mm Màu sắc: Trắng Chất liệu: Nhựa PA (Nylon 66) Nhiệt độ làm việc: -40°C đến +85°C Lực kéo đứt: ~18–22 kg Đóng gói: 500 cái/túi
126	Dây điện đôi 2x2.5mm ²	Quy cách: Cu/Pvc/Pvc Ruột dẫn: Đồng 99,99%. Số lõi: 2; Số sợi đồng: 50 sợi, mỗi sợi đường kính 0,25mm Kết cấu: Nhiều sợi bện Điện áp danh định: 300/500V Vật liệu cách điện/Vỏ: PVC (Polyvinyl Chloride) chất lượng cao, cách điện, bền bỉ Chiều dài đóng gói: 100m;
127	Mũi khoan đa năng đầu răng cưa thế hệ mới	Loại: Mũi khoan đa năng đầu răng cưa Chất liệu: Thép vonfram (Tungsten Steel) Lớp phủ: Titan chống mài mòn Đường kính mũi: 3mm – 12mm Số lượng: Bộ 7 mũi Chuôi: Chuôi tròn /lục giác Tính năng: Chống mài mòn cao, khoan nhanh, ít trượt Phụ kiện: Hộp đựng di động
128	Mỡ bôi trơn Silicone	Loại: Mỡ bôi trơn silicone chịu nhiệt Dạng: Paste Nhiệt độ làm việc: -40°C đến ~250°C Tính năng: Chịu nhiệt cao, chống nước, chống oxy hóa Không làm hư cao su, nhựa Lọ 255g

129	Dầu phanh DOT4	<p>Tiêu chuẩn: DOT 4 Điểm sôi khô: $\geq 230^{\circ}\text{C}$ Điểm sôi ướt: $\geq 155^{\circ}\text{C}$ Thành phần: Glycol Ether Tính năng: Chống ăn mòn hệ thống phanh, ổn định nhiệt tốt Hộp 500ml</p>
130	Nước làm mát động cơ xe ô tô điện	<p>Dung tích: 4L Loại: Nước làm mát chuyên dụng xe điện Đặc tính: Độ dẫn điện thấp (Low Conductivity) Chống ăn mòn, chống đóng cặn Nhiệt độ làm việc: -35°C đến $+120^{\circ}\text{C}$ Màu sắc: Thường xanh/hồng</p>
131	Băng dính giấy 3cm	<p>Loại: Băng keo giấy (masking tape) Chiều rộng: 30mm Chiều dài: ~20–50m Nhiệt độ chịu đựng: ~80–120$^{\circ}\text{C}$</p>
132	Băng dính cách điện	<p>Kích thước: 20yds x 18mm x 0.13mm Màu trắng</p>
133	Dây điện đơn 1x0.5mm ² ; 1x0.75mm ²	<p>Loại: Dây điện đơn lõi đồng Tiết diện: Loại 1x 0.5 mm²: 3kg Loại 1x 0.75 mm²: 3kg Chất liệu lõi: Đồng mềm (Cu $\geq 99.9\%$) Vỏ cách điện: PVC chịu nhiệt/chống dầu cho xe oto. Điện áp định mức: 300/500V Nhiệt độ làm việc: -20°C đến $+105^{\circ}\text{C}$</p>
134	Băng dính hai mặt	<p>Băng dính 2 mặt Loại: Băng keo 2 mặt gel/acrylic Độ dày: ~1–2mm Chiều rộng: thường từ 10–30mm</p>
135	Dây điện đôi mềm tròn 2x4.0mm ²	<p>Quy cách: Cu/Pvc/Pvc Ruột dẫn: Đồng 99,99%. Số lõi: 2; Số sợi đồng: 50 sợi, mỗi sợi đường kính 0,4 Kết cấu: Nhiều sợi bện Điện áp danh định: 0,6/1 kV Chiều dài đóng gói: 100m;</p>

136	Dầu nhớt ô tô tổng hợp toàn phần 5W-30 API SP (Can 4 lít)	<p>Loại nhớt: Tổng hợp toàn phần Tiêu chuẩn API: Đạt và vượt tiêu chuẩn API SN hoặc cao hơn Tiêu chuẩn ACEA: Đạt tối thiểu ACEA A5/B5 Cấp Độ nhớt: 5W-30 theo tiêu chuẩn SAE. Bảo vệ động cơ: Công nghệ Dualock giúp giảm mài mòn động cơ lên đến 50% Quy cách: 4 lít/can</p>
137	Dầu bôi trơn động cơ Diesel 10W-30 (Can 6 lít)	<p>Cấp độ nhớt: SAE 10W-30 Loại dầu: Bán tổng hợp (Semi-synthetic) Dung tích: 6 lít Tiêu chuẩn kỹ thuật: API: CF/SN ACEA: A3/B3, A3/B4 Tính năng: Làm sạch cặn bùn động cơ Bảo vệ chống mài mòn tốt Ổn định nhiệt cao</p>
138	Dung dịch vệ sinh hệ thống nhiên liệu xăng 250ml	<p>Dung tích: 250ml Loại: Phụ gia làm sạch hệ thống nhiên liệu xăng Tính năng: Làm sạch kim phun, buồng đốt Giảm tiêu hao nhiên liệu Cải thiện hiệu suất động cơ Cách sử dụng: Đổ trực tiếp vào bình xăng</p>
139	Công tắc lên xuống kính đơn xe	<p>Loại: Công tắc đơn điều khiển kính cửa Số chân: 5 chân Điện áp hoạt động: 12V DC Vị trí lắp: Cửa phụ Chất liệu: Nhựa ABS + tiếp điểm đồng Tương thích: Hyundai i10 đời 2020</p>
140	Dung dịch bảo vệ động cơ xăng 250ml	<p>Dung tích: 250ml Loại: Phụ gia bảo vệ động cơ Công nghệ: Nano chống ma sát Tính năng: Giảm mài mòn, tăng tuổi thọ động cơ, giảm tiếng ồn</p>
141	Mỡ bôi trơn EP3 (màu đỏ)	<p>Mỡ bò đỏ chịu nhiệt, kháng nước Hộp 450g</p>

142	Dây điện đôi mềm 2x1.5mm ²	Quy cách: Cu/Pvc/Pvc Ruột dẫn: Đồng 99,99%. Số lõi: 2; Số sợi đồng: 30 sợi, mỗi sợi đường kính 0,25mm Kết cấu: Nhiều sợi bện Điện áp danh định: 300/500V Chiều dài đóng gói: 100m;
143	Nước rửa tay 450g	Dòng sản phẩm: Bạc bảo vệ (Silver Protection) Khối lượng tịnh: 450g Dạng: Gel / lỏng Thành phần chính: Chất hoạt động bề mặt, ion bạc kháng khuẩn
144	Keo silicone A500 (màu trắng kính)	Màu sắc: Trong suốt (Clear) Dung tích: 300ml Loại: Keo silicone trung tính Thời gian khô bề mặt: ~10–20 phút Nhiệt độ làm việc: -50°C đến +150°C
145	Keo silicone A500 (màu trắng sữa)	Màu sắc: Trong suốt (Clear) Dung tích: 300ml Loại: Keo silicone trung tính Thời gian khô bề mặt: ~10–20 phút Nhiệt độ làm việc: -50°C đến +150°C
146	Keo silicone A500 (màu đen)	Màu sắc: Trong suốt (Clear) Dung tích: 300ml Loại: Keo silicone trung tính Thời gian khô bề mặt: ~10–20 phút Nhiệt độ làm việc: -50°C đến +150°C
147	Chổi quét sơn cán nhựa 1"	Loại: Chổi sơn Bề rộng: 1 inch (~25mm) Cán: Nhựa Lông: Sợi tổng hợp/tự nhiên
148	Chổi quét sơn cán nhựa 1,5"	Loại: Chổi sơn Bề rộng: 1,5 inch (~38mm) Cán: Nhựa Lông: Sợi tổng hợp/tự nhiên
149	Chổi quét sơn cán nhựa 2"	Loại: Chổi sơn Bề rộng: 2 inch (~50mm) Cán: Nhựa Lông: Sợi tổng hợp/tự nhiên
150	Hộp xịt bảo dưỡng lốp xe	Dung tích: 400ml Loại: Dung dịch bảo dưỡng lốp xe Tính năng: Làm bóng lốp, chống nứt, lão hóa cao su, kháng nước, bụi bẩn

151	Mỡ bôi trơn dạng xịt bôi trơn chịu nhiệt	Dung môi: Không chứa silicon, VOC thấp Dải nhiệt độ: -20°C đến +200°C Dạng: Xịt áp suất cao Dung tích: 500ml
152	Dung dịch hoạt tính làm sạch buồng đốt động cơ xăng 250ml	Dạng: Chất lỏng Màu sắc: Vàng nhạt Mùi: Đặc trưng Điểm chớp cháy: > 61°C Nhiệt độ tự cháy : > 200°C Tỷ trọng: 0.95 – 1.05 g/cm ³ Khả năng tan trong nước: Không tan
153	Bìa đóng sổ A4 xanh lá	Kích thước: 210 × 297 mm (A4) Định lượng giấy: 160 gsm Màu sắc: Xanh lá Quy cách: 100 tờ/ram Chất liệu: Giấy bìa cứng
154	Giấy in A4	Kích thước: 21x29.7cm; Định lượng: 70gsm; độ trắng 90; Quy cách: 500 tờ/ream
155	Dầu nhớt động cơ 5W-30 (Can 5 lít)	Cấp độ nhớt: SAE 5W-30 Loại dầu: Tổng hợp toàn phần (Fully Synthetic) Dung tích: 5 lít Tiêu chuẩn kỹ thuật: ACEA: C3 API: SN/CF
156	Lọc dầu bôi trơn động cơ	Loại: Lọc dầu động cơ Đường kính ngoài: 72 mm Đường kính ngoài ron: 65 mm Chiều cao: 88 mm Chất liệu lọc: Giấy lọc tổng hợp cao cấp Ứng dụng: Xe Hyundai/Kia tương thích
157	Pin tiểu 1,5V AA Evolta Premium Alkaline	Kích thước: AA Điện áp: 1.5V Loại pin: Alkaline (kiềm) Quy cách: Vi 2 viên Dung lượng: ~2000–3000 mAh
158	Thanh gạt mưa 3 khúc 14 inch	Loại: Gạt mưa 3 khúc (conventional frame) Chiều dài: 14 inch (~355mm) Chất liệu lưỡi: Cao su phủ graphite Khung: Thép sơn tĩnh điện

159	Thanh gạt mưa 3 khúc 24 inch	Loại: Gạt mưa 3 khúc (conventional frame) Chiều dài: 24 inch (~610mm) Chất liệu lưỡi: Cao su phủ graphite Khung: Thép sơn tĩnh điện
160	Sơn sắt mạ kẽm 2 trong 1 (màu trắng)	Loại: Sơn 2 trong 1 (sơn + chống gỉ) Màu: Trắng (00111) Khối lượng: 800g Góc sơn: Alkyd cải tiến Thời gian khô: Khô bề mặt: ~30 phút; Khô hoàn toàn: ~6-8 giờ sản xuất năm 2026
161	Sơn sắt mạ kẽm 2 trong 1 (màu xám)	Loại: Sơn 2 trong 1 (sơn + chống gỉ) Màu: xám 00125 Khối lượng: 800g Góc sơn: Alkyd cải tiến Thời gian khô: Khô bề mặt: ~30 phút; Khô hoàn toàn: ~6-8 giờ sản xuất năm 2026
162	Bộ hộp cầu chì ô tô dự phòng chân nhỏ	100 Cầu chì tiêu chuẩn 3A 5A 7.5A 10A 15A 20A 25A 30A 35A 40A
163	Cảm biến áp suất lốp ô tô - Van ngoài	Loại: TPMS van ngoài Dải áp suất: 0 – 8 bar Sai số: ±0.1 bar Kết nối: Không dây Hiển thị: Màn hình LCD
164	Cầu chì ô tô 10A, 15A, 20A (hộp 10 cái)	Cầu chì mini 2 chân cắm Hộp 10 cái
165	Điện trở 1K 1/4W	Điện trở 5 vạch màu Công suất: 1/4W; Sai số 1%. Nhiệt độ hoạt động: -55°C - 155°C Linh kiện xuyên lỗ: 0.5mm Đóng gói: Túi 100 con
166	Thiếc hàn 1mm 100g	Hàm lượng thiếc: 63% Hàm lượng flux: 1.8% Nhiệt độ nóng chảy từ: 183°C Đường kính: 1 mm Trọng lượng: 100g

167	Led siêu sáng đơn đủ màu (Xanh, Đỏ, Vàng, Trắng)	<p>Đường kính LED: 5mm Loại LED: Through-hole / F5 Kiểu chân: 2 chân Chất liệu vỏ: Epoxy trong hoặc đục Góc chiếu sáng: 20° – 60° Dòng hoạt động: 10mA – 20mA Dòng tối đa: ~30mA Nhiệt độ hoạt động: -20°C đến +80°C</p>
168	Dây điện đơn mềm 1x1mm ² (xanh, đỏ)	<p>Quy cách: Cu/Pvc Ruột dẫn: Đồng 99,99%. Số lõi: 1; Số sợi đồng: 24 sợi, mỗi sợi đường kính 0,20 Kết cấu: Nhiều sợi bện Mặt cắt danh định: 1×1 Điện áp danh định: 300/500V Chiều dài đóng gói: 100m; Màu sắc: xanh, đỏ</p>
169	Băng dính hai mặt	<p>Loại keo: Nano Gel/Acrylic Kiểu dán: 2 mặt Màu sắc: Trong suốt Độ dày: 0.5mm – 2mm Bán rộng: 20mm – 30mm Chiều dài: 3m Khả năng chịu nước: Có</p>
170	Băng dính giấy 3cm	loại rộng 3cm
171	Bobin đánh lửa	<p>Điện áp hoạt động: 12V Tương thích: Toyota Vios động cơ 1NZ</p>
172	Bóng đèn phanh ô tô (Hộp gồm 10 bóng)	<p>Điện áp: 12V, 2 sợi đốt Công suất mỗi sợi: 5W + 21W</p>
173	Cuộn dây khí nén tự rút	<p>Độ dài cuộn: 20m; Đường kính ống: 10mm Độ cứng: 95A Độ bền: 40kg/cm² Áp suất: 1MPa Môi trường làm việc -20-80độ C Màu sắc: Xanh</p>

174	Dây cáp mạng CAT.5E	<p>Chuẩn: Cat.5e Cấu trúc: 4 đôi dây xoắn (8 lõi) Lõi dẫn: Đồng đặc (Solid) Cỡ dây: 24 AWG Vỏ ngoài: PVC (CM – Communications Multipurpose) Màu sắc: Trắng Chiều dài cuộn: 305m (1000ft)</p>
175	Hạt mạng RJ45 CAT6	<p>Loại: Đầu nối RJ45 Cat.6 Chuẩn tương thích: Cat.6 / Cat.5e Số chân: 8P8C Lớp mạ tiếp điểm: Vàng 50μ (50 micro-inch) Chất liệu vỏ: Nhựa PC trong suốt Chuẩn bấm: T568A / T568B</p>
176	Gạt mưa sau 14 inch	14 inch ~ 35cm
177	Hộp mực cho máy in Canon 223DW/ 226DW - Cartridge 057	Hộp mực (Cartridge) 057/76A (F276A) sử dụng cho các dòng máy in Canon LBP 223DW, 226DW, 236DW, ... Số lượng trang in: 3.100 trang (độ phủ 5%).
178	Giá tài liệu nhựa cứng 3 ngăn	Giá tài liệu nhựa cứng 3 ngăn
179	Túi cúc - Clear bag	Bìa nút A4
180	Chai xịt vệ sinh bề thẳng đĩa phanh, tẩy dầu mỡ	Dung tích: 500ml
181	Dây điện đơn mềm 1x1mm ² (Các màu)	<p>Quy cách: Cu/Pvc Ruột dẫn: Đồng 99,99%. Số lõi: 1; Số sợi đồng: 24 sợi, mỗi sợi đường kính 0,20 Kết cấu: Nhiều sợi bện Mặt cắt danh định: 1x1 Điện áp danh định: 300/500V Chiều dài đóng gói: 100m;</p>
182	Dây điện đơn mềm 1x1.5mm ² (các màu)	<p>Quy cách: Cu/Pvc Ruột dẫn: Đồng 99,99%. Số lõi: 1; Số sợi đồng: 30 sợi, mỗi sợi đường kính 0.24 Kết cấu: Nhiều sợi bện Mặt cắt danh định: 1x1.5mm² Điện áp danh định: 300/500V Chiều dài đóng gói: 100m;</p>

183	Bóng đèn phanh 2 tóc 12V	12V-21W+5W Loại: Bóng đèn sợi đốt 2 tóc Điện áp danh định: 12V DC Công suất: 5W (đèn hậu), 21W (đèn phanh) Chuẩn bóng: P21/5W Đui đèn: BAY15d (2 chân lệch) Chất liệu: Vỏ: Thủy tinh chịu nhiệt Đui: Kim loại mạ chống oxy hóa Nhiệt độ màu: ~2700K (ánh sáng vàng) Tuổi thọ: ~300–500 giờ
184	Bóng đèn pha cốt H4- 12V	Loại bóng: Halogen 2 tim (dual beam – pha/cốt) Chuẩn đui: H4 (P43t) Điện áp danh định: 12V DC Pha (High beam): 55W Cốt (Low beam): 35W Bóng thủy tinh thạch anh chịu nhiệt Dây tóc tungsten (2 sợi riêng biệt cho pha & cốt) Khí halogen (iodine/bromine) giúp tăng độ sáng và tuổi thọ Nhiệt độ màu: ~3000K – 3500K (ánh sáng vàng/trắng ấm) Quang thông: ~1000 – 1650 lumen Góc chiếu: Cốt: Chiếu gần, chống chói Pha: Chiếu xa Tuổi thọ: ~400 – 600 giờ Hiệu suất phát sáng: 18–22 lm/W
185	Bóng đèn xi nhan 12V	Điện áp 12V-10W
186	Pin tiêu 1,5V AAA Evolta Premium Alkaline	1,5V 1 vì 2 viên pin
187	Ổ Khóa điện ô tô 3 vị Trí (12V)	Có 3 nấc là Tắt – Bật – Đè nổ
188	Hộp xịt chống rỉ sét 350g	Dạng xịt Dung tích: 350g

189	Công tắc điều chỉnh tốc độ quạt gió điều hoà ô tô	<p>Loại: Công tắc xoay/chuyển nấc Số chân: 5 chân Số vị trí: 4 mức tốc độ Điện áp: 12V DC Chức năng: Điều chỉnh tốc độ quạt gió (Low – Medium – High – Max) Chất liệu: Nhựa ABS chịu nhiệt + tiếp điểm đồng</p>
190	Còi sên 12v-4.5A 110db	<p>Điện áp: 12V DC Dòng tiêu thụ: 4.5A Độ ồn: 110 dB Loại: Còi sên (còi đĩa) Tần số âm: ~400–500 Hz (tùy loại cao/thấp) Chất liệu: Kim loại sơn tĩnh điện</p>
191	Bóng đèn phanh ô tô (Hộp gồm 10 bóng)	<p>Điện áp: 12V, 2 sợi đốt Công suất mỗi sợi: 5W + 21W</p>
192	Dây điện đôi mềm 2x2.5mm ²	<p>Quy cách: Cu/Pvc/Pvc Ruột dẫn: Đồng 99,99%. Số lõi: 2; Số sợi đồng: 50 sợi, mỗi sợi đường kính 0,25mm Kết cấu: Nhiều sợi bện Điện áp danh định: 300/500V Vật liệu cách điện/Vỏ: PVC (Polyvinyl Chloride) chất lượng cao, cách điện, bền bỉ Chiều dài đóng gói: 100m;</p>
193	Camera hành trình dạng gương	<p>Kiểu lắp: Gắn gương chiếu hậu (dạng gương tràn viền) Kích thước: 260 x 70 x 17 mm Màn hình: Kích thước: 9.66 inch Loại: IPS cảm ứng Camera trước: Góc quay: 150° Độ phân giải: Full HD (1920x1080) (thông dụng) Bộ nhớ: Kèm thẻ nhớ: 64GB Hỗ trợ thẻ tối đa: thường đến 128GB (tùy phiên bản) Nguồn điện: 12V (qua tẩu sạc ô tô)</p>

194	Còi ngân điện tử 6 giọng	<p>Điện áp hoạt động: 12V DC Loại: Còi điện tử đa âm Số âm thanh: 6 giọng khác nhau Cách hoạt động: Thay đổi âm thanh mỗi lần nhấn nút Công suất tiêu thụ: ~15–30W (ước tính phổ biến) Chất liệu: Nhựa + mạch điện tử</p>
195	Bộ nguồn DC (0-60V/10A/300 W)	<p>Đầu ra định mức: 0 - 60V/ 10A/ 300 W Điều chỉnh tải: $\leq 30\text{mV}/\leq 20\text{mA}$ Độ phân giải nguồn: $\leq 30\text{mA}/\leq 20\text{mA}$ Độ phân giải cài đặt: 10mV/1mA Độ phân giải đọc lại: 10mV/1mA Độ phân giải giá trị (trong vòng 12 tháng) ($25^{\circ}\text{C}\pm 5^{\circ}\text{C}$): $\leq 0.1\% + 30\text{mV}/\leq 0.05\% + 10\text{mA}$ Độ phân giải đọc lại ($25^{\circ}\text{C}\pm 5^{\circ}\text{C}$): $\leq 0.1\% + 30\text{mV}/\leq 0.1\% + 10\text{mA}$ Gợn sóng/Độ nhiễu(*): Voltage(Vp-p): $\leq 50\text{mVp-p}$ Voltage (rms): $\leq 5\text{mVrms}$ Current (rms): $\leq 30\text{mA p-p}$ Hệ số nhiệt độ đầu ra: 100ppm/$^{\circ}\text{C}$ / 200ppm/$^{\circ}\text{C}$ Hệ số nhiệt độ đọc lại: 100ppm/$^{\circ}\text{C}$ / 200ppm/$^{\circ}\text{C}$ Thời gian hồi đáp: $\leq 1.0\text{ms}$ Lưu trữ: 4 nhóm dữ liệu Nhiệt độ làm việc: 0-40 $^{\circ}\text{C}$ Phụ kiện: Dây nguồn; Hướng dẫn sử dụng; Dây cáp USB; Cầu chì</p>
196	Camera ảnh nhiệt	<p>Độ phân giải IR: 120×90pixels; Màn hình: 2.4 inch TFT; Trường nhìn (FOV): 50°x38° Độ nhạy nhiệt (NETD): 60mk; Độ phân giải không gian (IFOV): 7.3mrad; Tốc độ khung hình: 25Hz; Dải nhiệt mục tiêu: -20~400$^{\circ}\text{C}$ Độ chính xác của phép đo: $\pm 2^{\circ}\text{C}$ hoặc $\pm 2\%$, tùy theo giá trị lớn hơn Thời gian pin hoạt động: 8 giờ; Độ phát xạ: (0.01-0.99); Camera kỹ thuật số: 648 x 488 pixels</p>

197	Mạch BMS quản lý sạc xả pin lifepo4	Mạch BMS 16S quản lý sạc và xả pin xe điện; dòng xả 150A; cân bằng chủ động 2A; có giao tiếp biến tần.
198	Kìm bấm đầu cos 6mm đến 50mm	Kìm sử dụng khuôn lục giác với các khuôn có kích thước đa dạng: 6, 10, 16, 25, 35, 50 mm ² . Vật liệu khuôn: Thép hợp kim
199	Dụng cụ bơm lốp xe ô tô dùng khí	Loại: Dụng cụ bơm lốp dùng khí nén Áp suất làm việc: ≤ 150 PSI (~10.3 bar) Áp suất tối đa: 320 PSI (~22 bar) Trọng lượng: ~0.5 kg
200	Súng thổi khí	Thông số kỹ thuật: Chiều dài ống phun: 80mm Đầu nối khí vào : 1/4 inch (Kèm đầu nối nhanh chuẩn Nitto) Chất liệu thân súng: Hợp kim nhôm cao cấp Áp suất vận hành: 2.0 - 4.0 bar
201	Mỏ hàn xung 220V/100W	Chất liệu vỏ: ABS Điện áp: 220-240V Tần số: 50-60Hz Công suất: 100W Chiều dài dây: 1.3m

202	Camera wifi không dây 4Mp 2K	<p>Thẻ nhớ 64Gb; độ phân giải 4 Mp Chạm để gọi tới điện thoại và đàm thoại 2 chiều Hình ảnh rõ nét với độ phân giải 2K+ 4MP (2560 × 1440) Ghi hình màu ban đêm thông minh Chế độ xem toàn cảnh, Cài đặt các điểm quay quyết theo lịch trình Không phơi sáng, không điếm mù Phát hiện tiếng ồn lớn không bình thường, xoay 360 độ Phát hiện chuyển động là đáng người Tự động xoay theo đối tượng chuyển động và thu phóng to hình ảnh chuyển động Cảnh báo chuyển động, ghi hình màu khi có chuyển động Hỗ trợ cả 2 bước sóng 2.4Ghz và 5Ghz Chế độ ngủ giúp bảo vệ sự riêng tư Tầm quan sát hồng ngoại 10 mét Chiếm ít băng thông đường truyền mạng internet Chuẩn cắm mới Type-C Nguồn điện DC(5V)-1A</p>
203	Vam 3 chấu 150mm	<p>Kích thước 6"/150mm, Độ mở chấu 150mm Trọng lượng: khoảng 2,25kg</p>
204	Vam tháo Puly PK đa năng	<p>Tên sản phẩm: Bộ vam tháo puly đa năng – casao tháo puly, vòng bi 2 chân chuyên dụng ô tô xe máy Chất liệu: Thép carbon cao cấp tối đen, đúc nguyên khối chống mài mòn, rỉ sét Khoảng cách kẹp: Tối thiểu 40mm – Tối đa 165mm (điều chỉnh linh hoạt mọi kích thước puly, vòng bi) Thiết kế chính: 2 chấu ngàm móc bám sâu + vít ren trung tâm tạo lực ép đồng trục Phụ kiện đi kèm: Cần vặn 17mm, khóa lục giác, hộp đựng chuyên dụng Trọng lượng: khoảng 2.3kg Lực ép tối đa: =>2000kg</p>

205	Bộ kim mở phanh 6 cái	<p>Bộ gồm 6 cái Kim mở phanh trong mũi thẳng 7" và 10", cong 6-3/4" Kim mở phanh ngoài mũi thẳng 7" và 10", cong 6-3/4"</p>
206	Camera hành trình	<p>Độ phân giải video: 3K HD (2880 x 1620P) @ 30fps Góc quay (FOV): ~139° Khẩu độ: F1.55 Cảm biến hình ảnh: CMOS (tối ưu bởi thuật toán 70mai) Ống kính: xoay 360° Hỗ trợ thẻ nhớ: microSD Dung lượng hỗ trợ: thường đến 128GB Nguồn điện: 5V (qua tẩu sạc / USB)</p>
207	Đồng hồ đo điện trở cách điện	<p>Máy tích hợp đo điện áp AC/DC Điện áp thử: 50V/125V/250V/500V/1000VDC Điện trở: 100MΩ/250MΩ/500MΩ/2000 MΩ/4000MΩ Độ chính xác: ±2 % rdg. ±2 dgt ~ ±5 % rdg. tùy dải đo Điện trở giới hạn trong các dải : 0.05 MΩ/0.125 MΩ /0.25 MΩ/0.5 MΩ/1 MΩ DCV: 4.2V to 600V, 4 ranges, ±1.3% rdg ACV: 420V/ 600V, 2 ranges, 50/60 Hz, ±2.3% rdg. Điện trở thấp: 10 Ω to 1000 Ω, 3 ranges, ±3 % rdg. Tùy dải đo Hiện thị: LCD Kiểm tra mạch, tự động xả, phát hiện AC/DC, So sánh, tự động tắt nguồn Nguồn : LR6 (AA) × 4</p>
208	Dầu phanh	<p>APP/VHDP DOT3 Loại dầu: dầu phanh gốc glycol ether Màu sắc: vàng nhạt đến hồ phách Điểm sôi khô: ≥ 205°C Điểm sôi ướt: ≥ 140°C Độ nhớt ở -40°C: phù hợp tiêu chuẩn FMVSS 116 DOT3 Chai 1 lít</p>

209	Nước rửa tay (can 4 lít)	Thành phần chính: Nước, Sodium Linear Alkylbenzene Sulfonate, Sodium Laureth Sulfate, Magnesium Sulfate, Chiết xuất chanh, Trà trắng (tùy dòng), Chất thơm, Benzisothiazolinone. Hương chanh/trà xanh tươi mát, dịu nhẹ cho da, khử mùi tanh.
210	Hộp xịt chống rỉ sét 350g	Dạng xịt Dung tích: 350g
211	Hộp xịt bảo dưỡng lốp xe	Dung tích: 400ml Loại: Dung dịch bảo dưỡng lốp xe Tính năng: Làm bóng lốp, chống nứt, lão hóa cao su, kháng nước, bụi bẩn
212	Lọc gió động cơ chính hãng	Kích thước: 240x177x53mm Thương hiệu: Denso Mã sản phẩm: 17801-0M020 Loại: lọc gió động cơ ô tô Kích thước: 240 × 177 × 53 mm Chất liệu lọc: giấy lọc sợi tổng hợp nhiều lớp Kiểu lắp: dạng hộp chữ nhật
213	Lọc gió động cơ chính hãng	Kích thước: 240x177x53mm Thương hiệu: Denso Mã sản phẩm: 17801-0M020 Loại: lọc gió động cơ ô tô Kích thước: 240 × 177 × 53 mm Chất liệu lọc: giấy lọc sợi tổng hợp nhiều lớp Kiểu lắp: dạng hộp chữ nhật
214	Thanh gạt mưa 3 khúc 14 inch	Loại: Gạt mưa 3 khúc (conventional frame) Chiều dài: 14 inch (~355mm) Chất liệu lưỡi: Cao su phủ graphite Khung: Thép sơn tĩnh điện
215	Thanh gạt mưa 3 khúc 24 inch	Loại: Gạt mưa 3 khúc (conventional frame) Chiều dài: 24 inch (~610mm) Chất liệu lưỡi: Cao su phủ graphite Khung: Thép sơn tĩnh điện
216	Pin tiêu 1,5V AAA Evolta Premium Alkaline	1,5V 1 vỉ 2 viên pin
217	Pin 1,5V AA Evolta Vỉ 4 Viên	1,5V 1 vỉ 4 viên pin

218	Dung dịch hoạt tính làm sạch buồng đốt động cơ xăng 250ml	Dạng: Chất lỏng Màu sắc: Vàng nhạt Mùi: Đặc trưng Điểm chớp cháy: > 61°C Nhiệt độ tự cháy : > 200°C Tỷ trọng: 0.95 – 1.05 g/cm ³ Khả năng tan trong nước: Không tan
219	Dung dịch bảo vệ động cơ xăng 250ml	Dung tích: 250ml Loại: Phụ gia bảo vệ động cơ Công nghệ: Nano chống ma sát Tính năng: Giảm mài mòn, tăng tuổi thọ động cơ, giảm tiếng ồn
220	Băng dính giấy 3cm	loại rộng 3cm
221	Dầu nhớt ô tô tổng hợp toàn phần 5W-30 API SP (Can 4 lít)	Loại nhớt: Tổng hợp toàn phần Tiêu chuẩn API: Đạt và vượt tiêu chuẩn API SN hoặc cao hơn Tiêu chuẩn ACEA: Đạt tối thiểu ACEA A5/B5 Cấp Độ nhớt: 5W-30 theo tiêu chuẩn SAE. Bảo vệ động cơ: Công nghệ Dualock giúp giảm mài mòn động cơ lên đến 50% Quy cách: 4 lít/can
222	Lọc dầu nhớt động cơ	Dạng lõi giấy Có 2 vòng đệm cao su Tương thích với dòng xe Toyota
223	Kem đánh bóng loại 200 gram	Loại: kem/xi đánh bóng Khối lượng: 200 gram Dạng đóng gói: hũ sắt Màu kem: trắng ngà

224	Keo Silicone chịu nhiệt	<p>Dung tích: 280 ml Màu sắc: đỏ Gốc hóa học: Acetoxy Silicone / Silicone Polymer Hệ đóng rắn: Acetic (gốc axit) Tỷ trọng: 1.02 ± 0.03 g/ml Độ cứng: 12 ± 3 Shore A Độ giãn dài khi đứt: $>500\%$ Cường độ kéo: ≥ 1.5 N/mm² Thời gian khô bề mặt: 7 – 13 phút Tốc độ đóng rắn: tối thiểu 3 mm/ngày Nhiệt độ thi công: 5°C – 40°C Khả năng chịu nhiệt liên tục: khoảng -50°C đến +250°C Chịu nhiệt ngắn hạn: lên tới 285°C – 300°C</p>
225	Dung dịch vệ sinh mâm thắng	<p>Dung tích: 380 ml Dạng: chai xịt dung dịch vệ sinh mâm – thắng Độ pH: trung tính Thành phần: không chứa axit</p>
226	Giấy nhám chà nước P240	<p>Kích thước: 230 × 280 mm Cấu tạo: 1 mặt giấy + 1 mặt hạt mài silicon carbide (SiC) Độ hạt P240 Chất liệu hạt mài: Silicon Carbide Màu sắc: xanh hoặc xanh đen</p>
227	Giấy nhám chà nước P800	<p>Kích thước: 230 × 280 mm Cấu tạo: 1 mặt giấy + 1 mặt hạt mài silicon carbide (SiC) Độ hạt P800 Chất liệu hạt mài: Silicon Carbide Màu sắc: xanh hoặc xanh đen</p>
228	Giấy nhám chà nước P1200	<p>Kích thước: 230 × 280 mm Cấu tạo: 1 mặt giấy + 1 mặt hạt mài silicon carbide (SiC) Độ hạt P1200 Chất liệu hạt mài: Silicon Carbide Màu sắc: xanh hoặc xanh đen</p>
229	Nước rửa kính lái ô tô đậm đặc	<p>Dung tích: ≥ 250ml Gốc: Dung dịch rửa gạt kính Đặc điểm: Không ăn mòn cao su, không để lại vết</p>

230	Dây điện đơn mềm 1x1.5mm ²	Quy cách: Cu/Pvc Ruột dẫn: Đồng 99,99%. Số lõi: 1; Số sợi đồng: 30 sợi, mỗi sợi đường kính 0.24 Kết cấu: Nhiều sợi bện Mặt cắt danh định: 1×1.5mm ² Điện áp danh định: 300/500V Chiều dài đóng gói: 100m; Màu xanh
231	Dây điện đơn mềm 1x1.5mm ²	Quy cách: Cu/Pvc Ruột dẫn: Đồng 99,99%. Số lõi: 1; Số sợi đồng: 30 sợi, mỗi sợi đường kính 0.24 Kết cấu: Nhiều sợi bện Mặt cắt danh định: 1×1.5mm ² Điện áp danh định: 300/500V Chiều dài đóng gói: 100m; Màu đỏ
232	Dây điện đơn mềm 1x1.5mm ²	Quy cách: Cu/Pvc Ruột dẫn: Đồng 99,99%. Số lõi: 1; Số sợi đồng: 30 sợi, mỗi sợi đường kính 0.24 Kết cấu: Nhiều sợi bện Mặt cắt danh định: 1×1.5mm ² Điện áp danh định: 300/500V Chiều dài đóng gói: 100m; Màu vàng
233	Bột màu	Hộp: 300g
234	Bột rà xupap	Hộp: 100g
235	Băng dính cách điện	Kích thước: 20yds x 18mm x 0.13mm Màu đen
236	Hộp xịt rửa chế hòa khí 450ml	Hộp: 450ml
237	Dầu phanh xe ô tô cao cấp	Hộp 1 lít
238	Mỡ bôi trơn Brake Lube	Nhiệt độ làm việc: -40°C đến ~250°C Tính năng: Chịu nhiệt cao, chống nước, chống oxy hóa Hộp: 255g
239	Mỡ bôi trơn Silicone Paste	Nhiệt độ làm việc: -40°C đến ~204°C Tính năng: mỡ silicone cho cao su, slide pin và chống nước Không làm hư cao su, nhựa Hộp: 226g
240	Giẻ lau	Vải

241	Nước làm mát động cơ xe oto điện	Dung tích: 4L Loại: Nước làm mát chuyên dụng xe điện Đặc tính: Độ dẫn điện thấp (Low Conductivity) Chống ăn mòn, chống đóng cặn Nhiệt độ làm việc: -35°C đến +120°C Màu sắc: Thường xanh/hồng
242	Kệ hạng trung để lớp xe di động	Kích thước: D1150 x R488 x C1200mm Khung ống tròn phi 34×1.4mm. 2 tầng để lớp xe. Thanh giằng khung phi 16. Chịu tải 200kg/tầng.
243	Bó dây cắm test board 65 sợi	Chiều dài dây: (100mm 49 chiếc) (150mm 8 chiếc) (200mm 4chiếc) (250mm 4chiếc) Số lượng: 65 dây Loại: 2 đầu đực - đực (male - male) Màu sắc: ngẫu nhiên Loại chân cắm: tròn
244	Breadboard ZY-204 1660 Lỗ 165x110x10mm	Chất liệu: Vỏ nhựa ABS cao cấp, môi tiếp xúc bằng đồng mạ. Số điểm trên test board: 1660 điểm. Kích thước: 165 x 110 x 10mm
245	Cáp mạng CAT-6E UTP	Cáp mạng, 305m
246	Chiết áp đơn 100K ôm	Đường kính trục: 6mm Sai số: 10% Công suất: 2W Loại: Đơn, 3 chân Loại điều chỉnh: tuyến tính
247	Chiết áp đơn 50K ôm	Đường kính trục: 6mm Sai số: 10% Công suất: 2W Loại: Đơn, 3 chân Loại điều chỉnh: tuyến tính
248	Cuộn cảm vạch vòng màu 1W- 1mH	Trị số điện cảm 1mH Công suất 1W Kiểu đóng gói DIP
249	Cuộn cảm vạch vòng màu 1W-10mH	Trị số điện cảm 10mH Công suất 1W Kiểu đóng gói DIP
250	Đầu mũi mở hàn xung	Vật liệu: Đồng Phi: 1mm

251	Điện trở 100K 1/4W	Điện trở 5 vạch màu Công suất: 1/4W; Sai số 1%. Nhiệt độ hoạt động: -55°C - 155°C Linh kiện xuyên lỗ: 0.5mm Đóng gói: 1 túi 500 con
252	Điện trở 10K 1/4W	Điện trở 5 vạch màu Công suất: 1/4W; Sai số 1%. Nhiệt độ hoạt động: -55°C - 155°C Linh kiện xuyên lỗ: 0.5mm Đóng gói: 1 túi 500 con
253	Điện trở 15K 1/4W	Điện trở 5 vạch màu Công suất: 1/4W; Sai số 1%. Nhiệt độ hoạt động: -55°C - 155°C Linh kiện xuyên lỗ: 0.5mm Đóng gói: 1 túi 500 con
254	Điện trở 1K 1/4W	Điện trở 5 vạch màu Công suất: 1/4W; Sai số 1%. Nhiệt độ hoạt động: -55°C - 155°C Linh kiện xuyên lỗ: 0.5mm Đóng gói: 1 túi 500 con
255	Điện trở 1K2 1/4W	Điện trở 5 vạch màu Công suất: 1/4W; Sai số 1%. Nhiệt độ hoạt động: -55°C - 155°C Linh kiện xuyên lỗ: 0.5mm Đóng gói: 1 túi 500 con
256	Điện trở 1M 1/4W	Điện trở 5 vạch màu Công suất: 1/4W; Sai số 1%. Nhiệt độ hoạt động: -55°C - 155°C Linh kiện xuyên lỗ: 0.5mm Đóng gói: 1 túi 500 con
257	Điện trở 220K ôm 1/4W	Điện trở 5 vạch màu Công suất: 1/4W; Sai số 1%. Nhiệt độ hoạt động: -55°C - 155°C Linh kiện xuyên lỗ: 0.5mm Đóng gói: 1 túi 500 con
258	Điện trở 220 ôm 1/4W	Điện trở 5 vạch màu Công suất: 1/4W; Sai số 1%. Nhiệt độ hoạt động: -55°C - 155°C Linh kiện xuyên lỗ: 0.5mm Đóng gói: 1 túi 500 con
259	Điện trở 22K ôm 1/4W	Điện trở 5 vạch màu Công suất: 1/4W; Sai số 1%. Nhiệt độ hoạt động: -55°C - 155°C Linh kiện xuyên lỗ: 0.5mm Đóng gói: 1 túi 500 con

260	Điện trở 2K7 1/4W	Điện trở 5 vạch màu Công suất: 1/4W; Sai số 1%. Nhiệt độ hoạt động: -55°C - 155°C Linh kiện xuyên lỗ: 0.5mm Đóng gói: 1 túi 500 con
261	Điện trở 330 ôm 1/4W	Điện trở 5 vạch màu Công suất: 1/4W; Sai số 1%. Nhiệt độ hoạt động: -55°C - 155°C Linh kiện xuyên lỗ: 0.5mm Đóng gói: 1 túi 500 con
262	Điện trở 470 ôm 1/4W	Điện trở 5 vạch màu Công suất: 1/4W; Sai số 1%. Nhiệt độ hoạt động: -55°C - 155°C Linh kiện xuyên lỗ: 0.5mm Đóng gói: 1 túi 500 con
263	Điện trở 4K7 1/4W	Điện trở 5 vạch màu Công suất: 1/4W; Sai số 1%. Nhiệt độ hoạt động: -55°C - 155°C Linh kiện xuyên lỗ: 0.5mm Đóng gói: 1 túi 500 con
264	Điện trở 5K6 1/4W	Điện trở 5 vạch màu Công suất: 1/4W; Sai số 1%. Nhiệt độ hoạt động: -55°C - 155°C Linh kiện xuyên lỗ: 0.5mm Đóng gói: 1 túi 500 con
265	Điện trở 680 ôm 1/4W	Điện trở 5 vạch màu Công suất: 1/4W; Sai số 1%. Nhiệt độ hoạt động: -55°C - 155°C Linh kiện xuyên lỗ: 0.5mm Đóng gói: 1 túi 500 con
266	Điện trở 6K8 1/4W	Điện trở 5 vạch màu Công suất: 1/4W; Sai số 1%. Nhiệt độ hoạt động: -55°C - 155°C Linh kiện xuyên lỗ: 0.5mm Đóng gói: 1 túi 500 con
267	Điện trở 820 ôm 1/4W	Điện trở 5 vạch màu Công suất: 1/4W; Sai số 1%. Nhiệt độ hoạt động: -55°C - 155°C Linh kiện xuyên lỗ: 0.5mm Đóng gói: 1 túi 500 con
268	Điện trở công suất loại: 10 ôm/2W	Chất liệu: Film carbon Nhiệt độ hoạt động: -55 độ C - 155 độ C Sai số: 5%

269	Điện trở công suất loại: 47k ôm/2W	Chất liệu: Film carbon Nhiệt độ hoạt động: -55 độ C – 155 độ C Sai số: 5%
270	Diode 1N4007	Điện áp làm việc: 50 – 1000V Dòng điện giới hạn: I _{max} = 1A
271	Diode 1N4148	Điện áp ngược cực đại: 75V Dòng thuận cực đại: 450mA
272	Diode cầu đẹt 3A	Điện áp làm việc: 50 - 1000V Dòng điện giới hạn: I _{max} = 3A
273	Diode Zener: 12V	Điện áp Zener: 12V Công suất: 1/2W
274	Diode Zener 3V3	Điện áp Zener: 3V3 Công suất: 1/2W
275	Diode Zener 5.1V	Điện áp Zener: 5V1 Công suất: 1/2W
276	Diode Zener 9V	Điện áp Zener: 9V Công suất: 1/2W
277	Động cơ 6VDC	Điện áp đầu vào: 6VDC Cốt trục 2-4mm
278	Hạt mạng RJ45	Đầu bấm mạng RJ45 CAT6 chất lượng cao, đạt chuẩn 10/100/1000.
279	IC 74164	Dải điện áp hoạt động: 2-6V Đầu ra TTL. Nhiệt độ hoạt động: 0°C đến 75°C. Kiểu chân: xuyên lỗ (DIP)
280	IC 7805	Dải điện áp hoạt động: 2-6V Đầu ra TTL. Nhiệt độ hoạt động: 0°C đến 75°C. Kiểu chân: xuyên lỗ (DIP)
281	IC 7812	Dải điện áp hoạt động: 2-6V Đầu ra TTL. Nhiệt độ hoạt động: 0°C đến 75°C. Kiểu chân: xuyên lỗ (DIP)
282	IC 7905	Dải điện áp hoạt động: 2-6V Đầu ra TTL. Nhiệt độ hoạt động: 0°C đến 75°C. Kiểu chân: xuyên lỗ (DIP)
283	IC 7912	Dải điện áp hoạt động: 2-6V Đầu ra TTL. Nhiệt độ hoạt động: 0°C đến 75°C. Kiểu chân: xuyên lỗ (DIP)

284	IC LA4440	Điện áp làm việc: 12-25VDC Dòng điện tiêu thụ: 200mA. Công suất đầu ra: 6W cho hai kênh(stereo), 19W cho một kênh(mono).
285	IC LM358	Kiểu chân: 8 chân, xuyên lỗ (DIP) Điện áp: 3-32V nguồn đơn, 1.5-16V nguồn đôi Độ lợi khuếch đại DC 100dB Dải nhiệt độ hoạt động: 0 ~ 70oC Điện áp ngõ ra: 0V đến VCC(+)-1.5V
286	IC NE555	Điện áp đầu vào: 4.5-16V Dòng điện cung cấp: 10mA - 15mA Công suất lớn nhất là: 600mW Nhiệt độ hoạt động: 0 - 70oC Kiểu chân: 8 chân, xuyên lỗ(DIP)
287	LED 5mm Đỏ	Đường kính: 5mm Điện áp tham chiếu: 1.8-2V Dòng: 5mA – 40mA Độ sáng :5000-7000mcd
288	LED 5mm Vàng	Đường kính: 5mm Điện áp tham chiếu: 1.8-2V Dòng: 5mA – 40mA Độ sáng :5000-7000mcd
289	LED 5mm Xanh	Đường kính: 5mm Điện áp tham chiếu: 1.8-2V Dòng: 5mA – 40mA Độ sáng :5000-7000mcd
290	LED 7 thanh 0.56 - Anode chung hiển thị 1 số	Điện áp = 2V Dòng = 20mA Kiểu chân: xuyên lỗ (DIP) Kiểu hiển thị: 1 số
291	LED hồng ngoại 5mm	Đường kính: 5mm Dòng: 5mA – 40mA Cặp (125 thu - 125 phát)
292	Mũi khoan mạch in (1 túi 10 loại mũi)	1 túi 10 loại mũi điện tử
293	Nhựa thông	Hộp giấy hình chữ nhật 2,5x6cm; 15g
294	Phíp đồng đục lỗ sẵn một mặt màu xanh	Màu xanh, Kính thước: 70x90mm

295	Photo Diode 5mm	<p>Dòng: 10mA – 20mA Đường kính vỏ: 5mm Dải bước sóng đáp ứng: 400nm ~ 1100nm Bước sóng nhạy nhất: 850nm ~ 900nm Thời gian đáp ứng: 5ns ~ 1.8μs Góc nhận ánh sáng: khoảng 20° ~ 60° Nhiệt độ hoạt động: -25°C đến +85°C Kiểu chân: 2 chân Anode/Cathode</p>
296	Pin vuông 9V	<p>Kích cỡ: pin vuông , pin 9V Chất liệu: pin than (zinc-carbon) Điện áp tiêu chuẩn: 9 volt</p>
297	Pin tiêu 1,5V; AA	Panasonic 1,5V; màu đỏ loại tốt
298	Pin tiêu 1,5V; AAA	Panasonic 1,5V; màu đỏ loại tốt
299	Quang trở 5mm	<p>Điện áp tối đa 150V Công suất tối đa: 100mW Giá trị đỉnh phổ: 540 nm Trở sáng (10Lux) 10 ~ 20 (KΩ) Trở tối: 1 (MΩ)</p>
300	Rơ le 12V/5A 5chân	<p>Điện áp cuộn dây: 12V Role 5 chân; 2 bộ tiếp điểm Dòng qua tiếp điểm 1A- 5A 125VAC, 2A 30VDC Màu sắc: vỏ nhựa xanh hình vuông</p>
301	Thiếc hàn 0.6mm 500g	<p>Thành phần thiếc 60%, chì 40% Kích thước 0.6mm, Trọng lượng 500g Dễ nóng chảy, bám dính tốt. Khi hàn tạo ra lớp bóng trên bề mặt.</p>
302	Transistor 2N3904	<p>Dòng điện cực đại: Ic=200 mA Công suất cực đại: Pc=350 mW điện áp cực đại Transistor Uceo=40V Ucbo=60V Uebo=6V Hệ số khuếch đại (hfe): 100-300 Tần số cắt: Ft=300 Kiểu chân: xuyên lỗ (DIP)</p>

303	Transistor A1013	<p>Loại transistor: PNP Dòng điện cực đại transistor: $I_c = -1A$ Công suất cực đại: $P_c = 900mW$ Điện áp cực đại: $U_{ceo} = -160V$ $U_{cbo} = -160V$ $U_{ebo} = -6V$ Hệ số khuếch đại(hfe): 60-200 Tần số cắt(Ft): $>15MHz$ Kiểu chân: xuyên lỗ (DIP)</p>
304	Transistor A1015	<p>Loại transistor: PNP Dòng điện cực đại transistor: $I_c = -150mA$ Công suất cực đại: $P_c = 400mW$ Điện áp cực đại: $U_{ceo} = -50V$ $U_{cbo} = -50V$ $U_{ebo} = -5V$ Hệ số khuếch đại(hfe): 70-400 Tần số cắt(Ft): $>80MHz$ Kiểu chân: TO-92</p>
305	Transistor A564	<p>Loại transistor: PNP Dòng điện cực đại transistor: $I_c = -100mA$ Điện áp cực đại: $U_{ceo} = -25V$ $U_{cbo} = -25V$ $U_{ebo} = -7V$ Kiểu chân: TO-92</p>
306	Transistor C1815	<p>Loại transistor: NPN Dòng điện cực đại: $I_c = 150mA$ Công suất cực đại: $P_c = 400mW$ Điện áp cực đại Transistor : $U_{ceo} = 50V$ $U_{cbo} = 60V$ $U_{ebo} = 5V$ Hệ số khuếch đại(hfe): 70-700 Tần số cắt: Ft $>80MHz$ Kiểu chân: xuyên lỗ (DIP)</p>

307	Transistor C2383	<p>Loại transistor: NPN Dòng điện cực đại transistor: $I_c = 1A$ Công suất cực đại: $P_c = 900mW$ Điện áp cực đại: $U_{ceo} = 160V$ $U_{cbo} = 160V$ $U_{ebo} = 6V$ Hệ số khuếch đại(hfe): 60-320 Tần số cắt Ft: 100MHz Nhiệt độ lưu trữ và hoạt động tối đa: -55 đến +150 độ C Kiểu chân: xuyên lỗ (DIP)</p>
308	Transistor C828	<p>Loại transistor: NPN Dòng điện cực đại: $I_c = 50mA$, $I_{cm} = 100mA$ Công suất cực đại transistor: $P_c = 250mW$ Điện áp cực đại: $U_{ceo} = 25V$ $U_{cbo} = 30V$ $U_{ebo} = 7V$ Hệ số khuếch đại(hfe): >65 Tần số cắt Ft: 110MHz Kiểu chân: xuyên lỗ (DIP)</p>
309	Transistor J201 JFET_n	<p>Loại linh kiện: Transistor Kiểu chân: TO-92 Công suất: 50mA/40V Kiểu chân: xuyên lỗ (DIP)</p>
310	Transistor IRF540	<p>Loại gói: TO-220 Loại transistor: Kênh N Điện áp tối đa từ cực máng đến cực nguồn: 100V Điện áp tối đa từ cực cổng đến cực nguồn phải là: $\pm 20V$ Dòng cực máng liên tục tối đa là: 23A Dòng cực máng xung tối đa là: 92A Công suất tiêu tán tối đa là: 100W Điện áp tối thiểu cần thiết để dẫn điện: 2V đến 4V Nhiệt độ bảo quản và hoạt động phải là: -55 đến +150 độ C</p>

311	Transistor TIP41C	<p>Loại NPN Điện áp Collector-Emitter: 100 V Điện áp Collector-Base: 100 V Điện áp Emitter-Base: 5 V Dòng Collector: 6 A Công suất tiêu tán Collector - 65 W Mức tăng dòng DC (hfe) - 15 đến 75 Tần số chuyển đổi - 3 MHz Nhiệt độ vận hành và lưu trữ từ -65 đến +150 ° C Gói - TO-220</p>
312	Transistor TIP42C	<p>Loại PNP Điện áp cực góp - cực nền (Vcb): 100V (một số phiên bản lên đến 140V) Điện áp cực góp - cực phát (Vce): 100V Điện áp cực nền - cực phát (Vbe): 5V Dòng cực góp (Ic): 6A (tối đa) Công suất tiêu thụ cực đại (Pc): 65W Hệ số khuếch đại dòng điện (hFE): 15 - 75 Tần số chuyển đổi: 3MHz Nhiệt độ hoạt động: -65°C đến 150°C Kiểu đóng gói: TO-220</p>
313	Tụ gốm 100nF(104)	<p>Điện áp định mức: 50V Loại tụ: Tụ gốm Kiểu đóng gói: DIP Túi 1000 con</p>
314	Tụ gốm 1nF(102)	<p>Điện áp định mức: 50V Loại tụ: Tụ gốm Kiểu đóng gói: DIP Túi 1000 con</p>
315	Tụ gốm 33pF (33)	<p>Điện áp định mức: 50V Loại tụ: Tụ gốm Kiểu đóng gói: DIP Túi 1000 con</p>
316	Tụ gốm 470 pF(471)	<p>Điện áp định mức: 50V Loại tụ: Tụ gốm Kiểu đóng gói: DIP Túi 1000 con</p>
317	Tụ hóa 0,1 uF/50V	<p>Điện áp: 50V Tên gọi: Tụ hóa. Loại tụ: Phân cực</p>

318	Tụ hóa 0,47 uF/50V	Điện áp: 50V Tên gọi: Tụ hóa. Loại tụ: Phân cực
319	Tụ hóa 10 uF/50V	Điện áp: 50V Tên gọi: Tụ hóa. Loại tụ: Phân cực
320	Tụ hóa 100 uF/50V	Điện áp: 50V Tên gọi: Tụ hóa. Loại tụ: Phân cực
321	Tụ hóa 1000 uF/25V	Điện áp: 50V Tên gọi: Tụ hóa. Loại tụ: Phân cực
322	Tụ hóa 22 uF/50V	Điện áp: 50V Tên gọi: Tụ hóa. Loại tụ: Phân cực
323	Tụ hóa 220 uF/50V	Điện áp: 50V Tên gọi: Tụ hóa. Loại tụ: Phân cực
324	Tụ hóa 47 uF/50V	Điện áp: 50V Tên gọi: Tụ hóa. Loại tụ: Phân cực
325	Tụ hóa 470uF/50V	Điện áp: 50V Tên gọi: Tụ hóa. Loại tụ: Phân cực
326	Thẻ nhớ Sandisk Class 10 128GB 100MB/s	Class 10 128GB 100MB/s
327	Mạch nạp ST link V2	Mạch nạp STM8, STM32 ST-Link V2 Mini Chuẩn nạp: JTAG, SWD, SWV. Điện áp hoạt động: 5VDC (từ cổng USB).
328	Lạt nhựa 4x200mm	Kích thước: 4x200mm Màu sắc: Trắng Chất liệu: Nhựa PA (Nylon 66) Đóng gói: 500 cái/túi
329	Cảm biến quang 6 36V NPN	Khoảng điều chỉnh cảm biến: 7~30cm Khoảng cách phát hiện vật cản: 0~30cm Có led hiển thị ngõ ra màu đỏ. Kích thước: 18 x 68mm
330	Cảm biến quang 6 36V PNP	Khoảng điều chỉnh cảm biến: 7~30cm Khoảng cách phát hiện vật cản: 0~30cm Có led hiển thị ngõ ra màu đỏ. Kích thước: 18 x 68mm

331	Cáp chuyển đổi từ USB 2.0 sang LAN 10/100	Hỗ trợ tốc độ truy cập 10/100Mbps Tương thích IEEE 802.3, 802.3u (10Base-T, 100Base-T)
332	Raspberry Pi5 Ram 8Gb (vỏ, nguồn, tản nhiệt)	<p>Ram 8Gb + Quạt tản nhiệt +Vỏ nhựa + Nguồn 2.4GHz quad-core 64-bit Arm Cortex-A76 CPU, 512KB per-core L2 caches và 2MB shared L3 cache VideoCore VII GPU @800MHz, hỗ trợ OpenGL ES 3.1, Vulkan 1.2 Đầu ra hiển thị Dual 4Kp60 HDMI® Bộ giải mã HEVC 4Kp60 LPDDR4X-4267 SDRAM (tùy chọn cho 4GB/8GB) 2.4GHz/5GHz dual-band 802.11ac Wi-Fi® Bluetooth 5.0 / Bluetooth năng lượng thấp (BLE) Khe cắm thẻ TF, hỗ trợ chế độ SDR104 tốc độ cao 2 × cổng USB 3.0, hỗ trợ hoạt động đồng thời 5Gbps Gigabit Ethernet, có hỗ trợ PoE+ (yêu cầu PoE+ HAT riêng) 2 × 4-lane MIPI DSI/CSI port Giao tiếp PCIe 2.0 x1 cho các thiết bị ngoại vi nhanh (yêu cầu M.2 HAT riêng hoặc bộ chuyển đổi khác) Nguồn DC 5V/5A qua USB-C, có hỗ trợ Power Delivery Header 40 chân tiêu chuẩn Raspberry Pi Đồng hồ thời gian thực (RTC), được cấp nguồn từ pin ngoài (không bao gồm) Nút nguồn trên bo mạch để bật/tắt nguồn mà không cần ngắt kết nối bộ đổi nguồn</p>
333	Màn hình 7 Inch	7Inch HD 1024x600 cảm ứng điện dung (Kèm đĩa, cable HDMI, cable USB)
334	IC AT89S52	<p>Điện áp hoạt động 4.0 đến 5.5v Tần số hoạt động 0 đến 33 MHz Bộ nhớ Flash (ROM) 8 KB (Nạp xóa điện tử 1000 lần) Số lượng chân I/O 32 chân (4 Port) Timer/Counter 3 bộ (16-bit)</p>
335	Mạch nạp USB ISP	<p>Giao tiếp và cấp nguồn qua cổng USB 5VDC. Cổng nạp chuẩn ISP 10 pins. Hỗ trợ set Fuse bit. Onboard ATmega8(L).</p>

336	Card mạng không dây USB Wireless N150Mb	Tốc độ truyền Lên đến 150Mbps băng tần 2.4 GHz. IEEE 802.11b, IEEE 802.11g, IEEE 802.11n
337	Chuột quang máy tính có dây USB	Kết nối USB 2.0 Màu sắc Đen Dạng cảm biến Optical Số nút bấm 3
338	Bàn phím máy tính	Kiểu kết nối: Có dây Chuẩn kết nối: USB Màu sắc: đen Phím chức năng: Standard
339	Cáp chuyển đổi HDMI sang DVI-D HD106	Cáp tròn, dài: 1,5m
340	Dây êmay 0,5mm	Đường kính: 0.5mm Chủng loại sơn cách điện 1 lớp: Polyester Cấp chịu nhiệt: 155 °C Ruột dẫn: đồng ủ mềm Cấp chiều dày sơn: 1
341	Dây êmay 0,4mm	Đường kính: 0.4mm Chủng loại sơn cách điện 1 lớp: Polyester Cấp chịu nhiệt: 155 °C Ruột dẫn: đồng ủ mềm Cấp chiều dày sơn: 1
342	Dây gai buộc động cơ	Chất liệu: Dây gai, Dây dù Màu sắc: Trắng hoặc Đỏ Khối lượng: khoảng 50-80 gram
343	Bìa cách điện xanh 0.17mm	Kích thước của giấy cách điện chịu nhiệt xanh có độ dày từ 0.17mm Khả năng cách điện của bìa là 1,5KV Độ chịu nhiệt của giấy xanh dao động từ 120 -150 độ.
344	Ống gen cách điện sợi thủy tinh 2mm	Đường kính trong: 2mm ± 0.2mm Vật liệu: Sợi thủy tinh Nhiệt độ làm việc : -60 -> 200 độ C Màu tiêu chuẩn: Trắng Đặc điểm: Không cháy, không nóng chảy, cách điện cao

345	Ống gen cách điện sợi thủy tinh 5mm	Đường kính trong: 5mm \pm 0.2mm Vật liệu: Sợi thủy tinh Nhiệt độ làm việc : -60 -> 200 độ C Màu tiêu chuẩn: Trắng Đặc điểm: Không cháy, không nóng chảy, cách điện cao
346	Đầu cốt kim rỗng 1mm2 đỏ	Chất liệu: đồng thau mạ thiếc chống rỉ Độ dày: 0.5mm; đường kính: 1mm2 Dòng định mức: 15A Điện áp đầu vào: 100-240V Màu: đỏ Túi 1000 cái
347	Đầu cốt kim rỗng 1mm2 xanh	Chất liệu: đồng thau mạ thiếc chống rỉ Độ dày: 0.5mm; đường kính: 1mm2 Dòng định mức: 15A Điện áp đầu vào: 100-240V Màu: xanh Túi 1000 cái
348	Đầu cốt kim rỗng 1mm2 vàng	Chất liệu: đồng thau mạ thiếc chống rỉ Độ dày: 0.5mm; đường kính: 1mm2 Dòng định mức: 15A Điện áp đầu vào: 100-240V Màu: Vàng Túi 1000 cái
349	Cốt khuyên bọc nhựa 3.5mm vàng	3.5mm RV2-4(vàng)
350	Dây điện đơn mềm 1x1mm2 (màu xanh vàng- Tiếp địa)	Quy cách: Cu/Pvc Ruột dẫn: Đồng 99,99%. Số lõi: 1; Số sợi đồng: 24 sợi, mỗi sợi đường kính 0,20 Kết cấu: Nhiều sợi bện Mặt cắt danh định: 1x1 Điện áp danh định: 300/500V Chiều dài đóng gói: 100m;
351	Dây điện đơn mềm 1x0.75mm2; Màu đỏ	Quy cách: Cu/Pvc Ruột dẫn: Đồng 99,99%. Số lõi: 1 Tiết diện: 0,75mm2 Điện áp: 300/500 V Màu sắc: đỏ
352	Dây điện đơn mềm 1x0.75mm2 (Xanh)	Quy cách: Cu/Pvc Ruột dẫn: Đồng 99,99%. Số lõi: 1 Tiết diện: 0,75mm2 Điện áp: 300/500 V Màu sắc: xanh

353	Dây điện đôi mềm 2x1.5mm ²	Quy cách: Cu/Pvc/Pvc Ruột dẫn: Đồng 99,99%. Số lõi: 2 Tiết diện: 1,55mm ² Điện áp: 300/500 V Kiểu cách: vỏ cách điện vàng
354	Mặt công tắc 2 lỗ tròn	Loại sản phẩm: Mặt nạ 2 lỗ (mặt che). Kích thước: Hình chữ nhật 120x70mm Chất liệu: Nhựa PVC/ABS cao cấp, độ bền cao, chống cháy. Màu sắc: Trắng. Dòng điện định mức: 16A Điện áp định mức: 250V
355	Công tắc có đèn báo màu đỏ 15A; 18.5 x 12.5 mm	Loại: ON-OFF Dòng điện định mức: 15A Đèn LED: Có; màu đỏ Kích thước: 18.5 x 12.5 mm Vật liệu tiếp điểm: Đồng Điện áp định mức: 250VAC Vật liệu vỏ: Polyamide
356	Hạt công tắc 2 cực 10A	Loại công tắc: 2 chiều (đảo chiều) Dòng định mức: 10A Điện áp hoạt động: 220V - 250VAC, Thiết kế: Mặt tròn, phím nhấn nhỏ/vừa, phong cách hiện đại, màu trắng Chất liệu: Nhựa kỹ thuật cao cấp chịu nhiệt, chống cháy; tiếp điểm hợp kim đồng
357	Hạt công tắc 3 cực 10A	Loại công tắc: 2 chiều 3 cực Dòng định mức: 10A Điện áp hoạt động: 220V - 250VAC, Thiết kế: Mặt tròn, phím nhấn nhỏ/vừa, phong cách hiện đại, màu trắng Chất liệu: Nhựa kỹ thuật cao cấp chịu nhiệt, chống cháy; tiếp điểm hợp kim đồng
358	Ống luồn dây điện tròn cứng chống cháy D20	Chất liệu: Nhựa PVC tự chống cháy Đường kính ngoài: 20mm Độ dày thành ống: 1.55-1.6mm Đường kính trong: Khoảng 16.1-16,9 Chiều dài: 2,92m/cây

359	Kẹp giữ ống	<p>Đường kính ống sử dụng: 20mm. Chất liệu: Nhựa PVC cao cấp, chống cháy, cách điện. Màu sắc: Trắng sữa. Kiểu dáng: Kẹp càng cua (1 lỗ bắt vít). Kích thước: Chiều rộng: 26mm. Chiều cao: 26mm. Chiều sâu: 18.5mm.</p>
360	Đầu, khớp nối ren cho ống luồn dây điện E258+281/20	<p>Kích thước: Dùng cho ống đường kính phi 20 Chất liệu: Nhựa PVC chống cháy cao cấp, chịu nhiệt, cách điện tốt. Màu sắc: Trắng. Kiểu kết nối: Một đầu ren vặn (vào hộp box) và một đầu đẩy vào (nối ống).</p>
361	Cút chữ L E244/20	<p>Kích thước (Đường kính): 20mm (phi 20). Loại: Cút chữ L (cút góc 90 độ) có nắp đậy và vít. Chất liệu: Nhựa PVC cao cấp, chống cháy, cách điện tốt.</p>
362	Cút chữ T E246/20S	<p>Đường kính trong: 20mm. Đường kính ngoài: 25mm. Chất liệu: Nhựa PVC cao cấp. Kiểu kết nối: Đẩy vào (không nắp). Màu sắc: Trắng.</p>
363	Khớp nối trơn (Nối ống điện) 20 Sino E242/20	<p>Loại: Khớp nối trơn (mãng sông) Đường kính trong: phù hợp ống 20mm Chất liệu: Nhựa PVC cao cấp (chống cháy) Màu sắc: Trắng</p>
364	Bu long + đai ốc + long đen M4*30	(loại mũ vít)
365	Đồng hồ đo dòng điện xoay chiều 30A	<p>Dải đo: 0 - 30A AC. Kiểu đo: Trực tiếp. Kích thước mặt: 80x80 mm. Loại hiển thị: Kim (Moving iron). Cấp chính xác: 1.5</p>
366	Đồng hồ điện áp xoay chiều 500V	<p>Dải đo: 0 - 500VAC. Kiểu đo: Trực tiếp. Kích thước mặt: 80x80 mm. Loại hiển thị: Kim (Moving iron). Cấp chính xác: 1.5</p>

367	Chuyển mạch vôn 7 vị trí	Vị trí chuyển mạch: 7 vị trí (RS-ST-TR-OFF-RN-SN-TN). Điện áp định mức (Ue): 600 - 690VAC, 50/60Hz. Kích thước mặt: 64mm x 79mm Dòng định mức (Ie/Ith): 20A. Góc xoay: 360 độ (hoặc 45 độ/vị trí).
368	Đèn báo nguồn phi 22 - 220V (màu đỏ) CML BP22D	Loại đèn: LED báo nguồn Điện áp định mức: 220V AC (phi): 22mm Kích thước lỗ khoét
369	Đèn báo nguồn phi 22 - 220V(màu vàng) CML BP22V	Loại đèn: LED báo nguồn Điện áp định mức: 220V AC (phi): 22mm Kích thước lỗ khoét
370	Đèn báo nguồn phi 22 - 220V(màu xanh) CML BP22X	Loại đèn: LED báo nguồn Điện áp định mức: 220V AC (phi): 22mm Kích thước lỗ khoét
371	Nút nhấn có đèn báo (màu đỏ) F22 CML ANCDD	Loại nút: Nhấn nhả (tự phục hồi). Đèn báo: Có, điện áp 220v NC (thường đóng) + 1NO (thường mở).
372	Nút nhấn có đèn báo (màu xanh) F22 CML ANCDX	Loại nút: Nhấn nhả (tự phục hồi). Đèn báo: Có, điện áp 220v NC (thường đóng) + 1NO (thường mở).
373	Cốt càng cua bọc nhựa SV1.25-3(đỏ)	Màu sắc: Đỏ Kiểu: Càng cua Chất liệu: Nhựa + Kim loại
374	Cốt càng cua bọc nhựa SV1.25-3(xanh)	Màu sắc: Xanh Kiểu: Càng cua Chất liệu: Nhựa + Kim loại
375	Gen co nhiệt phi 2	Nhiệt làm việc: -55 °C ~ 125 °C nhiệt độ co: 125 °C; Tỉ lệ co theo chiều ngang: ≥50%, Tỉ lệ co theo chiều dọc: ≤8%; Điện áp cách điện: 600V Đường kính: 2mm
376	Gen co nhiệt phi 4	Nhiệt làm việc: -55 °C ~ 125 °C nhiệt độ co: 125 °C; Tỉ lệ co theo chiều ngang: ≥50%, Tỉ lệ co theo chiều dọc: ≤8%; Điện áp cách điện: 600V Đường kính: 4mm

377	Gen co nhiệt phi 6	Nhiệt làm việc: -55 °C ~ 125 °C nhiệt độ co: 125 °C; Tỉ lệ co theo chiều ngang: $\geq 50\%$, Tỉ lệ co theo chiều dọc: $\leq 8\%$; Điện áp cách điện: 600V Đường kính: 4mm
378	Giắc cắm an toàn phi 4mm	Màu đỏ Shrouded Stackable Plug Vật liệu cách điện: PE Vật liệu: Đồng Lớp phủ: mạ Nickel Tiêu chuẩn an toàn: CE CAT III 1000V/Max. 32A
379	Cầu đấu nhựa trắng 30A	Số chân: 12 chân Thanh gồm 12 khớp Mỗi khớp làm bằng đồng: có 2 vít để siết chặt dây điện. Loại 30A-380V 16.5 x 2.4 x 1.8cm – Đường kính lõi: 4.5mm
380	Hạt công tắc trung gian đa chiều hạt tròn	(MI) sino vanlock, hạt tròn Loại: Công tắc trung gian đa chiều (intermediate switch) - hạt tròn. Điện áp định mức: 250VAC. Dòng định mức: 10A Tiếp điểm: Hợp kim bạc, chịu mài mòn, tuổi thọ cao Chất liệu: Nhựa Polycarbonate (chống cháy, chịu nhiệt, cách điện). Ứng dụng: Kết hợp với 2 công tắc đảo chiều (công tắc 3 chiều) để tạo mạch điều khiển đèn từ 3, 4 hoặc nhiều vị trí (thường dùng cho cầu thang, hành lang dài)
381	Long đen vênh	Dùng cho bulong M4
382	Lạt nhựa 2x100mm	Kích thước: 2x100mm Màu sắc: Trắng Chất liệu: Nhựa PA (Nylon 66) Đóng gói: 1000 cái/túi
383	Bìa màu vàng 0,5mm	Kích thước của giấy cách điện chịu nhiệt màu vàng có độ dày 0.5mm Khả năng cách điện của bìa là 1,5KV Độ chịu nhiệt cao động từ 120 -150 độ.

384	Transistor IRFZ44	Điện áp tối đa: 55V Dòng chịu đựng trung bình là 49A. Kênh điều khiển: N Nhiệt độ hoạt động: -55oC ~ 175oC. Đóng gói: TO-220
385	Rơ le 8 chân 5V/2A	Relay 5V 2A 8 chân vỏ vàng
386	IC PC817	Dòng cực góp tối đa: 50mA Điện áp cực góp – cực phát tối đa: 80V Điện áp cực phát – cực gốc tối đa: 6V Loại gói: Dip 4 chân, SMT
387	IC nhiệt LM35	Điện áp hoạt động: 4~20VDC Công suất tiêu thụ: khoảng 60uA Khoảng đo: -55°C đến 150°C Điện áp tuyến tính theo nhiệt độ: 10mV/°C Sai số: 0.25°C Kiểu chân: TO92 Kích thước: 4.3 × 4.3mm
388	Biến trở tam giác 10K	Số chân: 3 chân. Màu sắc: Trắng xanh.
389	Pin cúc 3V CR2032 Lithium	Hàng thường TT sản phẩm: Lithium 3v; 220mAh - 225mAh Kích thước: 20×3.2mm 1 vì 5 viên
390	Pin tiểu 1,5V AA	Loại pin: Alkaline (Pin kiềm) không sạc Điện áp: 1.5 V.
391	Pin tiểu 1,5V AAA	Loại pin: Alkaline (Pin kiềm) không sạc Điện áp: 1.5 V.
392	Mạch Mega 2560 ADK	Vi điều khiển: Atmega2560 Điện áp khuyến dùng: 7-9 VDC IC nạp và giao tiếp: Atmega16U2 Số chân Digital: 54 (14 chân PWM) Số chân Analog: 16 Điện áp hoạt động: 5V DC Xung clock: 16MHz Kích thước: 101.52mm x 53mm

393	Bo Arduino Uno R3	<p>Vi điều khiển chính: ATmega328P (8-bit). Điện áp hoạt động: 5V. Điện áp đầu vào (khuyến nghị): 7 - 12V DC. Điện áp đầu vào (giới hạn): 6 - 20V DC. Tốc độ xung nhịp: 16 MHz. Bộ nhớ Flash: 32 KB (ATmega328P) - 0.5 KB dùng cho bootloader. SRAM: 2 KB. EEPROM: 1 KB. Chân Digital I/O: 14 chân (trong đó 6 chân cung cấp đầu ra PWM). Chân Analog Input: 6 chân. Dòng DC trên mỗi chân I/O: 20 mA. Dòng DC cho chân 3.3V: 50 mA. Giao tiếp: USB, UART, SPI, I2C. Kích thước: 68.6 mm x 53.4 mm.</p>
394	Wifi BLE SoC ESP32 WeMos D1 R32	<p>Vi điều khiển: ESP-WROOM-32 (SoC ESP32 dual core Tensilica LX6). Wifi: 802.11 b/g/n (2.4 GHz). Bluetooth: Bluetooth v4.2 BR/EDR và BLE (Bluetooth Low Energy). Nguồn cung cấp: 5VDC qua USB hoặc 5-12VDC qua giắc DC/chân Vin. Bộ nhớ Flash: 4MB. IC nạp/UART: CH340. Tương thích: Chuẩn chân cắm Arduino Uno R3.</p>
395	Module Camera OV5647 5 MP Raspberry Pi -	<p>Cảm biến: OV5647 (5 Megapixel) Kích thước cảm biến: 1/4 inch. Độ phân giải ảnh: 2592x1944 Pixel. Quay video: Hỗ trợ 1080p @ 30fps, 720p @ 60fps, và 640x480p @ 60/90fps. Giao diện: 15-pin MIPI Camera Serial Interface (CSI). Ống kính: Tiêu cự cố định hoặc tùy chỉnh</p>

396	Màn hình Oled 1.3 Inch giao tiếp I2C	Kích thước: 1.3 inch. Độ phân giải: 128 x 64 điểm ảnh. Điện áp hoạt động: 2.2V - 5.5V DC (hỗ trợ cả hệ thống 3.3V và 5V). Giao tiếp: I2C (4 chân: VCC, GND, SCL, SDA). IC Driver: SH1106
397	Mạch thời gian thực RTC DS1307	IC chính: RTC DS1307 (Real Time Clock). Điện áp hoạt động: 4,5-5,5V DC. Bộ nhớ EEPROM: AT24C32 (32Kbit) để lưu dữ liệu bổ sung. Giao tiếp: (SDA, SCL). Chức năng thời gian: Giờ, phút, giờ, ngày, thứ, tháng, năm. Định dạng giờ: 14h (AM/PM) hoặc 24h.
398	Dây cắm Breadboard cái cái 30cm 40 sợi loại tốt (F-F Jumper Wire)	Loại dây: Cái - Cái (Female - Female / F-F). Chất liệu: Lõi đồng nhiều sợi Khoảng cách đầu cắm: Chuẩn 2.54mm (tương thích hầu hết các module/breadcrumb). Số lượng: 40 sợi/bó (dạng cáp dẹt, có thể tách rời từng sợi).
399	Dây cắm Breadboard đực cái 30cm 40 sợi loại tốt (M-F Jumper Wire)	Loại dây: Đực - Cái (Male - Female / M-F). Chất liệu: Lõi đồng nhiều sợi Khoảng cách đầu cắm: Chuẩn 2.54mm (tương thích hầu hết các module/breadcrumb). Số lượng: 40 sợi/bó (dạng cáp dẹt, có thể tách rời từng sợi).
400	Dây cắm đực đực 30cm 40 sợi tròn loại tốt	Loại dây: Đực - Đực Chất liệu: Lõi đồng nhiều sợi Khoảng cách đầu cắm: Chuẩn 2.54mm Số lượng: 40 sợi/bó (dạng cáp dẹt, có thể tách rời từng sợi).
401	Mũi khoan bê tông chuôi lục giác RJ6.0x100	RJ6.0x100
402	Mũi khoan bê tông chuôi lục giác RJ8.0x115	RJ8.0x115

403	Cáp chuyển USB to Com RS232 chính hãng Ugreen CR104 (1,5m)	Kết nối: USB 2.0 (Male) sang COM 9 chân RS232 (Male - DB9). Độ dài: 1.5 mét.
404	Băng dính cách điện 30YR (màu trắng)	Kích thước: 25m x 1.9cm x 0.13mm.(màu trắng)
405	Băng dính cách điện 30YR (màu đỏ)	Kích thước: 25m x 1.9cm x 0.13mm.(màu đỏ)
406	Băng dính cách điện 30YR (màu vàng)	Kích thước: 25m x 1.9cm x 0.13mm.(màu vàng)
407	Băng dính cách điện 30YR (màu xanh lá)	Kích thước: 25m x 1.9cm x 0.13mm.(màu xanh lá)
408	Dây cắm an toàn 1000mm màu xanh	Với hai đầu là chân giắc cắm an toàn 4mm bằng đồng Các phích cắm xếp chồng lên nhau ở cả hai đầu. Tiêu chuẩn an toàn: CE CAT III 1000V/Max.32A Chiều dài: 1000mm - 1.2mm ² Màu sắc: màu xanh
409	Dây cắm an toàn 1000mm màu đỏ	Với hai đầu là chân giắc cắm an toàn 4mm bằng đồng Các phích cắm xếp chồng lên nhau ở cả hai đầu. Tiêu chuẩn an toàn: CE CAT III 1000V/Max.32A Chiều dài: 1000mm - 1.2mm ² Màu sắc: màu đỏ
410	Chân cắm an toàn phi 4/12mm màu xanh	Vật liệu cách điện: PA Vật liệu: Đồng Lớp phủ: mạ Nickel Tiêu chuẩn an toàn: CE CAT III 1000V/Max.32A Kích thước: 29.66x14.35mm 4/12mm màu xanh
411	Chân cắm an toàn phi 4/12mm màu đỏ	Vật liệu cách điện: PA Vật liệu: Đồng Lớp phủ: mạ Nickel Tiêu chuẩn an toàn: CE CAT III 1000V/Max.32A Kích thước: 29.66x14.35mm 4/12mm màu đỏ

412	Cầu chì 5A dài 20mm phi 5mm	Cầu chì 5A dài 20mm phi 5mm Điện áp tối đa: 250V AC/DC Vật liệu vỏ: Thủy tinh trong suốt Loại cầu chì: Tác động nhanh Hộp 100 cái
413	Cầu chì 10A dài 30mm phi 6mm	Cầu chì 10A dài 30mm phi 6mm Điện áp tối đa: 250V AC/DC Vật liệu vỏ: Thủy tinh trong suốt Loại cầu chì: Tác động nhanh Hộp 100 cái
414	Cầu chì 0.5A dài 30mm phi 6mm	Cầu chì 0.5A dài 30mm phi 6mm Điện áp tối đa: 250V AC/DC Vật liệu vỏ: Thủy tinh trong suốt Loại cầu chì: Tác động nhanh Hộp 100 cái
415	Cầu chì 0.5A dài 20mm phi 5mm	Cầu chì 0.5A dài 20mm phi 5mm Điện áp tối đa: 250V AC/DC Vật liệu vỏ: Thủy tinh trong suốt Loại cầu chì: Tác động nhanh Hộp 100 cái
416	Đầu cốt dẹt dây 1mm ²	Chất liệu: đồng thau mạ thiếc Tiết diện cáp sử dụng 0.5~1.5 mm ² Chiều dài Pin tiếp xúc 14mm
417	Thẻ nhớ MicroSDHC 64GB Class 10	64GB Ultra Class 10
418	Cảm biến tiệm cận 8mm NC-NPN 12- 24VDC	Khoảng cách phát hiện: 8mm Vật thể phát hiện tiêu chuẩn: Sắt 25x25x1mm Nguồn cấp: 12-24VDC Ngõ ra: NPN - NC (Thường đóng) Tần số đáp ứng: 400Hz Kết nối: Dây liền
419	Cảm biến nhiệt độ D6.3MM SUS316	Dải đo nhiệt độ: 0 – 400 độ Chiều dài: 10 cm. D=6.3 Chất liệu ống bảo vệ: SUS 316 ống đúc.
420	Panme đo ngoài 0- 25mm độ chính xác 0.01m	Phạm vi đo: 0~25mm Độ chia: 0.01mm Độ chính xác: ± 4μm

421	IC PIC16F877A	<p>Thông số cơ bản Nguồn: 2V – 5.5V In/OUT: 33 Số chân: 44 Dòng hoạt động: 1mA Dòng chờ: 1uA Dòng output: 25mA Thạch anh ngoài: 20Mhz Thạch anh nội: Không có Bộ nhớ ROM: 8192KByte Bộ nhớ SRAM: 368Byte Bộ nhớ EEPROM: 256Byte Các chuẩn giao tiếp: I²C, SPI, UART / USART, USB Nhiệt độ hoạt động: -40°C ~ 85°C Cổng ADC: 10Bit – 8 kênh Timer: 8Bit hoặc 16Bit</p>
422	Giấy in A4	<p>Kích thước: 21x29.7cm; Định lượng: 70gsm; độ trắng 90; Quy cách: 500 tờ/ream</p>
423	Gas lạnh R32 loại 3kg	R32 loại 3kg
424	Ống đồng phi 6x 0.81mm cuộn dài 15m	Phi 6x 0.81mm dài 15m/cuộn
425	Ống đồng phi 10x0.81mm cuộn dài 15m	Phi 10x0.81mm dài 15m/cuộn
426	Ống đồng phi 12x0.81mm cuộn dài 15m	Phi 12x0.81mm dài 15m/cuộn
427	Đầu Jack cắm quả chuối 4mm màu đỏ	<p>Chất liệu: Nhựa + Kim Chiều dài: ~ 40mm Phù hợp với đầu cái 4mm Luồn dây: <4mm Màu đỏ</p>
428	Đầu Jack cắm quả chuối 4mm màu đen	<p>Chất liệu: Nhựa + Kim Chiều dài: ~ 40mm Phù hợp với đầu cái 4mm Luồn dây: <4mm Màu đen</p>
429	Cảm biến điện dung NO-PNP 12-24VDC	PNP 12-24VDC

430	Dây đo BNC kẹp cá sấu	Loại đầu kết nối: 1 đầu BNC đực (Male) - 2 đầu kẹp cá sấu Loại cáp: Cáp đồng trục RG58C/u hoặc tương đương, vỏ PVC Chiều dài: 500mm
431	Đầu dò nhiệt độ PT100	Loại 3 đầu dây, dải đo 0 - 500 độ C Kích thước: 5x50x2000mm
432	Module 1 Relay Với Opto cách ly kích H/L (12VDC)	1 Relay Với Opto cách ly kích H/L (12VDC)
433	Ổ cứng SSD 256GB 2.5-Inch	Giao diện : SATA III 6Gb/s Dung lượng: 256GB Kích thước: 2.5 inch Tốc độ đọc tối đa : 520MB/s Tốc độ ghi tối đa : 450MB/s
434	Dây đo máy hiện sóng phù hợp máy Oscilloscope P6020	Oscilloscope P6020
435	Đầu dò cảm biến nhiệt độ K	Thang nhiệt: 0- 800 độ C Loại: K Dây bù nhiệt: Chống nước Trọng lượng đầu dò cảm biến: 50g Kích thước: dài cả dây 3m Ren: M8
436	Đầu dò cảm biến nhiệt PTC	Thang đo: -50 °C to +150 °C Kích thước: dài cả dây 1,5m
437	Đầu dò nhiệt độ PT100	Loại 3 đầu dây, dải đo 0 - 500 độ C Kích thước: 5x50x2000mm
438	Điện trở nhiệt NTC 5D-15	Nhiệt độ hoạt động: -55°C đến 200°C. Màu sắc: màu đen Chất liệu: hỗn hợp các oxit kim loại mangan, nikel, cobalt
439	Điện trở nhiệt PTC	Đường kính thành phẩm: 15.5-16.0 mm Kích thước khuôn: 16mm Khoảng cách chân: 7.5 ± 0.5 mm Chiều dài chân (cắt): 5mm Điện trở: 70-130 ohm
440	Cảm biến lưu lượng khí	Dải đo 1-50lit/phút hoặc 2-100lit/phút Màn hình hiển thị: Tích hợp số Đầu ra : 1 đầu ra NPN (Switch Output). 1 đầu ra Analog (4-20mA hoặc 0-5v) Nguồn cấp: 12-24Vdc
441	Cảm biến màu sắc	Cử chỉ và màu sắc

442	Cảm biến siêu âm	Điện áp: 5V DC Dòng hoạt động: < 2mA · Mức cao: 5V · Mức thấp: 0V Góc tối đa: 15 độ · Khoảng cách: 2cm – 450cm (4.5m) ·
443	Encoder 360 xung (360p/r), nguồn 5-24VDC, Bộ mã hóa vòng quay 360 xung	360 xung (360p/r), nguồn 5-24VDC, Bộ mã hóa vòng quay 360 xung
444	Hub USB 3.0 ra 4 cổng USB 3.0	Giao diện đầu vào: 1 x USB 3.0 (male) Giao diện đầu ra: 4 x USB 3.0 (female) Nguồn phụ hỗ trợ: Cổng USB-C DC 5V (hỗ trợ cho ổ cứng 2.5", 3.5" dung lượng cao, tối đa 12TB) Kích thước: 108 x 40 x 12mm
445	Dây cáp HDMI 10M	Dài 10m Hỗ trợ 3D, 4K*2K full HD 1080
446	Dây nhảy BNC dài 0.5M	Loại đầu nối: 2 đầu BNC-Q9 (đực) đúc sẵn, mạ niken chống gỉ Loại cáp: Cáp đồng trục (thường là chuẩn RG59 hoặc tương đương). Chất liệu lõi: Đồng tinh khiết Vỏ bọc: Nhựa PVC cao cấp, có khả năng chống nhiễu tốt Trở kháng: 75 Ohm Dải tần hỗ trợ: 0 - 4 GHz,
447	Ổ cắm điện 4 lỗ châu đa năng 4 công tắc dài 5m	Số ổ cắm: 04 ổ đa năng Chiều dài dây dẫn: 5m Tiết diện dây dẫn: 2x0.75mm Số lõi dây: 02 Lõi Công suất tối đa: max 2200W Dòng max: 10A Bảo vệ quá tải, ngắn mạch Bằng aptomat 10A Số công tắc: 04 Cái Phích cắm tương ứng hầu hết tất cả các loại phích cắm trên thế giới

448	Ampe kìm đo dòng AC/DC	<p>Dòng điện AC (A): 0~600/1000A $\pm 1.5\%$rdg± 5dgt (50/60Hz) $\pm 3.0\%$rdg± 5dgt (40 – 400Hz) - Dòng điện DC (A): 0~600/1000A $\pm 1.5\%$rdg± 5dgt - Điện áp AC (V): 6/60/600V (Chuyển dải đo tự động)$\pm 1.3\%$rdg± 4dgt (50/60Hz) $\pm 3.0\%$rdg± 5dgt (40 – 400Hz) - Điện áp DC (V): 600m/6/60/600V (Chuyển dải đo tự động) $\pm 1.3\%$rdg± 4dgt (50/60Hz) $\pm 3.0\%$rdg± 5dgt (40 – 400Hz) - Điện trở (Ω): 600/6k/60k/600k/6M/60MΩ (Chuyển dải đo tự động) $\pm 1\%$rdg± 5dgt (600 – 6M) $\pm 5\%$rdg± 8dgt (60M) - Kiểm tra liên tục: Còi kêu 100Ω - Tần số 10/100/1k/10kHz (Chuyển dải đo tự động) / 0.1 – 99.9% - Đường kính kìm: phi 40mm - Tiêu chuẩn an toàn IEC 61010-1 CAT IV 600V, IEC 61010-031, IEC 61010-2-032, IEC 61326 - Nguồn cấp Pin R03 (1.5V)(AAA) $\times 2$ - Phụ kiện kèm theo: Que đo 7066A, Túi đựng 9094, Pin R03 (1.5V) (AAA) $\times 2$ viên, Sách HDSĐ</p>
449	Bộ nguồn xung +/- 15VDC (nguồn đối xứng)	<p>Đầu vào: 110VAC – 230VAC Đầu ra: +15VDC/2A, -15VDC/2A Công suất: 60W Kích thước: 159mm x 97mm x 58mm</p>
450	Bộ phát wifi 6 AX12	<p>Chuẩn Wi-Fi: IEEE 802.11ax/ac/n/a 5 GHz, IEEE 802.11n/b/g 2.4 GHz (Wi-Fi 6). Tốc độ: AX1500 (5 GHz: 1201 Mbps, 2.4 GHz: 300 Mbps). Cổng kết nối: 1\times Gigabit WAN Port, 3\times Gigabit LAN Ports (10/100/1000Mbps).</p>
451	Bộ Tuốc nơ vít đa năng 22 đầu	Bộ vít 22 trong 1, với các đầu vít khác nhau đựng trong hộp nhựa
452	Đầu dò máy hiện sóng 200MHz	<p>Băng thông (Bandwidth): 200MHz Hệ số chia (Probe factor): 1:1 / 10:1</p>

453	Đồng hồ đo dòng điện Ampe kim	<p> Kim kẹp phi: 33mm max. Dải đo dòng AC: 40.00/400.0/1000A (Auto-ranging) Dải đo điện áp AC: 4.000/40.00/400.0/600V Dải đo điện áp DC: 400.0mV/4.000/40.00/400.0/600V (Auto-ranging) Dải đo điện trở Ω: 400.0Ω/4.000/40.00/400.0kΩ/4.000/40.00MΩ Đo: Còi kêu 50\pm30Ω Nguồn: R03/LR03 (AAA) (1.5V) \times 2 Tiêu chuẩn chất lượng IEC 61010-1 CAT III 600V Pollution degree 2 (AC A), CAT III 300V / CAT II 600V Pollution degree 2 (AC/DC V) IEC 61010-031, IEC 61010-2-032, IEC 61326 (EMC) Phụ kiện : + Que đo 7107A + Hộp đựng 9160 + R03 (AAA) \times 2, </p>
454	Đồng hồ vạn năng kim	<p> Đo điện trở, đo điện áp 1 chiều, xoay chiều, đo dòng, đo Tranzito, đo cường độ, đo LED. Mặt vạch đồng hồ bằng nhôm. Đầu vào Ω/V DC & Ω/V AC. Bảo vệ quá tải bằng cầu chì Thông số: DCV: ///10/50/250/1000V \pm(3% FSD) ACV: 10/50/250/1000V \pm(5% FSD) DCA: 50μ/m/25m/250mA \pm(3% FSD) Điện trở: X1($\sim \Omega$)/ X10(2 $\sim \Omega$)/ X100 (20 $\sim \Omega$)/ X (200 \sim 2MΩ) / XΩ (\sim 20MΩ) \pm (% FSD) dB: -10 \sim B \pm (% FSD) LI: 150μ/m/15m/150mA \pm (% FSD) LV: 0 – 3V \pm (% FSD) hFE: 0 \sim 1000 Led test: Có </p>

455	Kìm đa năng: cắt, bóp cốt, tuốt dây	Chiều dài: 185 mm - 225 mm Vật liệu: Thép hợp kim (CR-V), thép carbon tôi cứng Khả năng tuốt: Dây dẫn tiết diện từ 0.2-6mm ² Khả năng bấm cos: Dễ dàng ép các đầu cos có kích thước từ 0.5-6mm ² Tay cầm: Bọc nhựa hoặc cao su chống trượt
456	Máy hàn nhiệt	Điện áp vào: 220V - 240V AC 50/60Hz Công suất: 60W Điện áp ra (tay hàn): 24V AC Phạm vi nhiệt độ: 200°C - 480°C (392°F - 896°F) Thời gian gia nhiệt: Nhanh, dưới 30 giây Loại mũi hàn: Seri 900M (900M-T-I, 900M-T-B,...) Chiều dài tay hàn: 190mm
457	Máy hiện sóng số	Số kênh: 2 Dải tần: 20Mhz Độ phân giải: 8bits Bộ nhớ sâu: 10K Horizontal Scale (s/div): 5ns/div - 100s/div, step by 1 - 2 - 5 Tốc độ lấy mẫu: 100MS/s Rise time: ≤17.5ns Màn hình: 7" color LCD, 800 x 480 pixels Trở kháng đầu vào: 1MΩ ± 2%, in parallel with 20pF±5pF Điện áp vào: 400V (PK - PK) (DC+AC, PK - PK)
458	Máy khô nhiệt 2000W	Công suất: 2.000W Khoảng nhiệt: 400/600 độ C Điện áp: 220V/50Hz
459	Máy khoan bàn mini	Điện áp làm việc: 220VAC/50Hz. Công suất: 150W. Khoan sâu tối đa: 2.5cm. Tốc độ không tải: + 0 - 3500 RPM. + 0 - 5500 RPM. + 0 - 7000 RPM.

460	Máy khoan vặn vít 18V	50Nm đầu 10mm và G2-Q8 - 60Nm đầu 13mm, 3 Chức năng - Không chổi than
461	Mỏ hàn xung 220V/100W	Chất liệu vỏ: ABS Điện áp: 220-240V Tần số: 50-60Hz Công suất: 100W Chiều dài dây: 1.3m Thời gian gia nhiệt: 10s Thời gian làm mát: 48s Thời gian bấm để hàn tốt nhất dưới 5 giây.
462	Trạm hàn 8586	Trạm hàn 8586 máy hàn khô, Máy hàn điện 2 trong 1 Dải nhiệt độ cho mỏ hàn: 200°C - 480°C, công suất 60W. Dải nhiệt độ cho máy khô: 100°C - 480°C, công suất 700W. Màn hình LED hiển thị giúp theo dõi nhiệt độ
463	Tuốc nơ vít 2 cạnh 6x150mm	Loại: Tuốc nơ vít 2 cạnh (đẹp) Kích thước mũi: 6mm Chiều dài thân: 150mm (6 inch)
464	Tuốc nơ vít 4 cạnh 6x150mm	Loại: Tuốc nơ vít 4 cạnh Kích thước mũi: 6mm Chiều dài thân: 150mm (6 inch)
465	Camera wifi C6N 4M	Độ phân giải 2560×1440 @ 20fps Ống kính 4mm@ F2.2, 124°(Chéo), 85° (Ngang), 55°(Dọc) Góc quay ngang 350 độ , góc xoay dọc 55 độ Hỗ trợ DWDR, 3D DNR , BLC , ICR Phát hiện và theo dõi chuyển động thông minh Hỗ trợ khe cắm thẻ nhớ đến 256GB
466	Camera Webcam HD 720p	Độ phân giải: HD 720p (1280 x 720 pixel) ở tốc độ 30 khung hình/giây. Kết nối: USB-A (cắm và sử dụng), dây dài 2 mét.
467	LED đục 5mm	Kích thước bóng: đường kính 5mm Số chân: 2 chân Chiều dài chân: 28 mm - 29 mm
468	IC LM 317	Phạm vi điện áp đầu ra: 1,2 đến 37 V Dòng điện đầu ra vượt quá 1,5 A 0,1% Điều chỉnh dòng và tải

469	IC OP27	<p>Điện áp nguồn: từ $\pm 4V$ đến $\pm 18V$ Điện áp đầu vào tối đa: $\pm 15V$ Dải tần số tối đa: 8 MHz Độ lệch điện áp đầu vào tối đa: $\pm 40 \mu V$ Độ lệch dòng đầu vào tối đa: $\pm 0.2 nA$ Độ tách đầu vào tối đa: 120 dB Tỉ số khuếch đại mở tối đa: 500 V/mV Độ méo thấp: 0,0005% Điện trở đầu vào tối đa: 20 TΩ Điện trở đầu ra tối đa: 600 Ω Dòng tiêu thụ tối đa: 3,6 mA</p>
470	AD8066-SOIC	<p>Số lượng kênh: 2 Channel Tích độ tăng ích dải thông: 145 MHz Tốc độ quét: 180 V/us Điện áp bù đầu vào: 400 μV Dòng phân cực đầu vào: 6 pA Điện áp cấp nguồn - Tối đa: 24 V, +/- 12 V Điện áp cấp nguồn - Tối thiểu: 5 V, +/- 2.5 V Dòng cấp nguồn vận hành: 14.8 mA Dòng đầu ra mỗi kênh: 35 mA</p>
471	OP470-SOIC	<p>Mật độ nhiễu điện áp: 5 nV/\sqrt{Hz} @ 1 kHz Max Độ lệch điện áp đầu vào: 0.4 mV Max Độ dịch chuyển nhiệt: 2 $\mu V/C$ Max Tỷ số nén tín hiệu chung: 110 dB Min Tốc độ đáp ứng: 2 $\mu V/s$ Băng thông: 6 MHz</p>
472	IC AD797	<p>Số lượng kênh: 1 Channel THD kèm nhiễu: 0.0001 % Đóng gói / Vỏ bọc: PDIP-8 Điện áp cấp nguồn - Tối đa: 18 V Điện áp cấp nguồn - Tối thiểu: 5 V Điện trở đầu vào tối đa: 100 MOhms Tỷ lệ loại bỏ kiểu chung: 114 dB Điện áp bù đầu vào: 25 μV Dòng phân cực đầu vào: 1.5 μA</p>

473	Đế đổi chân SOP-16 sang DIP16	Khoảng cách chân: 0.65mm, 1.27mm, 2.54mm Số chân đầu 1: 16 Số chân đầu 2: 16 Kiểu chân đầu 1: SSOP, SOP Kiểu chân đầu 2: DIP Hướng thân: Thẳng Vật liệu tiếp điểm: Đồng Mạ tiếp điểm: Thiếc
474	Đế đổi chân SOP-14 sang DIP14	Khoảng cách chân: 0.65mm, 1.27mm, 2.54mm Số chân đầu 1: 14 Số chân đầu 2: 14 Kiểu chân đầu 1: SOP Kiểu chân đầu 2: DIP Hướng thân: Thẳng Vật liệu tiếp điểm: Đồng Mạ tiếp điểm: Thiếc
475	Đế đổi chân SOP-8 sang DIP8	Khoảng cách chân: 0.65mm, 1.27mm, 2.54mm Số chân đầu 1: 8 Số chân đầu 2: 8 Kiểu chân đầu 1: SOP Kiểu chân đầu 2: DIP Hướng thân: Thẳng Vật liệu tiếp điểm: Đồng Mạ tiếp điểm: Thiếc
476	Jump đực đơn 2.54mm 1x40P chân thẳng	Kích thước chiều dài: 100mm Kích thước chân: 12mm Khoảng cách 2 chân: 2.54mm Số chân: 40P
477	IC UA741	Điện áp cung cấp: $\pm 18V$ Điện áp đầu vào vi sai: $\pm 15V$ CMRR: 90dB Khuếch đại điện áp vi sai: 200V / mv Dòng cấp: 1.5mA
478	Quang trở 5mm	Điện áp tối đa 150V Công suất tối đa: 100mW Giá trị đỉnh phổ: 540 nm Trở sáng (10Lux) 10 ~ 20 (K Ω) Trở tối: 1 (M Ω)
479	Diode 1N4007	Điện áp làm việc: 50 – 1000V Dòng điện giới hạn: $I_{max} = 1A$

480	IC 7812	Dải điện áp hoạt động: 2-6V Đầu ra TTL. Nhiệt độ hoạt động: 0°C đến 75°C. Kiểu chân: xuyên lỗ (DIP)
481	IC 7912	Dải điện áp hoạt động: 2-6V Đầu ra TTL. Nhiệt độ hoạt động: 0°C đến 75°C. Kiểu chân: xuyên lỗ (DIP)
482	Tụ gốm 104	Điện áp định mức: 50V Loại tụ: Tụ gốm Kiểu đóng gói: DIP Túi 100 con
483	Tụ gốm 154/50V	Điện áp: 50V Loại tụ: Không phân cực Ổn định nhiệt
484	Tụ gốm 823/50V	Điện áp: 50V Loại tụ: Không phân cực Ổn định nhiệt
485	Tụ gốm 333/50V	Điện áp: 50V Loại tụ: Không phân cực Ổn định nhiệt
486	Tụ gốm 153/50V	Điện áp: 50V Loại tụ: Không phân cực Ổn định nhiệt
487	Tụ gốm 822/50V	Điện áp: 50V Loại tụ: Không phân cực Ổn định nhiệt
488	Tụ gốm 332/50V	Điện áp: 50V Loại tụ: Không phân cực Ổn định nhiệt
489	Tụ gốm 152/50V	Điện áp: 50V Loại tụ: Không phân cực Ổn định nhiệt
490	Tụ gốm 821/50V	Điện áp: 50V Loại tụ: Không phân cực Ổn định nhiệt
491	Tụ gốm 331/50V	Điện áp: 50V Loại tụ: Không phân cực Ổn định nhiệt
492	Tụ gốm 151/50V	Điện áp: 50V Loại tụ: Không phân cực Ổn định nhiệt
493	Tụ gốm 820/50V	Điện áp: 50V Loại tụ: Không phân cực Ổn định nhiệt

494	Tụ gốm 330/50V	Điện áp: 50V Loại tụ: Không phân cực Ổn định nhiệt
495	Tụ gốm 150/50V	Điện áp: 50V Loại tụ: Không phân cực Ổn định nhiệt
496	Tụ gốm 224	Điện áp định mức: 50V Loại tụ: Tụ gốm Kiểu đóng gói: DIP Túi 100 con
497	Bó dây cắm test board 65 sợi	Chiều dài dây: (100mm 49 chiếc) (150mm 8 chiếc) (200mm 4chiếc) (250mm 4chiếc) Số lượng: 65 dây Loại: 2 đầu đực - đực (male - male) Màu sắc: ngẫu nhiên Loại chân cắm: tròn
498	Transistor C828	Loại transistor: NPN Dòng điện cực đại: $I_c = 50\text{mA}$, $I_{cm} = 100\text{mA}$ Công suất cực đại transistor: $P_c = 250\text{mW}$ Điện áp cực đại: $U_{ce0} = 25\text{V}$ $U_{cbo} = 30\text{V}$ $U_{ebo} = 7\text{V}$ Hệ số khuếch đại (hfe): >65 Tần số cắt Ft: 110MHz Kiểu chân: xuyên lỗ (DIP)
499	Transistor C1815	Loại transistor: NPN Dòng điện cực đại: $I_c = 150\text{mA}$ Công suất cực đại: $P_c = 400\text{mW}$ Điện áp cực đại Transistor : $U_{ce0} = 50\text{V}$ $U_{cbo} = 60\text{V}$ $U_{ebo} = 5\text{V}$ Hệ số khuếch đại (hfe): 70-700 Tần số cắt: Ft $>80\text{MHz}$ Kiểu chân: xuyên lỗ (DIP)

500	Transistor C2383	<p>Loại transistor: NPN Dòng điện cực đại transistor: $I_c = 1A$ Công suất cực đại: $P_c = 900mW$ Điện áp cực đại: $U_{ceo} = 160V$ $U_{cbo} = 160V$ $U_{ebo} = 6V$ Hệ số khuếch đại (hfe): 60-320 Tần số cắt Ft: 100MHz Nhiệt độ lưu trữ và hoạt động tối đa: -55 đến +150 độ C Kiểu chân: xuyên lỗ (DIP)</p>
501	Transistor H1061	<p>Điện áp cực góp - cực gốc $V_{cbo} 100V$ Điện áp cực góp - cực phát $V_{ceo} 80V$ Điện áp cực phát - cực gốc $V_{ebo} 5V$ Dòng điện cực góp $I_c 4A$ Dòng điện cực góp (đỉnh) $I_c 8A$ Công suất tiêu tán cực góp $P_c 40W$ Nhiệt độ lớp tiếp giáp $T_j 150$ độ C Nhiệt độ bảo quản -55 độ C đến +150 độ C</p>
502	Transistor TIP41C	<p>Loại NPN Điện áp Collector-Emitter: 100 V Điện áp Collector-Base: 100 V Điện áp Emitter-Base: 5 V Dòng Collector: 6 A Công suất tiêu tán Collector - 65 W Mức tăng dòng DC (hfe) - 15 đến 75 Tần số chuyển đổi - 3 MHz Nhiệt độ vận hành và lưu trữ từ -65 đến +150 ° C Gói - TO-220</p>
503	Transistor TIP42C	<p>Loại PNP Điện áp cực góp - cực nền (V_{cb}): 100V (một số phiên bản lên đến 140V) Điện áp cực góp - cực phát (V_{ce}): 100V Điện áp cực nền - cực phát (V_{be}): 5V Dòng cực góp (I_c): 6A (tối đa) Công suất tiêu thụ cực đại (P_c): 65W Hệ số khuếch đại dòng điện (hFE): 15 - 75 Tần số chuyển đổi: 3MHz Nhiệt độ hoạt động: -65°C đến 150°C Kiểu đóng gói: TO-220</p>

504	Transistor IRF540	<p>Loại gói: TO-220 Loại transistor: Kênh N Điện áp tối đa từ cực máng đến cực nguồn: 100V Điện áp tối đa từ cực cổng đến cực nguồn: $\pm 20V$ Dòng cực máng liên tục tối đa: 23A Dòng cực máng xung tối đa: 92A Công suất tiêu tán tối đa: 100W Điện áp tối thiểu cần thiết để dẫn điện: 2V đến 4V Nhiệt độ bảo quản và hoạt động: -55 đến +150 độ C</p>
505	Diode zener 5.1V	<p>Điện áp Zener: 5V1 Công suất: 1/2W</p>
506	Diode zener 12V	<p>Điện áp Zener: 9V Công suất: 1/2W</p>
507	Diode cầu chỉnh lưu 1A	<p>Dòng điện thuận cực đại: 1A Dòng ngược: 500uA Dải nhiệt độ hoạt động: -55oC~150oC</p>
508	Điện trở 5.6;8.2;3.9;5.1;10; 12;4.7;100; 200;330; 510; 750; 820; 15k;18k;82k;27k;39k, 3.9k; 3k, 2.2k; 2.7k;5,1k; 2M;1M; 10M	<p>Điện trở 5 vạch màu Công suất: 1/4W; Sai số 1%. Nhiệt độ hoạt động: -55°C - 155°C Linh kiện xuyên lỗ: 0.5mm Đóng gói: 1 túi 500 con</p>
509	Biến trở đơn 10K	<p>Đường kính trục: 6mm Sai số: 10% Công suất: 2W Loại: Đơn, 3 chân Loại điều chỉnh: tuyến tính</p>
510	Biến trở đơn 100k	<p>Đường kính trục: 6mm Sai số: 10% Công suất: 2W Loại: Đơn, 3 chân Loại điều chỉnh: tuyến tính</p>
511	Biến áp đối xứng 15V 1A	<p>Điện áp vào: 220V Điện áp ra: 15V-0V-15V Dòng điện: 1A</p>
512	Cáp tín hiệu BNC Q9	<p>Loại: phích cắm BNC đực + 2 kẹp cá sấu Dòng điện và điện áp: 500V 5A Vỏ ngoài dây: Chất liệu PVC Dây dài: 0.5 mét</p>

513	Đầu chia BNC đực ra 2 cái chữ Y - BNC	Chất liệu: Kim loại, mạ Kẽm, nhân đồng mạ vàng Giao tiếp: BNC đực (male) ra 2 BNC cái (female)
514	Đầu BNC-cái chuyên đổi jack bấm chuối đực 4mm	Jack bấm chuối 4mm. Chất liệu: Nhựa, mạ Niken
515	Jack BNC rg59 đực	Có thể kết nối cáp đồng trục RG59, RG-6 Chất liệu: Hợp kim kẽm Kích thước: 5.8x1.3cm
516	Dây cáp RG316 Cáp đồng trục RF Coax 50 Ohm cho đầu nối uốn	Loại cáp: RG316 Trở kháng: 50ohm Chiều dài: 30m
517	PCB đực lỗ (9x15cm) loại tốt phủ xanh một mặt	Khoảng cách lỗ: 2.54mm Chất liệu: FR-4 (phíp thủy tinh) Độ dày: 1.6mm Mặt hàn: 1 lớp hàn thiếc Kích thước: 9X15CM
518	Hút thiếc loại nhỏ	Chất liệu: nhựa cứng, sắt Màu sắc: nhiều màu Kích thước: 19x1.9cm Khối lượng: 50g
519	Đầu mũi thay thế mỏ hàn nung 60W loại dao 7cm và nhọn (mỗi loại 10 cái) cho máy hàn hako 936 60W	Trọng lượng: 40g Kích thước: 7x0.5 cm Đầu mũi hàn 60W, 5.8mm
520	Bùi nhùi làm sạch mũi hàn	Chất liệu: đồng
521	Thiếc hàn 0.6mm 250g	Trọng lượng: 250G Đường kính: 0.6mm Thành phần: 60/40 Flux: 1.8-2.2%
522	Đế gác thiếc hàn	Vật liệu: Kim loại
523	Kìm cắt 6 inch	Kích thước: 6 inch (khoảng 150mm - 160mm) Chất liệu: Thép carbon cao (55# High Carbon) Độ cứng lưỡi: 52 - 58 HRC Kiểu dáng: Kìm cắt mỏ nghiêng Tay cầm: Bọc nhựa cao cấp, chống trượt, tạo cảm giác êm ái

524	Mỡ hàn 100g	Bám dính tốt Dẫn nhiệt hiệu quả Không ăn mòn Lọ 100g
525	Thép tấm 10x80x1000mm	Kích thước: 10x80x1000mm
526	Búa tạ 5kg	Trọng lượng đầu búa: 5 kg Chiều dài tổng thể: 900 mm Chất liệu: Thép carbon 45# cao cấp, chịu nhiệt tốt Thiết kế: Cán búa chắc chắn, có thể bọc nhựa chống trượt
527	Búa đinh cơ khí 500g	Trọng lượng đầu búa: 500g Chất liệu: Thép carbon 45# chịu nhiệt Thiết kế: Cán búa chắc chắn, có thể bọc nhựa chống trượt
528	Búa đinh cơ khí 2kg	Trọng lượng đầu búa: 2000g (2kg) Chất liệu đầu búa: Thép carbon 45#, rèn thả cải tiến, đã qua xử lý nhiệt Tay cầm: Sợi thủy tinh (Fiberglass) hoặc nhựa bền
529	Dũa dẹp 250mm	Loại dũa: Dũa bán (dũa dẹp) Chiều dài lưỡi: 250mm (10 inch), không bao gồm phần cán Vật liệu thân dũa: Thép hợp kim cao cấp, đã qua xử lý nhiệt tôi cứng Vật liệu cán: Nhựa PVC tổng hợp hoặc cao su mềm, chống trơn trượt Độ mịn răng: Răng trung bình (bán nguyệt), phù hợp mài gỗ, kim loại mềm, nhựa Trọng lượng tịnh: Khoảng 200–250g
530	Áp kế thủy lực 0 - 100bar	0 -100bar, đường kính 67mm, ren 1/4

531	Bộ đồ nghề cầm tay 77 chi tiết	<p>Bộ sản phẩm bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + 1 Cái 1/2" đầu vặn, 45T + 18Cái đầu tuýp lục giác 1/2": 10-11-12-13-14-15-16-17-18-19-20-21-22-23-24-27-30-32MM + 1 Cái 1/2" thanh linh động: 250mm(10") + 1 Cái 1/2" Dr. khớp nối + 2 Cái đầu cắm Spark plug 1/2"Dr.16MM&21MM + 1 Cái 1/2"*3/8" đầu nối 3 chiều + 1 Cái 1/4" ratchet đầu vặn, 45T + 13Cái đầu tuýp lục giác 1/4": 4-4.5-5-5.5-6-7-8-9-10-11-12-13-14 + 1 Cái 1/4" thanh mở linh động:100mm(4") + 1 Cái 1/4" thanh trượt chữ T + 1 Cái 1/4" Dr. khớp nối + 8 Cái cờ lê kết hợp: 6-8-10-12-14-15-17-19MM + 1 Cái 300g búa + 1 Cái 7" kèm răng + 1 Cái 6" kèm cắt mỏ dài + 1 Cái SL6.5*100 tua vít + 1 Cái PH2*100 tua vít + 14Cái mũi vít:T10-T15-T20-T25-T27-T30-T35-SL4-SL5.5-SL6.5-PH1-PH2-PZ1-PZ2 + 9 Cái chìa lục giác 1.5-2-2.5-3-4-5-6-8-10MM <p>- Trọng lượng: 8kg</p>
532	Cảm biến tiệm cận kích thước 8mm	LJ8A3-2-Z/BX NPN
533	Cảm biến tiệm cận kích thước 8mm	LJ8A3-2-Z/BY PNP
534	Đầu nối khí nén ba đầu phi 4	Phi 4 PE
535	Đầu nối khí nén bốn đầu phi 4	Phi 4 PZA
536	Đầu nối khí nén năm đầu phi 4	Phi 4 PK
537	Ống khí phi 4	<p>Đường kính ngoài: 4mm Đường kính trong: 2mm hoặc 2.5mm Áp suất làm việc: 0- 900kPa Áp suất phá nổ/đột biến: Lên đến 20 bar - 30bar</p>
538	Đầu nối nhanh khí nén thẳng phi 4 - 1/8	PC4-01
539	Đầu nối nhanh khí nén thẳng phi 4 - 1/4	PC4-02

540	Đầu nối nhanh khí nén góc phi 4 - 1/8	PL4-01
541	Đầu nối nhanh khí nén góc phi 4 - 1/4	PL4-02
542	Van tiết lưu khí nén ống phi 4	SL4 - M5
543	Van tiết lưu khí nén ống phi 4 - PT1/8	SL4 - 01
544	Công tắc 2 vị trí size 22mm 1NO+1NC	Đường kính 22mm Tiếp điểm 1NO + 1NC
545	Nút dừng khẩn cấp 1NC 22mm (Đỏ)	Đường kính 22mm Tiếp điểm 1NC
546	Nút nhấn nhà 1NO+1NC 22mm (Đỏ)	Nút nhấn màu đỏ Đường kính 22mm Tiếp điểm 1NO + 1NC
547	Nút nhấn nhà 1NO+1NC 22mm (Xanh lá cây)	Nút nhấn màu Xanh lá Đường kính 22mm Tiếp điểm 1NO + 1NC
548	Rơ le trung gian 24VDC/8A (8 chân dẹp nhỏ)	Điện áp điều khiển: 24VDC Dòng định mức: 8A Số chân: 8 chân dẹp Số tiếp điểm: 2 cực
549	Đế Rơ le trung gian dùng cho rơ le trung gian dòng RJ2S (8 chân dẹp nhỏ)	Đế re lay trung gian SJ2S-05B Số chân cắm: 8 chân
550	Đầu cốt kim rộng 1.5 mm2 (đỏ)	E1508 Cos Pin Rộng Cỡ Dây 1.5mm2 Số lượng 100pcs/túi
551	Đầu cốt kim rộng 1.5 mm2 (vàng)	E1508 Cos Pin Rộng Cỡ Dây 1.5mm2 Số lượng 100pcs/túi
552	Đầu cốt kim rộng 1.5 mm2 (đen)	E1508 Cos Pin Rộng Cỡ Dây 1.5mm2 Số lượng 100pcs/túi
553	Đầu cos Y 1.25-3.5mm2 (đỏ)	Đầu cos chữ Y bọc nhựa màu đỏ Số lượng 100pcs/túi
554	Đầu cos Y 1.25-3.5mm2 (vàng)	Đầu cos chữ Y bọc nhựa màu vàng Số lượng 100pcs/túi
555	Đầu cos Y 1.25-3.5mm2 (đen)	Đầu cos chữ Y bọc nhựa màu đen Số lượng 100pcs/túi
556	Đầu cos Y 1mm2 (vàng)	Đầu cos chữ Y bọc nhựa màu vàng Số lượng 100pcs/túi
557	Đầu cos Y 1mm2 (đỏ)	Đầu cos chữ Y bọc nhựa màu đỏ Số lượng 100pcs/túi
558	Đầu cos Y 1mm2 (đen)	Đầu cos chữ Y bọc nhựa màu đen Số lượng 100pcs/túi

559	Dây điện đơn mềm 1x1mm ²	<p>Quy cách: Cu/Pvc Ruột dẫn: Đồng 99,99%. Số lõi: 1; Số sợi đồng: 24 sợi, mỗi sợi đường kính 0,20 Kết cấu: Nhiều sợi bện Mặt cắt danh định: 1×1 Điện áp danh định: 300/500V Chiều dài đóng gói: 100m; màu sắc: Vàng</p>
560	Dây điện đơn mềm 1x1mm ²	<p>Quy cách: Cu/Pvc Ruột dẫn: Đồng 99,99%. Số lõi: 1; Số sợi đồng: 24 sợi, mỗi sợi đường kính 0,20 Kết cấu: Nhiều sợi bện Mặt cắt danh định: 1×1 Điện áp danh định: 300/500V Chiều dài đóng gói: 100m; màu sắc: Đỏ</p>
561	Dây điện đơn mềm 1x1mm ²	<p>Quy cách: Cu/Pvc Ruột dẫn: Đồng 99,99%. Số lõi: 1; Số sợi đồng: 24 sợi, mỗi sợi đường kính 0,20 Kết cấu: Nhiều sợi bện Mặt cắt danh định: 1×1 Điện áp danh định: 300/500V Chiều dài đóng gói: 100m; màu sắc: Đen</p>
562	Dây điện đôi mềm 2x1.5mm ²	<p>Quy cách: Cu/Pvc/Pvc Ruột dẫn: Đồng 99,99%. Kết cấu: Nhiều sợi bện Điện áp danh định: 300/500V Chiều dài đóng gói: 100m; Màu sắc: vàng</p>
563	Dây điện đôi mềm 2x2.5mm ² vàng	<p>Quy cách: Cu/Pvc/Pvc Ruột dẫn: Đồng 99,99%. Số lõi: 2; Số sợi đồng: 50 sợi, mỗi sợi đường kính 0,25mm Kết cấu: Nhiều sợi bện Điện áp danh định: 300/500V Vật liệu cách điện/Vỏ: PVC (Polyvinyl Chloride) chất lượng cao, cách điện, bền bỉ Chiều dài đóng gói: 100m; Màu sắc: Vàng</p>

564	Máng nhựa đi dây tủ điện 25x25mm	Loại Máng nhựa Chất liệu PVC Kích thước (HxW) 25x25mm Chiều dài: 1.7m/cây
565	Động cơ STEP size 57	Motor bước size 57 Loại động cơ bước 2 pha 4 dây
566	Driver điều khiển động cơ bước TB6600	Module điều khiển động cơ bước 4A 9V-42VDC
567	Động cơ STEP size 42	Step motor NEMA 17 size 42 x 48mm
568	Xi lanh khí nén CDQMB 20-20	Đường kính piston 20 mm Áp suất làm việc 0.1-1MPa
569	Xi lanh khí nén 2 ty TN20-20	Đường kính piston 20 mm, hành trình 20mm Áp suất làm việc 0.1-1MPa
570	Xi lanh khí nén MA20-30 SCA	Đường kính trục 20mm Hành trình 30mm
571	Xi lanh khí nén MA20 x 175 SCA	Đường kính trục 20mm Hành trình 175mm Áp suất hoạt động: 0,15~1,0MPa
572	Bộ lọc đôi khí nén	Áp suất điều chỉnh: 0.5 – 9 kg/cm ² Áp suất làm việc tối đa: 10 kg/cm ² Kích thước cổng: 1/4 inch (ren 13mm)

573	Cảm biến quang chữ U	<p>Khoảng cách phát hiện (độ rộng): 5mm Loại NPN NO Nguồn sáng: 940nm (Ánh sáng hồng ngoại 940nm) Nguồn điện: 12 ~ 24V ± 10% (Ripple P-P: 10% Max) Dòng điện tiêu thụ: 15mA Max Dòng điện rò rỉ: < 0.01mA (Không tải) Dòng điện tải: 100mA Max (Tại 24VDC) Kiểu đầu ra: N = NPN.NO. Thời gian phản hồi: 0.3ms Max Điện trở cách điện: 20MΩmin. (DC500V) Độ bền điện môi: 1000VAC 60Hz 60 giây Nhiệt độ hoạt động: -10°C đến +50°C Độ ẩm môi trường hoạt động: 35% ~ 85% RH Nhiệt độ lưu trữ bảo quản phù hợp: -20°C đến +60°C Độ ẩm môi trường phù hợp để lưu trữ bảo quản: 35% ~ 95% RH Tiêu chuẩn bảo vệ: IP65</p>
574	Module Relay 1 Kênh 5V Có opto cách ly	<p>-Relay 1 kênh có cách ly quang 5V -Bảng mạch đỏ, kích hoạt mức cao và thấp</p>
575	Khớp nối Y ren 8mm dùng cho xi lanh khí nén	<p>Vật liệu: Thép Y-20 (M8 * 1,25)</p>
576	Khớp nối cứng động cơ phi 6-8mm	<p>Vật liệu: Hợp kim nhôm Chiều dài: 25mm Đường kính ngoài: 14mm</p>
577	Khớp nối mềm động cơ phi 12-14 mm	<p>Vật liệu: Nhôm Đường kính 2 lỗ: 12-14mm</p>
578	Quạt tản nhiệt 24V	<p>Kích thước 9x9x2.5cm</p>
579	Van khí nén 5/2 1 cuộn dây	<p>4V210 ren 13 ống 6</p>
580	Đế van điện từ	<p>Đế lắp cụm 5 van series 4V210</p>
581	Bu lông M3 lục giác đầu chìm dài 30mm	<p>Ren M3, chiều dài 30mm Vật liệu: Thép carbon</p>
582	Bu lông M3 lục giác đầu chìm dài 50mm	<p>Ren M3, chiều dài 50mm Vật liệu: Thép carbon</p>
583	Bu lông M4 lục giác đầu chìm dài 30mm	<p>Ren M4, chiều dài 30mm Vật liệu: Thép carbon</p>

584	Bu lông M4 lục giác đầu chìm dài 50mm	Ren M4, chiều dài 50mm Vật liệu: Thép carbon
585	Bu lông M5 lục giác đầu chìm dài 30mm	Ren M5, chiều dài 30mm Vật liệu: Thép carbon
586	Bu lông M5 lục giác đầu chìm dài 50mm	Ren M5, chiều dài 50mm Vật liệu: Thép carbon
587	Bu lông M6 lục giác đầu chìm dài 30mm	Ren M6, chiều dài 30mm Vật liệu: Thép carbon
588	Bu lông M6 lục giác đầu chìm dài 50mm	Ren M6, chiều dài 50mm Vật liệu: Thép carbon
589	Bu lông lục giác M3	Vật liệu: Thép không gỉ
590	Bu lông lục giác M4	Vật liệu: Thép không gỉ
591	Bu lông lục giác M5	Vật liệu: Thép không gỉ
592	Bu lông lục giác M6	Vật liệu: Thép không gỉ
593	Tuốc nơ vít dẹp 3x100mm	Quy cách: Vít dẹp Kích thước: 3x100mm
594	Tuốc nơ vít 4 cạnh 6x150mm	Quy cách: Vít bake cán bầu màu xanh 6mmx150mm
595	Kìm cắt máng nhựa tủ điện 8"/200mm	Kìm cắt máng nhựa tủ điện 8"/200mm , cắt máng max 50 mm
596	Ê tô bàn 8inch	Kích thước đế xoay: 8 inch (khoảng 200 mm) Trọng lượng: 20.5 kg Lực kẹp tối đa: 2.500 kg Chất liệu: Hợp kim thép, có độ cứng cao Đế xoay 360 độ linh hoạt
597	Tủ đựng đồ nghề 5 ngăn	Chất liệu: thép Màu sắc: đỏ Số ngăn: 5 Bánh xe: 4 Kích thước: 660x 485x970 (Có bánh xe)
598	Dao cắt đồ mũi 4mm	Kích thước cán 10x18x100mm; hàn mảnh hợp kim
599	Dao tiện ngoài 45° hợp kim	Kích thước cán 10x18x100mm; hàn mảnh hợp kim;
600	Dao tiện ngoài 90° hợp kim	Kích thước cán 10x18x100mm; hàn mảnh hợp kim;
601	Dao tiện lỗ 90° hợp kim	Kích thước cán 9x9x120mm, hàn mảnh hợp kim
602	Mũi khoan tâm 4mm, góc côn 60°	Mũi khoan tâm máy tiện, góc 60°; đường kính nhỏ phi 4mm

603	Mũi khoan phi 6.8mm	Mũi khoan sắt chuôi thẳng phi 6.8 Đường kính: 6.8mm Chiều dài lưỡi cắt: 73mm Chiều dài: 105mm
604	Mũi khoan phi 8.7mm	Mũi khoan sắt chuôi thẳng phi 8.7
605	Mũi khoan phi 10.5mm	Mũi khoan sắt chuôi thẳng phi 10.5
606	Mũi khoan phi 16mm	Mũi khoan chuôi côn 22mm, chuôi côn MT2, chiều dài lưỡi 120mm, chiều dài tổng 218mm
607	Mũi khoan phi 22mm	Mũi khoan chuôi côn 22mm, chuôi côn MT2, chiều dài lưỡi 150mm, chiều dài tổng 248mm
608	Mũi khoan phi 24.5mm	Mũi khoan chuôi côn 22mm, chuôi côn MT2, chiều dài lưỡi 160mm, chiều dài tổng 281mm
609	Mũi Taro thẳng ren M8	Mũi taro máy Chất liệu thép HSSE. Bước ren tiêu chuẩn (M8x1.25)
610	Mũi Taro thẳng ren M10	Chất liệu thép HSSE. Bước ren tiêu chuẩn (M10x1.5)
611	Tay quay Taro	Tay quay taro M6 - M20 (1/4"-3/4") Phạm vi taro: M6-M20 Chất liệu: Thép cao cấp Trọng lượng 450g Chiều dài 330mm
612	Chip tiện ren tam giác trong hệ mét 16 IR AG60 (chuyên thép)	Lắp vừa với cán dao 16 tiện ren trong - SNR0016Q16 (góc ren 60°) 10 cái/1 hộp Độ dày: 4mm (chuyên gia công thép)
613	Chip tiện ren ngoài hệ mét 16 ER AG60 (chuyên thép)	Lắp vừa với cán AG60 tiện ren ngoài 10 cái/1 hộp Kích thước: 16mm * 16mm Độ dày: 4mm (chuyên gia công thép)
614	Chip tiện ren thang ngoài 27ER6 TR (chuyên thép)	Chip tiện ren thang ngoài 27ER 6TR (Bước ren 6, A=5/8"; L=27; S=2.7); Hộp 10 mảnh
615	Chip tiện ren thang trong 27IR6 TR (chuyên thép)	Chip tiện ren thang trong 27IR 6TR (Bước ren 6, A=5/8"; L=27; S=2.7); Hộp 10 mảnh
616	Dao phay cao tốc hợp kim	Dao cán thép thường, hàn mảnh hợp kim; Kích thước 15x15x60mm

617	Dao phay đuôi trụ phi 12mm	Dao phay ngón thép gió Ø12mm Đường kính cắt 12mm; Đường kính chuôi 12mm; Chiều dài lưỡi cắt 400mm; Tổng chiều dài 95mm
618	Dao phay đuôi trụ phi 8mm	Dao phay ngón thép gió Ø8mm Đường kính cắt 8mm; Đường kính chuôi 8mm; Chiều dài lưỡi cắt 19mm; Tổng chiều dài 63mm
619	Dao phay đuôi trụ phi 6mm	Dao phay ngón thép gió Ø6mm Đường kính cắt 6mm; Đường kính chuôi 6mm; Chiều dài lưỡi cắt 15mm; Tổng chiều dài 50mm
620	Dao phay modul M1.5 (N1-N8)	Dao phay đĩa modul M1.5; 1 bộ có 8 con
621	Dao phay modul M2 (N1-N8)	Dao phay đĩa modul M2; 1 bộ có 8 con
622	Thép tròn C45 phi 60	Thép hợp kim với hàm lượng cacbon từ 0.42-0.5%; Kích thước: 60x6000mm (1 cây dài 6m)
623	Thép tròn C45 phi 50	Thép hợp kim với hàm lượng cacbon từ 0.42-0.5%; Kích thước: 50x6000mm (2 cây dài 6m)
624	Thép tròn C45 phi 40	Thép hợp kim với hàm lượng cacbon từ 0.42-0.5%; Kích thước: 40x6000mm (2 cây dài 6m)
625	Thép tròn C45 phi 28	Thép hợp kim với hàm lượng cacbon từ 0.42-0.5%; Kích thước: 28x6000mm (6 cây dài 6m)
626	Thép tròn C45 phi 36	Thép hợp kim với hàm lượng cacbon từ 0.42-0.5%; Kích thước: 36x6000mm (5 cây dài 6m)
627	Thép tròn C45 phi 30	Thép hợp kim với hàm lượng cacbon từ 0.42-0.5%; Kích thước: 30x6000mm (5 cây dài 6m)

628	Thép tròn C45 phi 25	Thép hợp kim với hàm lượng cacbon từ 0.42-0.5%; Kích thước: 25x6000mm (5 cây dài 6m)
629	Đồng thau đặc phi 32	Đồng tròn đặc Kích thước: 32x1000mm
630	Đồng thau đặc phi 28	Đồng tròn đặc Kích thước: 28x1000mm
631	Dao phay ngón 2SE2	Đường kính lưỡi dao: 2; Chiều dài lưỡi dao 7mm; Biên dạng lưỡi vuông; Số lưỡi cắt 2; Đường kính cán 6mm; Tổng chiều dài 50mm; Vật liệu gia công: các loại sắt, gang, nhôm, đồng
632	Cán dao cắt rãnh: MGEHR1616-3	Cán dao tiện kích thước 16x16mm Dùng để cắt đứt Dùng lắp mảnh chip MGMN300
633	Cán dao cắt rãnh: MGEHR2525-3	Cán dao tiện kích thước 25x25mm Dùng để cắt đứt Dùng lắp mảnh chip MGMN300
634	Cán dao tiện ren ngoài SER1616	Cán dao tiện ren ngoài SER1616 Cán vuông 16x16 (SER1616H16) chạy bước 0.5 - 3mm Lắp mảnh chip tiện ren ngoài ER16
635	Đá mài hợp kim, kích thước 127x40x400 mm	Kích thước 127x40x400mm Dùng mài hợp kim
636	Đá mài thép thường, kích thước 127x40x400 mm	Kích thước 127x40x400mm Dùng mài thép
637	Chổi quét phoi loại to	Vật liệu ngoài: Nhựa cứng Khối lượng: ~ 50 g Kích thước: 7.5 cm x 20 cm Chất liệu: sợi lông và cán nhựa
638	Hộp mực cho máy in Canon LBP 2900	Asta 12A/103 Universal Màu mực: Đen; Công nghệ in : Laser; Trang in: 2800 trang A4 với bản in có độ phủ mực 5%
639	Hộp mực cho máy in pantum M6702DW	Hộp mực in Pantum M6702dw (TL-412HR) 3K Màu mực: Đen; Công nghệ in : Laser; Trang in: 3000 trang A4 với bản in có độ phủ mực 5% Tương thích: Máy in pantum M6702DW

640	Giấy in A4	Khổ A4 (500sheets/ Ream). Định lượng : 70gsm. Đóng gói tại : 500 tờ/ream, 5 ream/thùng.
641	Hộp mực cho máy in Canon LBP 246DW	Loại In: Laser Tương thích với máy: Canon LBP 243dw/ 246dw/ MF462dw/ MF465dw/ MF469x Năng suất hộp/lo mực (trang A4): 3000 trang (độ phủ 5%) Màu sắc: Đen
642	Dây chuyển đổi display port sang VGA	Chuyển đổi tín hiệu dễ dàng giữa 2 chuẩn DisplayPort và VGA độ phân giải Full HD 1920 x 1080 Chuyển đổi từ cổng DisplayPort ở laptop, máy tính hoặc thiết bị phát của bạn ra chuẩn VGA
643	Dây Curoa cho máy tiện CZ6240 và máy phay X6332B	Dây curoa A79
644	Dây Curoa máy tiện	Dây curoa A76
645	Dây Curoa máy phay UM2	Dây curoa B46
646	Thép tấm 2x120x1000mm	Thép tấm cắt theo kích thước: rộng 120mm, dài 1000mm
647	Nhôm tấm hợp kim 1250x125x40mm	Loại nhôm: A6061 Nhôm tấm kích thước: Dài 1250 x Rộng 125 x dày 40mm (2 tấm)
648	Khăn nôi loại hút nước không đồ lông(màu ngẫu nhiên)	Kích thước 40x30 /1kg-Loại1
649	Nút dùng khăn cấp	Kích thước lắp đặt: D22 Kích thước đầu: D40mm Kiểu hoạt động: Nhấn giữ/Xoay reset Cấu hình tiếp điểm: 1NO+1NC Màu đỏ
650	Máy bơm dầu quay tay cao cấp	Thông số kỹ thuật bơm dầu nhớt: Đường kính ống hút (Inlet diameter): 32 mm Đường kính ống ra (Outlet diameter): 25 mm Chiều dài sản phẩm tổng thể : 1280 mm Lưu lượng bơm trung bình: 21 lít / phút Áp lực hút: 3 mét Áp lực nâng: 5 mét Chất liệu: Hợp kim nhôm

651	Lọc dầu cho máy cắt dây	Dùng cho máy cắt dây Đường kính ngoài: 150mm Đường kính trong: 35mm Dài: 345mm
652	Bông lọc bụi không khí khổ 2m	Bông lọc không khí độ dày G2 10mm Khổ 2mx1m, dày 10mm
653	Dầu nhờn cắt gọt pha nước	Ngoại quan (Dầu gốc): Chất lỏng màu nâu nhạt. Ngoại quan (Pha nước): Nhũ tương màu trắng sữa. Tỷ trọng ở: 0.85-0.95 Độ nhớt động học ở 40°C: 30 - 45cSt Độ pH (tại nồng độ 5%): 8.5-9.5 Điểm chớp cháy (COC): >150°C
654	Thước cặp cơ khí 0-150mm	Phạm vi đo : 0-150mm Độ phân giải : 0.02mm Mã: 530-312 Độ chính xác: ±0.03mm Thanh độ sâu: Pin đầu vuông
655	Máy in đen trắng	Tốc độ in A4: 40 trang/phút khổ A4. Tốc độ in Letter: 42 trang/phút khổ A4. Tốc độ in 2 mặt: 33 trang/phút khổ A4/35 trang/phút khổ Letter Bộ nhớ: 1Gb In đảo mặt: Có Khay nạp bản gốc tự động (ADF): Không Độ phân giải: 600 x 600dpi, 1200 x 1200dpi, 2400 x 600 dpi Công giao tiếp: USB/LAN/WIFI
656	Bộ lục giác 9 món	Sản phẩm gồm 9 món Đường kính trục: 1.5mm / 2mm / 2.5mm / 3mm / 4mm / 5mm / 6mm / 8mm / 10mm
657	Panme cơ đầu đĩa đo bước răng 0-25mm/0.01mm	Dải đo 0-25mm Độ phân giải 0.01mm Độ chính xác: ± 4µm Đặc điểm: 2 đầu đĩa
658	Panme cơ khí đo ngoài 5-25mm mỏ chữ V	Dải đo: 5-25mm Độ phân giải: 0.01mm Độ chính xác: ±4 µm
659	Panme đo trong 5-30mm	Khoảng đo: 5-30mm Độ phân giải 0.01mm Độ chính xác: ±5mm

660	Tủ đựng dụng cụ 7 ngăn	7 ngăn tủ (2 lớn + 5 nhỏ) dễ dàng sắp xếp dụng cụ. Kích thước thùng: 755 x 520 x 820 mm. Kích thước tủ: 685 x 455 x 735mm (khi có bánh xe: 885mm).
661	Thép tấm 6x200x1200 mm	SS400 kích thước 6x200x1200 mm
662	Thép tấm 3x200x1200 mm	SS400 kích thước 3x200x1200 mm
663	Thép tấm 2x200x1200 mm	SS400 kích thước 2x200x1200 mm
664	Que hàn điện phi 2.5mm	Đạt tiêu chuẩn AWS A5.1 E6013, loại Ø 2.5; GB/T5117 E4313; ISO 2560 – B – E 43 13 A Đường kính: 2.5mm Chiều dài que hàn: 300mm
665	Que hàn điện phi 3.2mm	Đạt tiêu chuẩn AWS A5.1 E6013, loại Ø 3.2; GB/T5117 E4313; ISO 2560 – B – E 43 13 A Đường kính: 3.2mm Chiều dài que hàn: 350mm
666	Dây hàn MAG	Loại dây hàn , đường kính 0.9 mm, Theo tiêu chuẩn Quốc tế AWS A5.18 ER70S-6. JIS YGWW12, đóng gói 15kg/cuộn
667	Bếp hàn Mig	Bếp hàn dài M6x45 Loại mật 0.9-1.0
668	Chụp khí hàn Mig	Chụp Khí Đồng Thau Pana 350A
669	Ống đồng phi 10x0.61mm cuộn dài 15m	Dùng trong nhiệt lạnh loại Ø 10/6 (đường kính 10, dày 0.6 mm)
670	Que hàn vảy bạc	Que hàn vảy bạc của, Kích thước: 1.3x3.2x457mm, tiêu chuẩn AWS A5.8
671	Que hàn thiếc	Dạng thanh tròn, tam giác, có đường kính hoặc cạnh từ 8-10 mm hoặc dẹt dạng sợi 2x15mm
672	Gang tay da	Loại da bò, dùng trong hàn điện, loại mềm dài, chống cháy, cách nhiệt, tẫn điện 100%; Độ dày mặt da: 1.8mm Độ dài: 35cm
673	Gang tay len	Loại dùng làm bảo hộ, chống trơn trượt, thấm hút mồ hôi tốt, không sờ lông
674	Khí ô xy	Dùng để hàn, loại bình dung tích 40 lít, áp suất làm việc 150 bar

675	Khí C ₂ H ₂	Dùng để hàn, loại chai dung tích 40L, áp suất nạp tối đa 2 MPA, Nạp 10 kg Aceton và 6 kg acetylen
676	Khí GAS	Dùng để hàn, loại bình hóa lỏng ruột 12kg và vỏ 13 kg
677	Khí Ar	Dùng để hàn, loại bình dung tích 40 lít, Áp suất làm việc : 150 bar
678	Khí CO ₂	Dùng để hàn, loại chai chứa dung tích 40 lít, nạp 25 kg CO ₂ , áp suất làm việc 150 bar =150 kg/cm ²)
679	Kìm hàn 500A	Loại nhựa cứng, chống va đập, đầu kẹp que hàn sản xuất bằng đồng khối rất chắc chắn, chịu nhiệt cao, tay cầm chống trượt, Dòng điện 500A.
680	Mắt kính hàn	Kích thước kính: 108 x 51 mm Tiêu chuẩn ANSI Z87.1
681	Giấy in A4	Kích thước: 21x29.7 cm; Định lượng: 70gsm; Độ trắng 90; Quy cách: 500 tờ/ream
682	Khí Ar	Bình dung tích 40 lít, Áp suất làm việc : 150 bar Độ sạch: 99.9999%
683	Dây hàn hồ quang chìm 3.2mm	Tiêu chuẩn Việt Nam: TCVN 3223:2000. Quy chuẩn Việt Nam: QCVN 21:2010/BGTVT, Part 6 - AW3 Kích thước que : 3.2mm
684	Thuốc hàn	Tiêu chuẩn: AWS A5.17 F6A2-EL12 và AWS A5.17 F7A2-EM12K Độ hạt (mash): từ 10 - 40; (1 bao/kg)
685	Bộ Thuốc kiểm tra thử màu mối hàn Chất làm sạch	Chất làm sạch Dung tích 420ml/chai
686	Bộ Thuốc kiểm tra thử màu mối hàn Chất thẩm thấu	Chất thẩm thấu Dung tích 420ml/chai
687	Bộ Thuốc kiểm tra thử màu mối hàn Chất hiện khuyết tật	Chất hiện khuyết tật Dung tích 420ml/chai
688	Bộ Thuốc kiểm tra thử màu mối hàn Chất tiếp âm Aqua Gel	Chất tiếp âm Aqua Gel Can 3 lít
689	Thép tấm 10x150x200mm	SS400 kích thước 10x150x200mm

690	Dầu thủy lực 46	Loại 46, quy cách đóng can 20 lít, có chỉ số độ nhớt động học ở 40°C
691	Bếp cắt hơi số 1	Cỡ bếp cắt số 1
692	Chuột quang máy tính có dây USB	Kết nối USB 2.0 Màu sắc Đen Dạng cảm biến Optical Số nút bấm 3
693	Bàn phím máy tính có dây USB	Kiểu kết nối: Có dây Chuẩn kết nối: USB Màu sắc: đen Phím chức năng: Standard
694	Giấy in A4	Kích thước: 21x29.7 cm; Định lượng: 70gsm; độ trắng 90; Quy cách: 500 tờ/ream
695	Hộp mực cho máy in HP LaserJet Pro M404dw (HP 76A)	Màu mực: Đen; Công nghệ in : Laser; Trang in: 2800 trang A4 với bản in có độ phủ mực 5% Tương thích: HP LaserJet Pro M404dw
696	Hộp mực cho máy in HP Pro M402dn (26A)	Màu mực: Đen; Công nghệ in : Laser; Trang in: 2800 trang A4 với bản in có độ phủ mực 5% Tương thích: HP Pro M402dn
697	Dây nguồn dùng cho PC và các thiết bị tương thích	Điện áp định mức: 250V AC, Dòng điện định mức: 16A Cấu tạo lõi dây: 3 lõi đồng (Dây nóng, dây nguội, dây tiếp địa). Tiết diện lõi: 3x0.75mm ² Đường kính ngoài (OD): Khoảng 6.8mm - 7.5mm. Vỏ dây: Nhựa PVC chịu nhiệt, độ bền cao, chống cháy lan.
698	Chuột quang máy tính có dây USB	Kết nối USB 2.0 Màu sắc Đen Dạng cảm biến Optical Số nút bấm 3

699	Nhựa in 3D Resin UV Anycubic (loại 1Kg) - White	Loại 1Kg - White Độ cứng: 79D Độ nhớt (25°C): 552 mPa·s Bước sóng đóng rắn: 405 nm Khối lượng riêng (dạng lỏng): 1.1 g/cm ³ Khối lượng riêng (dạng rắn): 1.184 g/cm ³ Độ co ngót: 7.1% Độ bền kéo: 23.4 MPa Thời gian đóng rắn: 6–10 giây Độ giãn dài khi đứt: 14.2%
700	Nhựa in 3D Resin UV Anycubic (loại 1Kg) - Black	Loại 1Kg - Black Độ cứng: 79D Độ nhớt (25°C): 552 mPa·s Bước sóng đóng rắn: 405 nm Khối lượng riêng (dạng lỏng): 1.1 g/cm ³ Khối lượng riêng (dạng rắn): 1.184 g/cm ³ Độ co ngót: 7.1% Độ bền kéo: 23.4 MPa Thời gian đóng rắn: 6–10 giây Độ giãn dài khi đứt: 14.2%
701	Nhựa in 3D Resin UV Anycubic (loại 1Kg) - Grey	Loại 1Kg - Grey Độ cứng: 79D Độ nhớt (25°C): 552 mPa·s Bước sóng đóng rắn: 405 nm Khối lượng riêng (dạng lỏng): 1.1 g/cm ³ Khối lượng riêng (dạng rắn): 1.184 g/cm ³ Độ co ngót: 7.1% Độ bền kéo: 23.4 MPa Thời gian đóng rắn: 6–10 giây Độ giãn dài khi đứt: 14.2%
702	Nhựa in 3D ABS	Nhiệt độ in: 230-270°C Nhiệt độ bàn in: 90-110°C Tốc độ in: 50-90mm/s Độ bền kéo: 40-50MPa Nhiệt độ biến dạng nhiệt: 90-105°C Khối lượng riêng: ~1.04 g/cm ³

703	Nhựa in 3D Pegt	Nhiệt độ in: 235-255°C Nhiệt độ bàn in: 70-85°C Tốc độ in: 40-60mm/s Độ bền kéo: 50-54MPa Nhiệt độ biến dạng nhiệt: 70-80°C Khối lượng riêng: ~1,27g/cm ³
704	Chất hiện hình vết nứt môi hàn số 4	Số 4 (Nabakem-Hàn Quốc)
705	Đá ráp xếp đủ cấp độ từ thô tới mịn (10 viên)	Hộp 10 viên
706	Mũi mài trụ cốt 6mm phi lớn đủ size từ 18mm-25mm	size từ 18mm-25mm chuyên dụng tạc tượng, mài khuôn
707	Thép tấm 10x80x1000mm	Kích thước: 10x80x1000mm
708	Hộp xịt chống rỉ sét 350g	Dạng xịt Dung tích: 350g
709	Máy nén khí dây đai 3Hp, 120 Lit, Áp 8	Công suất: 3 HP Điện áp 1 pha: 220V Lưu lượng: 250 Lit/phút Áp lực: 8 Kg/cm Dung tích bình chứa: 120 Lit
710	Máy khoan sắt 650W	Khả năng khoan Thép: 13mm - Gỗ: 30mm Dây dẫn điện: 2m Công suất: 650W Tốc độ không tải: 0-2.800vòng/phút Tốc độ đập/phút: 0-44.800
711	Máy khoan vặn vít dùng Pin 18V	Nguồn pin Li-ion 2x 18V 1,5Ah (36Wh) Momen xoắn cực đại cứng / mềm 42/27 Nm Khả năng Thép: 13mm Gỗ: 36mm Tốc độ không tải: Cao 0-1,300 v/p Thấp 0-400 v/p Lực siết tối đa: Cứng / Mềm: 42 / 27 N.m Phụ kiện đi kèm Mũi vít (+) (-). Sạc, 2 pin 1.5Ah

712	Máy mài góc 100mm	<p>Điện áp: 220V Công suất: 840W Đường kính lưỡi cắt: 100mm Tốc độ không tải: 11000 vòng/phút Tính năng: Cách điện kép Trọng lượng khoảng: 1,9kg Kích thước: 271x118x97mm Phụ kiện đi kèm Đá cắt tâm trung, Chụp bảo vệ, Tay cầm bên, Cờ lê hãm đai ốc. Công tắc: Trượt/Cạnh</p>
713	<p>Máy đo nhiệt độ hồng ngoại (2200°C/55:1) (Đo nhiệt cho khuôn ép nhựa)</p>	<p>Dải đo nhiệt độ hồng ngoại: -50°C đến 2200°C Dải đo nhiệt độ môi trường: -10°C đến 50°C Độ ẩm tương đối: 10% RH đến 90% RH Cặp nhiệt loại K: -50°C đến 1370°C Tiêu chuẩn: CE UKCA D/S: 55:1 Độ phát xạ: 0.1 đến 1.0 (tùy chỉnh) Đáp ứng phổ: 8µm đến 14µm Laser: < 1 mW, class II Gaio điện: Type-C USB Pin: Li-ion 3.7V 2600mAh 18650 rechargeable lithium-ion battery Màn hình: LCD 37mm x 49mm Trọng lượng: 375 g Kích thước: 205 x 65 x 124 mm</p>
714	Ổ cắm điện 6 lỗ châu đa năng dài 3m	<p>Số ổ cắm: 06 ổ đa năng Chiều dài dây dẫn: 3m Tiết diện dây dẫn: 2x0.75mm Số lõi dây: 02 Lõi Công suất tối đa: max 2200W Dòng max: 10A Bảo vệ quá tải, ngắn mạch Bảng aptomat 10A Số công tắc: 02 Cái Phích cắm tương ứng hầu hết tất cả các loại phích cắm trên thế giới</p>
715	Dao phay ngón - phay nhựa, nhôm (phi 4)	Phi 4 mm
716	Dao phay ngón - phay nhựa, nhôm (phi 6)	Phi 6 mm

717	Dao phay ngón - phay nhựa, nhôm (phi 8)	Phi 8 mm
718	Dao phay ngón - phay nhựa, nhôm (phi 10)	Phi 10 mm
719	Dao phay ngón - phay nhựa, nhôm (phi 12)	Phi 12 mm
720	Bộ chấu kẹp collet ER20 (lỗ 4)	Loại: ER20 – 4 mm Đường kính ngoài (OD): ~21 mm Chiều dài (L): ~31.5 mm Góc côn: 8° Thép lò xo hợp kim (Spring steel) Độ cứng: HRC 44 – 48
721	Bộ chấu kẹp collet ER20 (lỗ 6)	Loại: ER20 – 6 mm Đường kính ngoài (OD): ~21 mm Chiều dài (L): ~31.5 mm Góc côn: 8° Thép lò xo hợp kim (Spring steel) Độ cứng: HRC 44 – 48
722	Bộ chấu kẹp collet ER20 (lỗ 8)	Loại: ER20 – 8 mm Đường kính ngoài (OD): ~21 mm Chiều dài (L): ~31.5 mm Góc côn: 8° Thép lò xo hợp kim (Spring steel) Độ cứng: HRC 44 – 48
723	Bộ chấu kẹp collet ER20 (lỗ 10)	Loại: ER20 – 10 mm Đường kính ngoài (OD): ~21 mm Chiều dài (L): ~31.5 mm Góc côn: 8° Thép lò xo hợp kim (Spring steel) Độ cứng: HRC 44 – 48
724	Bộ chấu kẹp collet ER20 (lỗ 12.7)	Loại: ER20 – 12.7 mm Đường kính ngoài (OD): ~21 mm Chiều dài (L): ~31.5 mm Góc côn: 8° Thép lò xo hợp kim (Spring steel) Độ cứng: HRC 44 – 48
725	Bộ cờ lê 14 chi tiết 8 - 32mm	Bộ Cờ lê dạng 1 đầu hở 1 đầu tròn Gồm 14 Cái: 8,10,11,12,13,14,15,17,19,22,24,27,30,32 mm Chất liệu thép Crôm- Vanadi

726	Bộ lục giác hệ inch	Gồm 9 cỡ: 1/16, 5/64, 3/32, 1/8, 5/32, 3/16, 1/4, 5/16, 3/8 Đầu dài được thiết kế đầu bi "Ball Point" Trọng lượng khoảng: 420g
727	Tuốc nơ vít 4 cạnh (loại to)	Loại: 4 cạnh Kích thước: 8x200mm
728	Tuốc nơ vít 4 cạnh (loại nhỏ)	Loại: 4 cạnh Kích thước: 3.2x100mm
729	Tuốc nơ vít 2 cạnh (loại to)	Loại: 2 cạnh Kích thước: 8x200mm
730	Tuốc nơ vít 2 cạnh (loại nhỏ)	Loại: 2 cạnh Kích thước: 3.2x100mm
731	Kìm răng cầm tay	Kích thước: 6 inch - 16cm
732	Búa tạ 5kg	Trọng lượng đầu búa: 5 kg Chiều dài tổng thể: 900 mm Chất liệu: Thép carbon 45# cao cấp, chịu nhiệt tốt Thiết kế: Cán búa chắc chắn, có thể bọc nhựa chống trượt
733	Búa đinh cơ khí 500g	Trọng lượng đầu búa: 500g Chất liệu: Thép carbon 45# chịu nhiệt Thiết kế: Cán búa chắc chắn, có thể bọc nhựa chống trượt
734	Búa đinh cơ khí 2kg	Trọng lượng đầu búa: 2000g (2kg) Chất liệu đầu búa: Thép carbon 45#, rèn thả cải tiến, đã qua xử lý nhiệt Tay cầm: Sợi thủy tinh (Fiberglass) hoặc nhựa bền
735	Dũa dẹp 250mm	Loại dũa: Dũa bản (dũa dẹp) Chiều dài lưỡi: 250mm (10 inch), không bao gồm phần cán Vật liệu thân dũa: Thép hợp kim cao cấp, đã qua xử lý nhiệt tôi cứng Vật liệu cán: Nhựa PVC tổng hợp hoặc cao su mềm, chống trơn trượt Độ mịn răng: Răng trung bình (bán nguyệt), phù hợp mài gỗ, kim loại mềm, nhựa Trọng lượng tịnh: Khoảng 200–250g
736	Mẫu thử kéo phi 12x dài 76mm	Vật liệu thép C45
737	Mẫu thử mối phi 12x dài 146mm	Vật liệu thép C45

738	Giấy in A4	Kích thước: 21x29.7cm; Định lượng: 70gsm; độ trắng 90; Quy cách: 500 tờ/ream
739	Hộp mực cho máy in Brother HL-B2180DW	Loại mực: In laser trắng đen Dung lượng: 2.600 trang độ phủ 5% Bảo hành: 12 tháng hoặc đến hết mực.
740	Hộp mực cho máy in HP Laser Jet Pro 4003 dn (Bao gồm cả cụm tan trống)	Cho máy in HP Pro 4003dn, M4003dw, MFP 4102fdn, 4103fdw Loại mực : Laser Màu mực : Đen
741	Bộ lập trình PLC Siemens SIMATIC S7-1200, CPU 1212C DC/DC/relay 6ES7212-1HE40-0XB0	Dòng sản phẩm SIMATIC S7-1200, CPU 1212C Model: 6ES7212-1HE40-0XB0 " hoặc tương đương" Kiểu cấu hình: DC/DC/Relay (Nguồn DC / Đầu vào DC / Đầu ra Relay) Nguồn cấp (Power Supply): 24 V DC (Dải cho phép: 20.4-28.8V DC) Bộ nhớ làm việc (Work Memory):100 KB (Tích hợp sẵn) Bộ nhớ tải (Load Memory):4 MB (Tích hợp), có thể mở rộng qua thẻ nhớ SIMATIC Memory Card Đầu vào số (Digital Inputs - DI):8 ngõ vào 24 V DC (Có thể dùng 6 ngõ làm bộ đếm tốc độ cao HSC 100kHz) Đầu ra số (Digital Outputs - DO): 6 ngõ ra Relay (Dry contact) Khả năng chịu tải đầu ra: Tối đa 2A cho tải thuần trở; 30W DC/200W AC Đầu vào tương tự (Analog Inputs): 2 ngõ vào tích hợp 0-10V DC (Độ phân giải 10 bit) Giao diện truyền thông: 1 cổng PROFINET (Ethernet công nghiệp) tích hợp Giao thức hỗ trợ : TCP/IP, ISO-on-TCP, UDP, Modbus TCP, S7 Communication Kích thước (R x C x S): 90 x 100 x 75 mm Trọng lượng: ~311 g Phần mềm lập trình: STEP 7 Basic/Professional V14 trở lên

742	Máy cấp nguồn 0-30,60, 120V	<p>Điện áp đầu vào: AC 220V Điện áp đầu ra: 0 ~ 30V 0~60V 0~120V Dòng điện đầu ra: 0~10A 0~5A 0~3A Độ phân giải điện áp: 100mV. Độ phân giải hiện tại: 10mA. Điện áp đầu ra nằm trong khoảng từ 0 đến điện áp định mức với điều chỉnh liên tục. Điều chỉnh điện áp: Điều chỉnh dòng < 5mV. Điều chỉnh tải < 5mV. Thời gian phục hồi < 500us (Thay đổi tải 50%, tải tối thiểu 0,5A). Độ gợn sóng & tiếng ồn < 5m Vrms, 100m Vp-p. Hệ số nhiệt độ < 100p pm / C. Dòng điện đầu ra nằm trong khoảng từ 0 đến dòng định mức với điều chỉnh liên tục Điều chỉnh dòng điện < 3mA. điều chỉnh tải < 3mA. Đồng hồ chỉ báo Độ chính xác hiển thị điện áp: + - (0,5% rdg + 3 chữ số). Độ chính xác hiển thị hiện tại: + - (0,5% rdg + 3 chữ số). Nhiệt độ & Độ ẩm hoạt động: 0 ~ 40 C, RH < 80%. Nhiệt độ & Độ ẩm bảo quản: -10 ~ 70 C, RH < 70%.</p>
743	Bút chì gỗ cao cấp 4B	Loại: 4B Hộp 12 cái
744	Bút chì gỗ cao cấp 6B	Loại: 6B Hộp 12 cái
745	Tẩy gôm chì 2B màu đen	2B chữ nhật
746	Vải mộc (Draping)	Khổ 1m5
747	Giấy xi măng Nhật Kraft	Kích thước: 72 x102 cm
748	Băng dính đánh dấu trên ma nơ canh (màu đen)	Kích thước: 3mm x20m
749	Gọng nhựa trơn tạo phom áo/váy corset-dày 0.5 cm	50 m
750	Gọng xương cá nhựa may trực tiếp	(cuộn 45m) #0211
751	Gọng thép dẻo không di loại đẹp (50m)	0,4 cm
752	Đầu bọc gọng (100	Kích thước: 0,8x0,5 cm

	chiếc)	
753	Gõ Cắm Kim, Đệm Cắm Kim, Ghim Kim Đeo Cổ Tay	Đường kính 6cm
754	Kìm bấm dấu rập	50 m
755	Bút vẽ vải tự bay	1/16"x1/4"
756	Hộp đính ghim trên ma nơ canh (300 chiếc)	L2. 0,6mm
757	Bộ Thước thiết kế	7pcs
758	Con lăn sang dấu	Dài 17.5cm
759	Kéo cắt vải	Dài 20-25cm
760	Đệm mút tròn nâng ngực - Màu da	Kích thước: 11 x 11 cm
761	Đệm mút tam giác nâng ngực - Màu da	Kích thước: 12,5 x 13 cm
762	Bộ Gọng ngực (cặp - phù hợp VN=90cm)	L - 36
763	Khung thêu thủ công	20cm
764	Bộ Bút sơn Acrylic 12 màu, vẽ trên vải	12 màu
765	Cắt băng dính cỡ nhỏ	Kích thước: 25 x 26 x 88 mm
766	Giấy in A4	Kích thước: 21x29.7cm; Định lượng: 70gsm; độ trắng 90; Quy cách: 500 tờ/ream
767	Giấy in A4	Kích thước: 21x29.7cm; Định lượng: 70gsm; độ trắng 90; Quy cách: 500 tờ/ream
768	Bảng ghim vật liệu	Bề mặt bảng ghim treo tường KT: H900x1200mm bằng Cốt Synthetic Rubber, phủ nền vải nỉ, ván hậu bằng MDF hoặc nhựa.
769	Giá treo quần áo inox	Chất liệu INNOX 304, Khối lượng: 9.5kg, bánh xe xoay 360 độ, kích thước: cao x dài x rộng =1m5x1m8x0,53m
770	Vải may áo Jacket (vải Cobalt blue)	Khô \geq 1,5 m
771	Khóa may áo Jacket (cùng màu vải may áo Jacket)	Khóa dài 70cm
772	Chỉ may áo Jacket (cùng màu vải may áo Jacket)	5000m/1 cuộn
773	Vải thô may áo sơ mi nam	Khô \geq 1,5 m

774	Vải may quần âu (Vải Tuypxi)	Khô \geq 1,5 m
775	Vải may váy (mango)	Khô \geq 1,5 m
776	Giấy in A4	Kích thước: 21x29.7cm; Định lượng: 70gsm; độ trắng 90; Quy cách: 500 tờ/ream
777	Bộ Veston nữ 2 lớp, quần	Công sở, dài tay
778	Bộ ký giả nữ	Công sở, dài tay
779	Chân váy dệt kim	TT trung niên, xoè
780	Đầm liền thân nữ	Thời trang
781	Áo dệt kim nữ	TT Hè thu
782	Áo sơ mi nữ thời trang	Xuân hè
783	Bộ quần áo tập nữ	Quần, Áo 3 lỗ
784	Vải dệt thoi vân điểm CB 100% PES	Khô \geq 1,5 m
785	Vải dệt thoi Vân điểm CB 1/2 100% cotton	Khô \geq 1,4 m
786	Vải dệt thoi vân điểm cơ bản PES/Co	Khô \geq 1,5 m
787	Vải dệt thoi vân chéo cơ bản PES/Co	Khô \geq 1,5 m
788	Vải dệt kim đan trơn 100% cotton	Khô \geq 1,5 m
789	Vải dệt thoi vân điểm biến đổi tăng 2/2 100% PES	Khô \geq 1,5 m
790	Vải lụa chéo biến đổi 100% PES	Khô \geq 1,5 m
791	Vải 100% silk	Khô \geq 0,8 m
792	Vải dạ dệt kim 100% PES	Khô \geq 1,5 m
793	Vải Denim Vân chéo CB Cotton/PU	Khô \geq 1,5 m
794	Lưỡi dao lam	10 chiếc/hộp
795	Nến cốc	6 chiếc/hộp
796	Sợi dệt đơn 100% PES	Sợi đơn
797	Đế cắt cho dụng cụ QC-PS	25*35 cm
798	Vải may áo veston nam	Khô \geq 1,5 m
799	Vải may lót áo veston nam (cùng màu vải chính)	Khô \geq 1,5 m

800	Vải may áo veston nữ	Khô $\geq 1,5$ m
801	Mex mừng may áo veston (nam, nữ cùng màu vải chính)	Khô $\geq 1,5$ m
802	Ken vai bé	Ken vai bé được tạo thành từ nhiều lớp vật liệu ép nhiệt: Mút ép (Foam)/Bông gòn/Polyester/cotton Chiều dài (cung vai): 12-14cm Chiều rộng (bản vai): 7-9cm Độ dày đỉnh vai: 0.5-1cm
803	Giấy cotton bìa cứng	Giấy cotton bìa cứng 80 x 110 (cm)
804	Khóa quần âu (cùng màu vải quần)	Khóa quần âu (cùng màu vải quần) kích thước 20 cm
805	Vải thô may lót túi quần âu (Cùng màu với vải chính)	Khô $\geq 1,5$ m
806	Mex vải may áo sơ mi	Khô $\geq 1,5$ m
807	Vải thô may áo sơ mi nữ	Khô $\geq 1,5$ m
808	Cúc trắng (Cúc áo sơ mi)	Cúc áo sơ m 4 lỗ
809	Giấy vẽ Croki	Giấy vẽ Croki Khô A3 (túi 20 tờ)
810	Pin tiểu 1,5V AA	Pin tiểu 1,5V AA (hộp 10 vi - chính hãng)
811	Bộ cọ vẽ lông chồn cán xanh Đầu oval- 12 cái	Chất liệu lông: Lông chồn tự nhiên mềm mịn, có độ ngậm nước và đàn hồi tốt. Chất liệu cán: Gỗ sơn xanh bóng, thiết kế cán dài cầm tay, dễ cầm nắm và điều khiển. Đầu cọ: Hình Oval (Lưỡi mèo) linh hoạt. Xoay góc để vẽ nét nhỏ hoặc dùng mặt phẳng để quét mảng lớn và vẽ cánh hoa. Kích cỡ: Gồm 12 size cơ bản đánh số từ 1 đến 12. Khâu cọ (Ferrule): Làm bằng thép không gỉ, được bóp chặt chắc chắn giúp lông cọ không bị rụng.
812	Màu Acrylic MONT MARTE	Lọ 300ml, lấy nhiều màu trắng, vàng
813	Vải hoa bày mẫu	Tấm 2m, các màu, chất liệu lụa, lanh
814	Lọ hoa loại đẹp, to	Kích thước: Cao 30-40cm, dáng khác nhau

815	Khối thạch cao cơ bản	Khối vuông, tròn, trụ, nón, đa giác (cao 20cm)
816	Giấy in A4	Kích thước: 21x29.7cm; Định lượng: 70gsm; độ trắng 90; Quy cách: 500 tờ/ream
817	Bút chì màu	Bút chì màu Hộp 24 cái
818	Vở vẽ mỹ thuật A4	Vở vẽ mỹ thuật A4 40 trang
819	Giá vẽ gỗ mini để bàn	Giá gỗ kích thước 21x28cm
820	Đầu mạng RJ45 CAT6 FV (100c/túi)	Đầu mạng RJ45 CAT6 FV (100c/túi)
821	Hộp đầu mạng RJ45 Cat6 UTP	Hộp đầu mạng RJ45 Cat6 UTP; 1 hộp 100 chiếc
822	Ổ cắm điện chịu tải 6000w	Mặt ổ làm bằng nhựa kỹ thuật chống cháy Vỏ siêu bền chịu va đập Lõi sứ chống cháy Có lò xo tăng lực kẹp chống move Cực đồng đúc đầu dây thông minh bằng đồng nguyên tấm Chịu được 3 thiết bị có công suất $\geq 2000w$ cùng lúc
823	Dây cáp HDMI dài 15m	Cáp HDMI cao cấp này có tốc độ truyền dữ liệu lên đến 2.10,2 Gb / s Cáp có độ dài 15M Hỗ trợ âm thanh cao cấp Dolby TrueHD và DTS-HD Master Audio Hỗ trợ công nghệ HDCP compliant Ethernet Kênh HDMI Thêm mạng tốc độ cao vào một liên kết HDMI, cho phép người dùng tận dụng đầy đủ các thiết bị IP-kích hoạt của họ mà không cần một cáp Ethernet riêng biệt. Tích hợp thêm tính năng Audio Return Channel
824	Pin cúc 3V CR2032 Lithium	TT sản phẩm: Lithium 3v; 220mAh - 225mAh Kích thước: 20x3.2mm 1 vi 5 viên

825	Pin tiêu 1,5V AA Energizer Alkaline 10X Max	Thông số chi tiết: Loại pin : AA – Pin tiêu Điện áp : 1,5v Đóng gói : Vi 2 viên Chất liệu : Alkaline (Kiềm)
826	Chuột máy tính có dây USB	Loại chuột: Có dây Giao tiếp: USB màu: Black Vòng đời phím: 3 triệu click for Games Độ phân giải: 1000 DPI Đền: có
827	Nguồn máy tính	Công suất : 250W Quạt hệ thống : 12cm Fan *1 Hiệu suất: 78% Tuổi thọ: 100,000 giờ Kích thước: 150 x 85 x 140(mm) Output: +12V 17A (204W)
828	Kìm bấm mạng 3 trong 1 RJ45/RJ12/RJ11/RJ9	Chức năng: Bấm đầu cáp, tước vỏ cáp, cắt đầu cáp Đầu nối tương thích: RJ45 (8P8C), RJ12 (6P6C), RJ11 (6P4C / 6P2C), RJ9 (4P4C / 4P2C) Chất liệu thân: Thép carbon A3 (Q235) Chất liệu lưỡi: Thép 5Cr13 Chất liệu tay cầm: TPE + nhựa ABS Kèm theo: Bộ lưỡi thay thế Kích thước: 196 x 52.4 x 13.6 mm Trọng lượng: 280 g
829	Bộ test mạng RJ45, RJ11/12	Tính năng: kiểm tra dây mạng Đầu vào: RJ12 (6P6C) x 1 Đầu vào: RJ45 (8P8C) x 1 Đầu ra RJ12 (6P6C) x 1 Đầu ra: RJ45 (8P8C) x 1 Chỉ báo trạng thái hoạt động

830	Bộ phát wifi 6 AX1800	Công nghệ/Đạt chứng nhận FCC, CE, RoHS Chuẩn Wi-Fi Wi-Fi 6 (802.11ax) Băng tần sóng 2.4GHz & 5GHz Cổng kết nối 1 x cổng WAN Gigabit 4 x cổng LAN Gigabit Kết nối và điều khiển Ứng dụng Tether Số Ăng ten 4 x Ăng ten hiệu suất cao cố định Tốc độ mạng 5 GHz: 1201 Mbps (802.11ax) 2.4 GHz: 574 Mbps (802.11ax)
831	Dây cắm nối với 2 đầu cốt	Chiều dài dây 40cm, 0.75A với 2 đầu cốt
832	Dây cắm nối với 2 đầu cốt	Chiều dài dây 30cm, 0.75A với 2 đầu cốt
833	Dây cắm nối với 2 đầu cốt	Chiều dài dây 50cm, 0.75A với 2 đầu cốt
834	Dây điện đơn mềm 1x0.75mm ²	Quy cách: Cu/Pvc Ruột dẫn: Đồng 99,99%. Số lõi: 1 Tiết diện: 0,75mm ² Điện áp: 300/500 V Màu sắc: vàng
835	Dây điện đơn mềm 1x0.75mm ²	Quy cách: Cu/Pvc Ruột dẫn: Đồng 99,99%. Số lõi: 1 Tiết diện: 0,75mm ² Điện áp: 300/500 V Màu sắc: đỏ
836	Jack bấm chuối cái 4mm các màu đầu đục loại cắm chông	màu đỏ và vàng, túi đóng 100 chiếc Kích thước : Jack cái 4mm
837	Pin AAA 2 viên Alkaline LR03T	Dùng thay thế trong các thiết bị đo điện, vi 2 viên
838	Pin AA 2 viên Alkaline LR6T-2B-V	Dùng thay thế trong các thiết bị đo điện, vi 2 viên
839	Giấy thấm thấu	Kích thước: 330x300 mm, 100sheets
840	Pin vuông 9V	Hộp 12 viên Kích cỡ: pin vuông , pin 9V Chất liệu: pin than (zinc-carbon) Điện áp tiêu chuẩn: 9 volt

841	Băng dính cách điện	18mm x 20y (yard) màu vàng, đỏ, trắng, đen, xanh dương, xanh lá.
842	Thiếc hàn 0.8mm không chì	Thiếc 96.5% - Bạc 3% - Đồng 0.5% dài 15m, d=0.8 mm
843	Mỡ hàn 100g	Mỡ hàn 100G
844	Giấy in A4	Kích thước: 21x29.7cm; Định lượng: 70gsm; độ trắng 90; Quy cách: 500 tờ/ream
845	Cầu chì dùng trong đồng hồ đa năng	Bảo vệ đồng hồ, loại 100 cái
846	Kìm điện	Chức năng: Cắt và tuốt dây điện Sản phẩm sử dụng chất liệu thép Carbon Lưỡi kèm thông qua xử lý tôi cảm ứng, đạt độ cứng Cán bọc nhựa
847	Kéo cắt loại to	Kích thước kéo: 210mm; Lưỡi kéo 105mm. Lưỡi kéo thép hợp kim không gỉ, sắc bén, hạn chế mài mòn, tuổi thọ có thể lên đến 10 năm. Lưỡi kéo răng cưa nhỏ có độ bám tốt hơn, giúp chống trượt khi cắt vải, cắt màng nhựa. Tay cầm thiết kế đặc biệt, có thể đặt sát mặt bàn mà vẫn thao tác bình thường. Tay cầm làm từ nhựa PVC, không gây dị ứng, bền bỉ.
848	Điện trở 820 ohm	2 chân cắm Có 2 chân cắm bằng đồng dài 30mm, Điện trở 820 ohm gắn trên đế, Có hộp mica bảo vệ kích thước: 22x54x27mm, Khoảng cách bao ngoài 2 chân 43,5mm
849	Tụ điện 47 micro	2 chân cắm Có 2 chân cắm bằng đồng dài 30mm, Tụ điện 47 micro gắn trên đế, Có hộp mica bảo vệ kích thước: 22x54x27mm, Khoảng cách bao ngoài 2 chân 43,5mm
850	Cuộn cảm loại to	Dùng cho bài khảo sát RLC
851	Hộp nhựa trong suốt	Kích thước 30x20x15 có nắp đậy
852	Cân điện tử	Giới hạn đo 1-1000gr, độ chia 0.01 mg

853	Nhiệt kế hiện số	Dải đo -50 tới 300 độ, độ chính xác ± 1 độ
854	Đồng hồ vạn năng	<p>DC V: 6.000/60.00/600.0V/$\pm 0.5\%$rd ± 3dgt</p> <p>DC mV: 600.0mV/$\pm 1.5\%$rdg ± 3dgt</p> <p>AC V: 6.000/60.00/600.0V/$\pm 1.0\%$rdg ± 3dgt[40 - 500Hz]</p> <p>AC mV: 600.0mV/$\pm 2.0\%$rdg ± 3dgt[40 - 500Hz]</p> <p>DC A: 6.000/10.00A $\pm 1.5\%$rdg ± 3dgt</p> <p>AC A: 6.000/10.00A/$\pm 1.5\%$rdg ± 3dgt[45 - 500Hz]</p> <p>Ω: 600.0Ω/6.000/60.00/600.0kΩ/6.000/40.00MΩ/$\pm 0.5\%$rdg ± 4dgt(600Ω)/$\pm 0.5\%$rdg± 2dgt(6/60/600kΩ/6MΩ)/$\pm 1.5\%$rdg ± 3dgt(40MΩ)</p> <p>Điện dung: 60.00/600.0nF/6.000/60.00/600.0/1000μF/$\pm 2.0\%$rdg ± 5dgt(60/600nF)/$\pm 5.0\%$rdg ± 5dgt(6/60/600/1000μF)</p> <p>Tần số: ACV 99.99/999.9Hz/9.999/99.99kHz/$\pm 0.1\%$rdg ± 3dgt</p> <p>ACA 99.99/999.9Hz/9.999kHz/$\pm 0.1\%$rdg ± 3dgt</p> <p>Nguồn: R03 (1.5V) \times 2</p> <p>Kích thước: 155(L) \times 75(W) \times 35(D)mm, 250g</p>
855	Sữa bột nguyên kem có đường	<p>Trọng lượng: ≥ 400g (hộp giấy).</p> <p>Loại: Có đường, nguyên kem.</p>
856	Siro Golden Farm Dâu chai	<p>Thành phần cấu tạo: Đường mía RE, nước, nước cốt dâu (10-20%), chất điều chỉnh độ acid: acid citric (E330), chất bảo quản: kali sorbate (E202), hương dâu tổng hợp, màu thực phẩm tổng hợp: ponceau 4R (E124), brilliant blue FCF (E133).</p> <p>Thể tích thực: ≥ 520ml</p>
857	Đường kính trắng/Vàng túi	<p>Thành phần: 100% đường mía.</p> <p>Quy cách đóng gói ≥ 1kg</p>
858	Dầu đậu nành	<p>Loại: Simply 1l</p> <p>Thành phần: 100% dầu đậu nành nguyên chất tinh luyện</p> <p>Quy cách đóng gói 1 lit</p>
859	Bột mì đa dụng cao cấp Meizan	<p>Khối lượng tịnh: ≥ 1Kg</p> <p>Thành phần: Lúa mì, vi chất sắt, kẽm.</p>
860	Dấm trắng	<p>Thành phần: gạo, nước tinh lọc</p> <p>Thể tích: ≥ 500ml</p> <p>Loại chai: Pet</p>

861	Muối tinh sạch cao cấp	Trọng lượng: $\geq 500g$. Đặc tính: Muối tinh, trắng sạch, mịn. Thành phần: Muối NaCl sạch
862	Đậu tương	Chất lượng: Hạt đậu to, đều, khô ráo, thơm đặc trưng, không bị mốc. Quy cách đóng gói: $\geq 500g$
863	Đậu xanh	Chất lượng: Hạt đậu to, đều, khô ráo, thơm đặc trưng, không bị mốc. Quy cách đóng gói: $\geq 500g$
864	Rây lọc	Chất liệu: Inox 304 Kích thước: 8.5x23.3cm
865	Giấy lọc	Đường kính giấy lọc 12,5 cm Quy cách đóng gói: 100 tờ
866	Giấy lọc băng xanh	Đường kính giấy lọc 12,5 cm Quy cách đóng gói: 100 tờ
867	Chảo từ	Đường kính 24cm, độ dày 2,1 mm, Dùng được bếp từ, chất liệu hợp kim nhôm Được tráng 2 lớp chống dính Whitford (USA) Sử dụng được với mọi loại bếp, bao gồm cả bếp từ Kích thước 55mmx154mmx193mm
868	Găng tay y tế có bột, size L	Có bột Latex, dài 24 cm
869	Khẩu trang	Hộp khẩu trang ≥ 50 chiếc/hộp
870	Bếp hồng ngoại cảm ứng 2000W, không kén nồi chảo	Loại bếp điện/cảm ứng từ/hồng ngoại Điện áp đầu vào 220V Tiêu thụ điện năng $\geq 2000W$ Kích thước (dài x rộng x cao) 39cm x 31cm x 6cm
871	Máy ép hoa quả	Công suất: $\geq 200W$ Ổng tiếp nguyên liệu: Cửa nhỏ: 43 mm, cửa lớn: 103 mm; Số cối: 1 cối ép Dung tích: Cốc đựng nước ép: 0.8 lít, Cốc đựng bã: 0.7 lít Chất liệu cối: Cối ép: Nhựa ABS, Nhựa PC/PCTG Thanh nhân: nhựa ABS Lưới lọc: inox 304 Trục ép: nhựa PMMA Cốc đựng nước ép: nhựa AS Cốc đựng bã ép: nhựa AS

872	Điện cực lưới Titan mạ Platin	Điện cực lưới titan phủ bạch kim Kích thước: 50x50mm và 50x100mm Điện cực titan phủ bạch kim là lớp bạch kim được kết hợp chặt với chất nền dựa trên titan.
873	Giấy nhám P180	Vật liệu mài: Silicon Carbide Cỡ hạt P180 Kích thước: 230x280mm Số lượng: 100 tờ/sấp
874	Giấy nhám P240	Vật liệu mài: Silicon Carbide Cỡ hạt P240 Kích thước: 230x280mm Số lượng: 100 tờ/sấp
875	Giấy nhám P400	Vật liệu mài: Silicon Carbide Cỡ hạt P400 Kích thước: 230x280mm Số lượng: 100 tờ/sấp
876	Bình Hull cell 267ml cho thí nghiệm mạ điện, hullcell 250 / 267ml	Vật liệu: Acrylic trong suốt chịu nhiệt Thể tích: 250ml 267ml 500ml Loại cao cấp: - Có khe cắm thanh gia nhiệt - Có đầu cắm ống silicon kết nối với bơm sục khí khuấy trộn - Có khe cắm nhiệt kế
877	Hộp để pin 9V có nắp và công tắc ON/OFF	Chất liệu: Nhựa ABS. Màu sắc: Đen. Màu dây: Đỏ (Dương), Đen (âm). Tương thích Pin: 9V 6F22. Có Đầu Ra Điện Jack DC 5.5x2.1mm, dây để Pin 9V
878	Dụng cụ cầm tay thứ ba Đế kẹp để bàn có thể điều chỉnh 4 cánh tay linh hoạt	Chất liệu: hợp kim nhôm; Màu đen Kẹp để, 4 Cánh tay linh hoạt; 4 Kẹp cá sấu: Kẹp có thể xoay 360 độ. Kích thước: Chiều dài cánh tay: 245mm / 9,65 inch Kích thước gói: 28x10x7CM / 11.02x3.94x2.76 inch Gói bao gồm: Kẹp cơ sở 1 mảnh Kẹp cá sấu 4 mảnh Cánh tay khớp đa năng 4 mảnh

879	Máy nén khí 100 lít Áp 8	Hiệu suất làm việc Dung tích bình: 12 lít, 25 lít, 50 lít, 60 lít Lưu lượng khí: 100 lít/phút Áp lực: 8 bar Tốc độ vòng quay: 1.400 vòng/phút Kích thước & Lắp đặt Nguồn điện áp: 220V Trọng lượng sản phẩm: 15kg
880	Sàng 0,2mm	Đường kính 200mm
881	Ổng hình chữ U có đường kính 3 cm	Ổng hình chữ U làm bằng thủy tinh, kích thước đường kính 3cm mm, chiều cao 10 cm
882	Điện cực đồng	Điện cực bằng đồng, đường kính 8mm, dài 8cm
883	Điện cực than chì	Điện cực than chì, đường kính 8mm, dài 8cm
884	Chén nung	Chén sứ thể tích 200ml
885	Pipet thủy tinh 0,1 ml	0,1 ml
886	Pipet thủy tinh 0,5 ml	0,5 ml
887	Pipet thủy tinh 1 ml	1 ml
888	Pipet thủy tinh 5 ml	5 ml
889	Pipet thủy tinh 10 ml	10 ml
890	Pipet thủy tinh 25 ml	25 ml
891	Phễu thủy tinh 60 ml	60 ml
892	Phễu thủy tinh 75 ml	75 ml
893	Phễu thủy tinh 100 ml	100 ml
894	Phễu thủy tinh 120 ml	120 ml
895	Phễu chiết tinh dầu (phễu lắng gạn quả lê)	Khoá nhựa 250 ml
896	Phễu chiết tinh dầu (phễu lắng gạn quả lê)	Khoá nhựa 500 ml
897	Bóng đá tiêu chuẩn thi đấu	Chu vi bóng: 68-70Cm Trọng lượng: 410-450g. Áp suất: 0,6 – 1,1 bar Kích thước: Size 5 Chất liệu: PU hoặc da tổng hợp cao cấp Cấu tạo: 32 miếng ghép

898	Bóng chuyền tiêu chuẩn thi đấu	Chu vi bóng: 65-67Cm . Trọng lượng: 260-280g. Áp suất: 0,30 – 0,325 kg/cm ² Chất liệu: da tổng hợp Cấu trúc: ruột cao su + lớp vải gia cường nhiều lớp
899	Quả cầu lông	Lông: 16 lông vũ dài 62-70mm. Đế cầu có đường kính từ 25mm-28mm. Quả cầu từ 4,74g-5,50g.
900	Vợt cầu lông (Cán liền)	Vợt dài: 665-680cm. Trọng lượng vợt 80-90g
901	Lưới cầu lông	Chiều rộng: 76 cm. Chiều ngang: 6,7m
902	Bóng rổ tiêu chuẩn thi đấu B7000	Chu vi bóng: 74,9-78cm. Trọng lượng: 567-650g.
903	Lưới bóng chuyền da	Lưới dài 10m. Rộng 1m
904	Bóng chuyền hơi tiêu chuẩn thi đấu	Chu vi bóng: 80-83cm. Trọng lượng: 200-250g. Áp suất bơm: 0,30 – 0,325 kg/cm ² Chất liệu: da mềm hoặc da tổng hợp, ruột cao su
905	Bảng lật số bóng chuyền	Chất liệu: Nhựa tổng hợp. Kích thước 49 x 24cm. Hiển thị số 2 mặt
906	Lưới bóng đá	Kích thước 7,32 x 2,44 x 1,5 m.
907	Lưới bóng chuyền hơi	Lưới dài 7m. Rộng 1m
908	Vợt Pickleball	Nặng 190 - 300g, dài 43cm
909	Bộ cột lưới Pickleball	Dài 6,7m. Rộng 91cm
910	Bóng tập luyện Pickleball	Chất liệu: Nhựa tổng hợp. Đường kính 74-76mm. Trọng lượng 22 - 26g. Có 40 lỗ nhỏ
911	Quần áo suvec GV GDTC	Loại vải: Vải gió, vải lý. Kích thước: nhiều size. Kiểu dáng thể thao
912	Áo phông cộc tay GV GDTC	Loại vải: cotton. Kích thước: nhiều size. Kiểu dáng thể thao
913	Giày thể thao GV GDTC	Chất liệu: da kết hợp với vải. Kích thước: nhiều size. Kiểu dáng thể thao. Đế cao su đúc
914	Tất thể thao GV GDTC	Chất liệu: len sợi. Màu sắc: thể thao
915	Giấy in A4	Kích thước: 210x297 mm; Định lượng: 70gsm; độ trắng 90; Quy cách: 500 tờ/gram
916	Bìa màu đóng sổ	Kích thước: 210x297 mm; Định lượng: 160gsm; xanh biển; Quy cách: 100 tờ/gram

917	Ghim cài màu	Kích thước: 29mm; Quy cách: 100 cái/hộp
918	Dập ghim số 10 plus thân trong	Kích thước: 9.5x3.7x2.5 cm; Thép chống gỉ
919	Ghim bấm số 10 Plus	Kích thước: 4.7x8.5mm; Thép mạ điện
920	Túi cúc - Clear bag	Kích thước: 330x240 mm; Nhựa PP, Quy cách: 20 viên/tập
921	Bút gel bấm màu xanh	Kích thước đầu bi: 0.5 mm; Quy cách: 12 cây/hộp; Màu sắc: xanh
922	Bút gel bấm màu đỏ	Kích thước đầu bi: 0.5 mm; Quy cách: 12 cây/hộp; Màu sắc: đỏ
923	Kéo văn phòng	Kích thước kéo: 178x63 mm; Thép không gỉ
924	Ô cắm điện 8 lỗ châu đa năng dài 3m	Số ổ cắm: 08 ổ đa năng Chiều dài dây dẫn (m) \geq 3m Tiết diện dây dẫn (mm): 3x0.75mm Số lõi dây: 03 Lõi Công suất: \geq 2200W Dòng điện: \geq 10A/220V
925	Dây câu mạch 1 lõi đồng	Dây nhiều sợi, nhiều màu
926	Cảm biến nhiệt NTC	MF58 3950B 10Kohm 5%
927	Điện trở nhiệt PTC	Đường kính thành phẩm: 15.5-16.0 mm Kích thước khuôn: 16mm Khoảng cách chân: 7.5 ± 0.5 mm Chiều dài chân (cắt): 5mm Điện trở: 70-130 ohm
928	Điện trở 100 ôm 1/4W	Điện trở 5 vạch màu Công suất: 1/4W; Sai số 1%. Nhiệt độ hoạt động: -55°C - 155°C Linh kiện xuyên lỗ: 0.5mm
929	Điện trở 220 ôm 1/4W	Điện trở 5 vạch màu Công suất: 1/4W; Sai số 1%. Nhiệt độ hoạt động: -55°C - 155°C Linh kiện xuyên lỗ: 0.5mm
930	Điện trở 330 ôm 1/4W	Điện trở 5 vạch màu Công suất: 1/4W; Sai số 1%. Nhiệt độ hoạt động: -55°C - 155°C Linh kiện xuyên lỗ: 0.5mm

931	Điện trở 470 ôm 1/4W	Điện trở 5 vạch màu Công suất: 1/4W; Sai số 1%. Nhiệt độ hoạt động: -55°C - 155°C Linh kiện xuyên lỗ: 0.5mm
932	Điện trở 1K ôm 1/4W	Điện trở 5 vạch màu Công suất: 1/4W; Sai số 1%. Nhiệt độ hoạt động: -55°C - 155°C Linh kiện xuyên lỗ: 0.5mm
933	Điện trở 100K ôm 1/4W	Điện trở 5 vạch màu Công suất: 1/4W; Sai số 1%. Nhiệt độ hoạt động: -55°C - 155°C Linh kiện xuyên lỗ: 0.5mm
934	Điện trở 2.2K ôm 1/4W	Điện trở 5 vạch màu Công suất: 1/4W; Sai số 1%. Nhiệt độ hoạt động: -55°C - 155°C Linh kiện xuyên lỗ: 0.5mm
935	Điện trở 3.3K ôm 1/4W	Điện trở 5 vạch màu Công suất: 1/4W; Sai số 1%. Nhiệt độ hoạt động: -55°C - 155°C Linh kiện xuyên lỗ: 0.5mm
936	Điện trở 4.7K ôm 1/4W	Điện trở 5 vạch màu Công suất: 1/4W; Sai số 1%. Nhiệt độ hoạt động: -55°C - 155°C Linh kiện xuyên lỗ: 0.5mm
937	Điện trở 22K ôm 1/4W	Điện trở 5 vạch màu Công suất: 1/4W; Sai số 1%. Nhiệt độ hoạt động: -55°C - 155°C Linh kiện xuyên lỗ: 0.5mm
938	Điện trở 33K ôm 1/4W	Điện trở 5 vạch màu Công suất: 1/4W; Sai số 1%. Nhiệt độ hoạt động: -55°C - 155°C Linh kiện xuyên lỗ: 0.5mm
939	Điện trở 47K ôm 1/4W	Điện trở 5 vạch màu Công suất: 1/4W; Sai số 1%. Nhiệt độ hoạt động: -55°C - 155°C Linh kiện xuyên lỗ: 0.5mm
940	Điện trở 1.5K ôm 1/4W	Điện trở 5 vạch màu Công suất: 1/4W; Sai số 1%. Nhiệt độ hoạt động: -55°C - 155°C Linh kiện xuyên lỗ: 0.5mm
941	Điện trở 68K ôm 1/4W	Điện trở 5 vạch màu Công suất: 1/4W; Sai số 1%. Nhiệt độ hoạt động: -55°C - 155°C Linh kiện xuyên lỗ: 0.5mm

942	Bột sắt FeCl ₃ ăn mòn mạch	Dạng tồn tại: Dạng bột hoặc cục nhỏ Màu sắc: Nâu đỏ hoặc vàng nâu Tính chất khi pha: Tỏa nhiệt mạnh khi tiếp xúc với nước
943	Tụ hóa 1μF	Điện áp: 50V Tên gọi: Tụ hóa. Loại tụ: Phân cực
944	Tụ hóa 10μF	Điện áp: 50V Tên gọi: Tụ hóa. Loại tụ: Phân cực
945	Tụ hóa 47μF	Điện áp: 50V Tên gọi: Tụ hóa. Loại tụ: Phân cực
946	Tụ hóa 220μF	Điện áp: 50V Tên gọi: Tụ hóa. Loại tụ: Phân cực
947	Tụ hóa 470μF/50V	Điện áp: 50V Tên gọi: Tụ hóa. Loại tụ: Phân cực
948	Tụ hóa 1000μF	Điện áp: 50V Tên gọi: Tụ hóa. Loại tụ: Phân cực
949	Băng dính cách điện	Kích thước: 20yds x 18mm x 0.13mm Màu đen
950	Pin vuông 9V	Loại 9V, chuyên dùng với điện áp ổn định và không chứa chất độc hại, Hộp 10 viên
951	Giấy in mạch A4 (loại màu trắng)	Màu trắng Khổ A4
952	IC 7812	Dải điện áp hoạt động: 2-6V Đầu ra TTL. Nhiệt độ hoạt động: 0°C đến 75°C. Kiểu chân: xuyên lỗ (DIP)
953	IC 7912	Dải điện áp hoạt động: 2-6V Đầu ra TTL. Nhiệt độ hoạt động: 0°C đến 75°C. Kiểu chân: xuyên lỗ (DIP)
954	Biến trở đơn 100K	Đường kính trục: 6mm Sai số: 10% Công suất: 2W Loại: Đơn, 3 chân Loại điều chỉnh: tuyến tính

955	Biến trở đơn 50K	Đường kính trục: 6mm Sai số: 10% Công suất: 2W Loại: Đơn, 3 chân Loại điều chỉnh: tuyến tính
956	Kìm cắt chân linh kiện Plato	Kích thước: 5 inch = 125 mm Đường kính cắt tối đa: 10 mm Lưỡi kìm cắt được làm từ thép Thép 60HRC Cần kìm được bọc nhựa Chiều dài cán kìm: 100 mm Trọng lượng: 20 gram
957	Panh kẹp 110mm	Chất liệu: Thép không gỉ (Inox) chất lượng cao Tổng chiều dài \geq 110-120mm Chiều cao: 9.1mm Độ cứng: HRC 40-45 Điện trở bề mặt: 106 Ω - 108 Ω Mũi nhíp nhọn thẳng
958	Kẹp mạch điện tử	Chất liệu: Đệm: ABS, Khung: thép Kẹp tối đa: 200 x 140 mm Độ dày board: 1.2/1.8/2.0/3.0 mm Kích thước: 300 x 165 x 125 mm Trọng lượng: khoảng 450 g
959	Sensor hàn 907 (ruột mỏ hàn) cho hàn nhiệt cầm tay	Chiều dài 75mm x Đường kính 5mm Trọng lượng: 4.5g Điện áp: 220V Công suất: 60W
960	Đầu mỏ hàn nhiệt	Chất liệu: Đồng nguyên chất mạ sắt, niken và crom Công suất: 60W Phạm vi điều chỉnh nhiệt độ: 100-600 °C Đường kính: 5,4mm
961	Diode 1N4007	Chân cắm DO-41 Điện áp làm việc: 50 – 1000V Dòng điện giới hạn: $I_{max} = 1A$

962	Transistor C1815	Loại transistor: NPN Dòng điện cực đại: $I_c = 150\text{mA}$ Công suất cực đại: $P_c = 400\text{mW}$ Điện áp cực đại Transistor : $U_{ce0} = 50\text{V}$ $U_{cb0} = 60\text{V}$ $U_{eb0} = 5\text{V}$ Hệ số khuếch đại(hfe): 70-700 Tần số cắt: $F_t > 80\text{MHz}$ Kiểu chân: xuyên lỗ (DIP)
963	Transistor A1013	Loại transistor: PNP Dòng điện cực đại transistor: $I_c = -1\text{A}$ Công suất cực đại: $P_c = 900\text{mW}$ Điện áp cực đại: $U_{ce0} = -160\text{V}$ $U_{cb0} = -160\text{V}$ $U_{eb0} = -6\text{V}$ Hệ số khuếch đại(hfe): 60-200 Tần số cắt(F_t): $> 15\text{MHz}$ Kiểu chân: xuyên lỗ (DIP)
964	Transistor D468	Loại - NPN Điện áp cực góp - cực phát: 20 V Điện áp cực góp - cực gốc: 25 V Điện áp cực phát - cực gốc: 5 V Dòng điện cực góp: 1 A Tiêu tán cực góp - 0,9 W Độ lợi dòng điện DC (hfe) - 85 đến 240 Tần số chuyển tiếp - 190 MHz Phạm vi nhiệt độ vận hành và lưu trữ -55 đến +150 ° C Đóng gói - TO-92MOD
965	Transistor B562	Loại: PNP Điện áp cực góp cực phát: -20 V Điện áp cực góp cực gốc: -25 V Điện áp cực phát cực gốc: -5 V Dòng điện cực góp: -1 A Công suất tiêu thụ cực góp: 0,9 W Độ lợi dòng điện DC (hfe): 85 đến 240 Tần số chuyển đổi: 350 MHz Phạm vi nhiệt độ vận hành và lưu trữ: -55 đến +150 ° C Đóng gói: TO-92MOD

966	Transistor TIP41C	<p>Loại NPN Điện áp Collector-Emitter: 100 V Điện áp Collector-Base: 100 V Điện áp Emitter-Base: 5 V Dòng Collector: 6 A Công suất tiêu tán Collector - 65 W Mức tăng dòng DC (hfe) - 15 đến 75 Tần số chuyển đổi - 3 MHz Nhiệt độ vận hành và lưu trữ từ -65 đến +150 ° C Gói - TO-220</p>
967	Transistor TIP42C	<p>Loại PNP Điện áp cực góp - cực nền (Vcb): 100V (một số phiên bản lên đến 140V) Điện áp cực góp - cực phát (Vce): 100V Điện áp cực nền - cực phát (Vbe): 5V Dòng cực góp (Ic): 6A (tối đa) Công suất tiêu thụ cực đại (Pc): 65W Hệ số khuếch đại dòng điện (hFE): 15 - 75 Tần số chuyển đổi: 3MHz Nhiệt độ hoạt động: -65°C đến 150°C Kiểu đóng gói: TO-220</p>
968	IC 7905	<p>Điện áp hoạt động 16- 35V Điện áp ngõ ra -5V Dòng điện ra tối đa 1.5V Số chân 3 Kiểu chân TO220 Nhiệt độ hoạt động -40 to 125</p>
969	IC 7805	<p>Điện áp hoạt động 16- 35V Điện áp ngõ ra 5V Dòng điện ra tối đa 1.5V Số chân 3 Kiểu chân TO220 Nhiệt độ hoạt động -40 to 125</p>
970	NE 555	<p>Điện áp đầu vào: 4.5-16V Dòng điện cung cấp: 10mA - 15mA Công suất lớn nhất là: 600mW Nhiệt độ hoạt động: 0 - 70oC Kiểu chân: 8 chân, xuyên lỗ(DIP)</p>
971	Phô tô diot quang	Diode Cảm biến quang Photodiode 5mm
972	TDA 2040	<p>Điện áp: 3- 32 VDC Công suất đầu ra: 20-30W Nhiệt độ hoạt động: -40 - 150 độ C</p>

973	Động cơ điện một chiều	Điện áp làm việc: 12VDC Trục: 2.3mm
974	Pin 6V	Điện áp làm việc 6V 4LR44
975	Lạt nhựa 3x200mm	Túi 500 dây, dài 20cm
976	Bó dây kẹp cá sấu 10 dây	Loại linh kiện: Kẹp cá sấu Kích thước đầu kẹp: 28mm Chiều dài dây: 50cm
977	Bó dây cắm mạch trên breadboard	40 sợi đực-đực 2P 2.54mm dài 20cm
978	Màn hình HMI 6AV2123-2GB03-0AX0 – Màn hình HMI Basic KTP 700 7	Điện áp nguồn cấp: 24VDC Kích thước màn hình: 7inch Độ phân giải màn hình: 800×480 pixel Màu sắc màn hình: 65536 màu Bộ nhớ trong: 10 MB Loại phím bấm: Không Loại màn hình: Màn hình LED màu TFT Đèn nền: LED Kiểu cảm ứng: Cảm ứng điện trở (Resistive) Chuẩn kết nối vật lý: 1 x Ethernet, 1 x USB interface Giao thức truyền thông: EtherNet/IP, PROFINET Cổng giao tiếp vật lý: 1 x RJ45, 1 x USB 2.0 Phần mềm kết nối: STEP 7 Basic (TIA Portal), STEP 7 Professional (TIA Portal), WinCC Advanced (TIA Portal), WinCC Basic (TIA Portal), WinCC Comfort (TIA Portal), WinCC Professional (TIA Portal)
979	Thước cặp điện tử 0-150mm	Dải đo từ: 0-150mm, Độ chia nhỏ nhất là: 0.01mm Độ chính xác: 0.02mm
980	Máy đo tốc độ gió, lưu lượng không khí	Áp suất: 0 – 5000 Pa; Vận tốc gió: 1 – 80 m/s; Lưu lượng: 0 – 99.999 CFM; Sai số vận tốc: ±3 %
981	Cảm biến nhiệt độ -55-150°C	khoảng đo:-55-150°C, PTC,1000 Ohm
982	Hộp xịt bảo dưỡng lốp xe 400ml	Dung tích: 400ml Loại: Dung dịch bảo dưỡng lốp xe Tính năng: Làm bóng lốp, chống nứt, lão hóa cao su, kháng nước, bụi bẩn

983	Nước rửa kính lái ô tô đậm đặc 250ml	Dung tích: $\geq 250\text{ml}$ Gốc: Dung dịch rửa gạt kính Đặc điểm: Không ăn mòn cao su, không để lại vết
984	Thanh gạt mưa không xương 24 inch	Loại gạt mưa: Gạt mưa không xương (Flat/Beam Blade) Kích thước: 24 inch (600mm) Quy cách: 1 thanh Vị trí lắp: Kính lái trước Chất liệu lưỡi gạt: Cao su Power Protection Plus Khung gạt: Thanh thép Evodium đàn hồi Thiết kế : Khí động học Aero Wiper Loại chân cài Multi-clip đa chuẩn
985	Thanh gạt mưa không xương 14 inch	Loại gạt mưa: Gạt mưa không xương (Flat/Beam Blade) Kích thước: 14 inch (350mm) Quy cách: 1 thanh Vị trí lắp: Kính lái trước Chất liệu lưỡi gạt: Cao su Power Protection Plus Khung gạt: Thanh thép Evodium đàn hồi Thiết kế : Khí động học Aero Wiper Loại chân cài Multi-clip đa chuẩn
986	Đầu cốt 6.3mm bằng đồng có lẫy DJ6246-6.3B	Kích thước: L19.6mmxW7.6mmxH3.3mm; Đóng gói: túi 100 cái
987	Dây điện đôi mềm 2x0.75mm ²	Quy cách: Cu/Pvc/Pvc Ruột dẫn: Đồng 99,99%. Kết cấu: Nhiều sợi bện Điện áp danh định: 300/500V Chiều dài đóng gói: 100m;
988	Công tắc điều chỉnh tốc độ quạt gió điều hoà ô tô	Công tắc 5 chân 4 vị trí ngang
989	Lạt nhựa 5x300mm	Kích thước: 5x300mm Màu sắc: Trắng Chất liệu: Nhựa PA (Nylon 66) Nhiệt độ làm việc: -40°C đến +85°C Lực kéo đứt: ~18–22 kg Đóng gói: 500 cái/túi

990	Còi sên 12v-4.5A 110db	Điện áp: 12V DC Dòng tiêu thụ: 4.5A Độ ồn: 110 dB Loại: Còi sên (còi đĩa) Tần số âm: ~400–500 Hz (tùy loại cao/thấp) Chất liệu: Kim loại sơn tĩnh điện
991	Bóng đèn phanh ô tô (Hộp gồm 10 bóng)	Điện áp: 12V, 2 sợi đốt Công suất mỗi sợi: 5W + 21W
992	Cầu chì ô tô 10A, 15A, 20A (hộp 10 cái)	Cầu chì mini 2 chân cắm Hộp 10 cái
993	Dây điện đôi mềm 2x2.5mm ²	Quy cách: Cu/Pvc/Pvc Ruột dẫn: Đồng 99,99%. Số lõi: 2; Số sợi đồng: 50 sợi, mỗi sợi đường kính 0,25mm Kết cấu: Nhiều sợi bện Điện áp danh định: 300/500V Vật liệu cách điện/Vỏ: PVC (Polyvinyl Chloride) chất lượng cao, cách điện, bền bỉ Chiều dài đóng gói: 100m;
994	Băng keo hai mặt cường lực 1cm x 33m, trong suốt	Băng keo 2 mặt Kích thước cuộn: bản rộng 1cm x độ dài cuộn 33m; Độ dày từ 1 - 1,1mm; Màu: Trắng trong suốt
995	Băng keo hai mặt cường lực 2cm x 33m, trong suốt	Băng keo 2 mặt Kích thước cuộn: bản rộng 2cm x độ dài cuộn 33m; Độ dày từ 1 - 1,1mm; Màu: Trắng trong suốt
996	Dung dịch tẩy keo và nhựa đường	Dạng định hình: Bình xịt Sol khí (Aerosol Can) Trọng lượng tịnh 15 Oz (Net Wt) tương đương 425 gram Thể tích chất lỏng Khoảng 444 mL Thành phần chính Hỗn hợp dung môi đặc biệt (Hydrocarbon)
997	Lọc gió điều hòa	Lọc gió điều hòa sinh học, Lọc được bụi siêu nhỏ, có khả năng hấp phụ mùi hôi và chống vi khuẩn xâm nhập Kích thước: 179x177x19mm; 130g

998	Lọc dầu nhớt	Lọc dầu nhớt động cơ ô tô loại bỏ cặn bẩn, hạt kim loại và cặn cacbon trong dầu động cơ, giúp dầu luôn sạch để bôi trơn các chi tiết máy tối ưu, duy trì hiệu suất và nâng cao tuổi thọ động cơ Loại bộ lọc: Lọc vặn răng Kích thước ren: M20 x 1.5
999	Nước rửa kính lái ô tô đậm đặc	Dung tích: $\geq 250\text{ml}$ Góc: Dung dịch rửa gạt kính Đặc điểm: Không ăn mòn cao su, không để lại vết
1000	Đầu cốt 6.3mm bằng đồng có lẫy	Kích thước: L19.6mmxW7.6mmxH3.3mm; Đóng gói: túi 100 cái
1001	Lọc dầu bôi trơn động cơ	Đường kính ngoài ron: 65mm Đường kính ngoài: 72mm Chiều cao: 88mm
1002	Hộp xịt bảo dưỡng lốp xe	Dung tích: 400ml Loại: Dung dịch loãng bảo dưỡng lốp xe, khô 20 phút sau xịt Tính năng: Làm bóng lốp, chống nứt, lão hóa cao su, kháng nước, bụi bẩn
1003	Nước rửa tay 450g	Dòng sản phẩm: Bạc bảo vệ (Silver Protection) Khối lượng tịnh: 450g Dạng: Gel / lỏng Thành phần chính: Chất hoạt động bề mặt, ion bạc kháng khuẩn
1004	Dầu phanh DOT4	Tiêu chuẩn: DOT 4 Điểm sôi khô: $\geq 230^{\circ}\text{C}$ Điểm sôi ướt: $\geq 155^{\circ}\text{C}$ Thành phần: Glycol Ether Tính năng: Chống ăn mòn hệ thống phanh, ổn định nhiệt tốt Hộp 500ml
1005	Pin 1,5V AAA Evolta Premium Alkaline	Pin 1,5V AAA hiệu suất ổn định và công nghệ chống rò rỉ
1006	Giấy in A4	Kích thước: 21x29.7cm; Định lượng: 70gsm; độ trắng 90; Quy cách: 500 tờ/ream

1007	Dây điện đôi mềm 2x2.5mm ²	Quy cách: Cu/Pvc/Pvc Ruột dẫn: Đồng 99,99%. Số lõi: 2; Số sợi đồng: 50 sợi, mỗi sợi đường kính 0,25mm Kết cấu: Nhiều sợi bện Điện áp danh định: 300/500V Vật liệu cách điện/Vỏ: PVC (Polyvinyl Chloride) chất lượng cao, cách điện, bền bỉ Chiều dài đóng gói: 100m;
1008	Thanh gạt mưa 3 khúc 14 inch	Loại: Gạt mưa 3 khúc (conventional frame) Chiều dài: 14 inch (~355mm) Chất liệu lưỡi: Cao su phủ graphite Khung: Thép sơn tĩnh điện
1009	Thanh gạt mưa 3 khúc 24 inch	Loại: Gạt mưa 3 khúc (conventional frame) Chiều dài: 24 inch (~610mm) Chất liệu lưỡi: Cao su phủ graphite Khung: Thép sơn tĩnh điện
1010	Công tắc điều chỉnh tốc độ quạt gió điều hoà ô tô	Công tắc 5 chân 4 vị trí dọc
1011	Pin sắt 3.2V 15Ah	Lithium 32140 Điện thế danh định: 3.2v Điện thế sạc đầy: 3.65v Điện thế xả cạn: 2.5V Nội trở: 1 - 2 mOhm Dung lượng: 15Ah (15.000mAh) Dòng xả liên tục: 45A(3C) Dòng xả đỉnh tức thời: 75A (5C) Kích thước (RxD): 32x140mm Trọng lượng: 296gr
1012	Mỡ bôi trơn dạng xịt bôi trơn chịu nhiệt	Dung môi: Không chứa silicon, VOC thấp Dải nhiệt độ: -20°C đến +200°C Dạng: Xịt áp suất cao Dung tích: 500ml
1013	Mỡ bôi trơn Brake Lube, Silicone Paste	Loại: Mỡ bôi trơn silicone chịu nhiệt Dạng: Silicone Paste Nhiệt độ làm việc: -40°C đến ~250°C Tính năng: Chịu nhiệt cao, chống nước, chống oxy hóa Không làm hư cao su, nhựa Lọ 255g

1014	Đầu Cos dành cho ô tô xe máy 2.8mm	Kích cỡ 2.8mm loại giắc Cái
1015	Đầu Cos dành cho ô tô xe máy 1.5mm	Kích cỡ 1,5mm loại giắc Cái
1016	Kìm tuốt dây điện đa năng	Phạm vi sử dụng 0,2-6mm
1017	Bộ hộp cầu chì ô tô	100 Cầu chì tiêu chuẩn 2A 3A 5A 7.5A 10A 15A 20A 25A 30A 35A
1018	Bộ ống co nhiệt cách điện màu đen	2mm, 3mm, 4mm, 5mm, 6mm, 8mm, 10mm, 12mm, 14mm, 20mm (Mỗi loại 1M)
1019	Lọc gió điều hòa than hoạt tính	Lọc gió điều hòa tích hợp lớp than hoạt tính và màng lọc đặc biệt giúp loại bỏ đến 99% bụi mịn PM2.5, khử mùi, trung hòa khí độc, kháng khuẩn và chống dị ứng Kích thước: 232x219x33mm
1020	Lọc dầu bôi trơn động cơ	Đường kính lỗ bù lon: 18.5 mm Đường kính trong ron: 56 mm Đường kính ngoài ron: 64 mm Đường kính ngoài: 72 mm Chiều cao: 77 mm
1021	Lọc gió động cơ	Độ dài: 271 mm Độ rộng: 180 mm Độ dày: 42 mm
1022	Nước rửa tay 750ml	Thành phần chính: Nước, Sodium Linear Alkylbenzene Sulfonate, Sodium Laureth Sulfate, Magnesium Sulfate, Chiết xuất chanh, Trà trắng (tùy dòng), Chất thơm, Benzisothiazolinone. Hương chanh/trà xanh tươi mát, dịu nhẹ cho da, khử mùi tanh.
1023	Dầu động cơ 5W-30 (Can 4 lít)	Loại nhớt: Tổng hợp toàn phần Tiêu chuẩn API: Đạt và vượt tiêu chuẩn API SN hoặc cao hơn Tiêu chuẩn ACEA: Đạt tối thiểu ACEA A5/B5 Cấp Độ nhớt: 5W-30 theo tiêu chuẩn SAE. Bảo vệ động cơ: Công nghệ Dualock giúp giảm mài mòn động cơ lên đến 50% Quy cách: 4 lít/can

1024	Hộp mực cho máy in Canon 223DW/ 226DW - Cartridge 057	Hộp mực (Cartridge) 057/76A (F276A) sử dụng cho các dòng máy in Canon LBP 223DW, 226DW, 236DW, ... Số lượng trang in: 3.100 trang (độ phủ 5%).
1025	Giá tài liệu nhựa cứng 3 ngăn	Giá tài liệu nhựa cứng 3 ngăn
1026	Bìa đóng sổ A4 xanh lá	Kích thước: 210 x 297mm; Định lượng 160gsm Số lượng 100tờ/tập (ram)
1027	Túi cúc - Clear bag	Bìa nút A4
1028	Dầu nhớt ô tô tổng hợp toàn phần 5W-30 API SP (Can 4 lít)	Loại nhớt: Tổng hợp toàn phần Tiêu chuẩn API: Đạt và vượt tiêu chuẩn API SN hoặc cao hơn Tiêu chuẩn ACEA: Đạt tối thiểu ACEA A5/B5 Cấp Độ nhớt: 5W-30 theo tiêu chuẩn SAE. Bảo vệ động cơ: Công nghệ Dualock giúp giảm mài mòn động cơ lên đến 50% Quy cách: 4 lít/can
1029	Dung dịch vệ sinh hệ thống bôi trơn và bảo dưỡng động cơ 250ml	Dung dịch vệ sinh hệ thống, bôi trơn dung tích: 250ml
1030	Dung dịch hoạt tính làm sạch buồng đốt động cơ xăng 250ml	Dạng: Chất lỏng Màu sắc: Vàng nhạt Mùi: Đặc trưng Điểm chớp cháy: > 61°C Nhiệt độ tự cháy : > 200°C Tỷ trọng: 0.95 – 1.05 g/cm ³ Khả năng tan trong nước: Không tan
1031	Dung dịch vệ sinh kết nước làm mát động cơ 300ml	Dung dịch vệ sinh chuyên dụng dùng để súc rửa cặn bẩn, rỉ sét và mảng bám tích tụ bên trong hệ thống tản nhiệt Dung tích 300ml
1032	Dung dịch vệ sinh hệ thống nhiên liệu xăng 250ml	Dung tích: 250ml Loại: Phụ gia làm sạch hệ thống nhiên liệu xăng Tính năng: Làm sạch kim phun, buồng đốt Giảm tiêu hao nhiên liệu Cải thiện hiệu suất động cơ Cách sử dụng: Đổ trực tiếp vào bình xăng

1033	Dung dịch bảo vệ động cơ xăng 250ml	Dung tích: 250ml Loại: Phụ gia bảo vệ động cơ Công nghệ: Nano chống ma sát Tính năng: Giảm mài mòn, tăng tuổi thọ động cơ, giảm tiếng ồn
1034	Dung dịch vệ sinh dàn lạnh điều hòa không khí ô tô 250ml	Dung dịch vệ sinh dàn lạnh điều hòa dung tích: 250ml
1035	Mỡ bôi nước dạng xịt bôi trơn chịu nhiệt 500ml	Dung môi: Không chứa silicon, VOC thấp Dải nhiệt độ: -20°C đến +200°C Dạng: Xịt áp suất cao Dung tích: 500ml
1036	Chai xịt vệ sinh bộ thắng đĩa phanh, tẩy dầu mỡ	Dung dịch chuyên dụng tẩy rửa cặn dầu, mỡ bôi trơn, bụi phanh và cặn bẩn công nghiệp. Dung tích: 500ml
1037	Nước rửa tay (can 4 lít)	Thành phần chính: Nước, Sodium Linear Alkylbenzene Sulfonate, Sodium Laureth Sulfate, Magnesium Sulfate, Chiết xuất chanh, Trà trắng (tùy dòng), Chất thơm, Benzisothiazolinone. Hương chanh/trà xanh tươi mát, dịu nhẹ cho da, khử mùi tanh.
1038	Găng tay chống dầu	Loại sản phẩm: Găng tay bảo hộ lao động Chất liệu lớp lót: Polyester 13 gauge Lớp phủ lòng bàn tay: Nitrile màu đen Kiểu thiết kế: Găng tay liền mạch Đặc tính: Không silicone, không latex Màu sắc: Đen
1039	Dây điện đơn mềm 1x1.5mm ²	Quy cách: Cu/Pvc Ruột dẫn: Đồng 99,99%. Số lõi: 1; Số sợi đồng: 30 sợi, mỗi sợi đường kính 0.24 Kết cấu: Nhiều sợi bện Mặt cắt danh định: 1x1.5mm ² Điện áp danh định: 300/500V Chiều dài đóng gói: 100m; Màu sắc: Đỏ

1040	Dây điện đơn mềm 1x1.5mm ²	Quy cách: Cu/Pvc Ruột dẫn: Đồng 99,99%. Số lõi: 1; Số sợi đồng: 30 sợi, mỗi sợi đường kính 0.24 Kết cấu: Nhiều sợi bện Mặt cắt danh định: 1×1.5mm ² Điện áp danh định: 300/500V Chiều dài đóng gói: 100m; Màu sắc: Xanh
1041	Dây điện đơn mềm 1x1.5mm ²	Quy cách: Cu/Pvc Ruột dẫn: Đồng 99,99%. Số lõi: 1; Số sợi đồng: 30 sợi, mỗi sợi đường kính 0.24 Kết cấu: Nhiều sợi bện Mặt cắt danh định: 1×1.5mm ² Điện áp danh định: 300/500V Chiều dài đóng gói: 100m; Màu sắc: Vàng
1042	Hộp xịt bảo dưỡng lốp xe	Dung tích: 400ml Loại: Dung dịch đậm đặc bảo dưỡng lốp xe, khô 5 phút sau xịt Tính năng: Làm bóng lốp, chống nứt, lão hóa cao su, kháng nước, bụi bẩn
1043	Băng dính cách điện	Kích thước: 20yds x 18mm x 0.13mm Màu trắng
1044	Băng dính giấy 5cm	Băng dính thường loại rộng 5cm
1045	Băng dính 2 mặt	Băng dính trong suốt 2 mặt cường lực, độ rộng 20mm, độ dày 0,15mm, chiều dài 50m
1046	Đèn Led soi gầm ô tô 60 bóng	Đèn LED soi sửa chữa động cơ 60 bóng
1047	Bộ hộp cầu chì ô tô dự phòng chân nhỏ	100 Cầu chì tiêu chuẩn 3A 5A 7.5A 10A 15A 20A 25A 30A 35A 40A
1048	Hộp xịt bảo dưỡng lốp xe	Dòng: Xtreme Tyre Gloss Spray Dung tích: 400ml Loại: Dung dịch bảo dưỡng lốp xe Tính năng: Làm bóng lốp, chống nứt, lão hóa cao su, kháng nước, bụi bẩn

1049	Camera wifi không dây 4Mp 2K	<p>Chạm để gọi tới điện thoại và đàm thoại 2 chiều Hình ảnh rõ nét với độ phân giải 2K+ 4MP (2560 × 1440) Ghi hình màu ban đêm thông minh Chế độ xem toàn cảnh, Cài đặt các điểm quay quyết theo lịch trình Không phơi sáng, không điểm mù Phát hiện tiếng ồn lớn không bình thường, xoay 360 độ Phát hiện chuyển động là đáng người Tự động xoay theo đối tượng chuyển động và thu phóng to hình ảnh chuyển động Cảnh báo chuyển động, ghi hình màu khi có chuyển động Hỗ trợ cả 2 bước sóng 2.4Ghz và 5Ghz Chế độ ngủ giúp bảo vệ sự riêng tư Tầm quan sát hồng ngoại 10 mét Chiếm ít băng thông đường truyền mạng internet Chuẩn cắm mới Type-C Nguồn điện DC(5V)-1A Thẻ nhớ 64Gb; độ phân giải 4 Mp</p>
1050	Camera hành trình 70mai M310 Plus 3K	<p>Độ phân giải 3K HD: Hình ảnh siêu sắc nét, chi tiết vượt trội so với các dòng camera tiêu chuẩn. Góc quay 139° & Khẩu độ F1.55: Khẩu độ lớn giúp bao quát toàn cảnh nhiều làn đường, tối ưu ánh sáng</p>
1051	Bộ kích bình ắc quy ô tô Medicar 4 trong 1	<p>Pin 12000mA, Dòng phóng 1000-2000A, 4 chức năng gồm: Kích bình ắc quy, bơm lốp ô tô, chiếu sáng và sạc dự phòng.</p>
1052	Mạch BMS quản lý sạc xả pin lifepo4	<p>Mạch BMS 20S quản lý sạc và xả pin xe điện; dòng xả 100A; cân bằng chủ động 2A; có giao tiếp biến tần.</p>
1053	Còi ngân điện tử 6 giọng	<p>Điện áp hoạt động: 12V DC Loại: Còi điện tử đa âm Số âm thanh: 6 giọng khác nhau Cách hoạt động: Thay đổi âm thanh mỗi lần nhấn nút Công suất tiêu thụ: ~15–30W (ước tính phổ biến) Chất liệu: Nhựa + mạch điện tử</p>

1054	Công tắc lên xuống kính đơn xe Hyundai I10 2020	Loại: Công tắc đơn điều khiển kính cửa Số chân: 5 chân Điện áp hoạt động: 12V DC Vị trí lắp: Cửa phụ Chất liệu: Nhựa ABS + tiếp điểm đồng Tương thích: Hyundai i10 đời 2020
1055	Hệ thống phát hiện điểm mù lắp cho xe ô tô 77GHz - 021	Hệ thống phát hiện điểm mù bằng Radar, sóng Milimet 77Ghz với hỗ trợ chuyển làn ; số lượng Radar = 01 cái; Cảm biến Radar 77GHz 4T4R; Chip Calterah; khoảng cách phát hiện LCA = 50m; BSD = 10m
1056	Găng tay chống dầu	Loại sản phẩm: Găng tay bảo hộ lao động Chất liệu lớp lót: Polyester 13 gauge Lớp phủ lòng bàn tay: Nitrile màu đen Kiểu thiết kế: Găng tay liền mạch Đặc tính: Không silicone, không latex Màu sắc: Đen
1057	Đầu bọp ắc quy (đầu kẹp) bằng đồng	Đầu to - Đầu dương và đầu âm
1058	Đầu cốt đồng phi 4	Chuôi bọp nhựa
1059	Đầu cốt đồng phi 16	Đúc - Mạ kẽm
1060	Lạt nhựa 3x150mm	Kích thước: 3x150mm Màu sắc: Trắng Chất liệu: Nhựa PA (Nylon 66) Đóng gói: 500 cái/túi
1061	Lạt nhựa 3x200mm	Kích thước: 3x200mm Màu sắc: Trắng Chất liệu: Nhựa PA (Nylon 66) Đóng gói: 500 cái/túi
1062	Nước rửa tay (can 4 lít)	Thành phần chính: Nước, Sodium Linear Alkylbenzene Sulfonate, Sodium Laureth Sulfate, Magnesium Sulfate, Chiết xuất chanh, Trà trắng (tùy dòng), Chất thơm, Benzisothiazolinone. Hương chanh/trà xanh tươi mát, dịu nhẹ cho da, khử mùi tanh.
1063	Giấy nhám chà nước P1200	Kích thước: 230 × 280 mm Cấu tạo: 1 mặt giấy + 1 mặt hạt mài silicon carbide (SiC) Độ hạt P1200 Chất liệu hạt mài: Silicon Carbide Màu sắc: xanh hoặc xanh đen

1064	Dầu nhớt ô tô tổng hợp toàn phần 5W-30 API SP	Dầu nhớt Công nghệ tổng hợp Đạt và vượt tiêu chuẩn API SP/CF, ACEA A5/B5 Độ nhớt SAE 5W-30 Quy cách: 4 lít/can
1065	Pin cúc 3V CR2032 Lithium	Điện áp 3V vì 1 viên
1066	Pin cúc 3V CR1620 Lithium	Pin cúc Điện áp 3V vì 1 viên cao cấp
1067	Dây điện đơn mềm 1x1mm ²	Quy cách: Cu/Pvc Ruột dẫn: Đồng 99,99%. Số lõi: 1; Số sợi đồng: 24 sợi, mỗi sợi đường kính 0,20 Kết cấu: Nhiều sợi bện Mặt cắt danh định: 1×1 Điện áp danh định: 300/500V Chiều dài đóng gói: 100m;
1068	Dây điện đơn mềm 1x1.5mm ²	Quy cách: Cu/Pvc Ruột dẫn: Đồng 99,99%. Số lõi: 1; Số sợi đồng: 30 sợi, mỗi sợi đường kính 0.24 Kết cấu: Nhiều sợi bện Mặt cắt danh định: 1×1.5mm ² Điện áp danh định: 300/500V Chiều dài đóng gói: 100m;
1069	Dung dịch súc vòi phun xăng 300ml	Dung dịch súc vòi phun xăng, bóc tách muội than, làm sạch cặn bẩn bám ở đầu kim phun để tia xăng phun tơi súp, giúp động cơ vận hành êm ái và tiết kiệm nhiên liệu dung tích: 300ml
1070	Dung dịch vệ sinh động cơ 250ml	Phụ gia súc rửa, tẩy sạch cặn bẩn, muội than và cặn dầu bám lâu ngày trong lòng động cơ Dung tích: 250ml
1071	Adapter 5V/2A	Điện áp ngõ vào: 100~240VAC, 50/60Hz. Điện áp ngõ ra: 5VDC Dòng điện ngõ ra tối đa: 2A Kiểu nguồn: nguồn xung. Kiểu giắc ngõ ra: Chuẩn Jack DC tròn 5.5*2.1~2.5mm Chiều dài dây dẫn: 150cm

1072	Bàn phím máy tính	Kiểu kết nối: Có dây Chuẩn kết nối: USB Màu sắc: đen Phím chức năng: Standard
1073	Bó dây cắm test board 65 sợi	Chiều dài dây: (100mm 49 chiếc) (150mm 8 chiếc) (200mm 4chiếc) (250mm 4chiếc) Số lượng: 65 dây Loại: 2 đầu đực - đực (male - male) Màu sắc: ngẫu nhiên Loại chân cắm: tròn
1074	Breadboard ZY-204 1660 Lỗ 165x110x10mm	Chất liệu: Vỏ nhựa ABS cao cấp, môi tiếp xúc bằng đồng mạ. Số điểm trên test board: 1660 điểm. Kích thước: 165 x 110 x 10mm
1075	Cáp mạng CAT-5E UTP	Vật liệu: Đồng Đường kính lõi dây dẫn: 23 AWG Chiều dài cáp: 305m
1076	Cáp mạng CAT-6E UTP	Vật liệu: Đồng Đường kính lõi dây dẫn: 23 AWG Chiều dài cáp: 305m
1077	Chiết áp đơn 100K ôm	Đường kính trục: 6mm Sai số: 10% Công suất: 2W Loại: Đơn, 3 chân Loại điều chỉnh: tuyến tính
1078	Chiết áp đơn 50K ôm	Đường kính trục: 6mm Sai số: 10% Công suất: 2W Loại: Đơn, 3 chân Loại điều chỉnh: tuyến tính
1079	Chuột quang máy tính có dây USB	Kết nối USB 2.0 Màu sắc Đen Dạng cảm biến Optical Số nút bấm 3
1080	Cuộn cảm vạch vòng màu 1W-100mH	Trị số điện cảm 100mH Công suất 1W Kiểu đóng gói DIP
1081	Cuộn cảm vạch vòng màu 1W-10mH	Trị số điện cảm 100mH Công suất 1W Kiểu đóng gói DIP
1082	Cuộn cảm vạch vòng màu 1W-1mH	Trị số điện cảm 1mH Công suất 1W Kiểu đóng gói DIP

1083	Dây đo máy hiện sóng Oscilloscope P6020	<p>Đầu kết nối: Chuẩn Jack BNC tiêu chuẩn, bọc nhựa cách điện.</p> <p>Chiều dài dây: Khoảng 110 cm đến 120 cm.</p> <p>Trọng lượng: Khoảng 55g.</p> <p>Môi trường làm việc: Nhiệt độ từ 0°C đến 50°C, độ ẩm ≤ 80% RH.</p> <p>Nút gạt chuyển đổi: Tích hợp ngay trên thân que</p>
1084	Dây đo nhiệt độ NTC 10K	<p>Trị số điện trở: 10 kΩ (tại 25°C)</p> <p>Hệ số B (B-value): 3950K</p> <p>Sai số: ± 1%</p> <p>Dải nhiệt độ hoạt động: -40°C đến 105°C (hoặc lên tới 140°C tùy loại vỏ bọc) Chất liệu đầu dò: Thép không gỉ, chống thấm nước</p>
1085	Dây cáp HDMI 10M	Hỗ trợ 3D, 4K*2K full HD 1080
1086	Diode 1N4007	<p>Điện áp làm việc: 50 – 1000V</p> <p>Dòng điện giới hạn: I_{max} = 1A</p>
1087	Diode 1N4148	<p>Điện áp ngược cực đại: 75V</p> <p>Dòng thuận cực đại: 450mA</p>
1088	Diode Zenner 5.1V	<p>Điện áp: 5V1</p> <p>Công suất: 1/2W</p>
1089	Đầu dò cảm biến nhiệt độ K	<p>Loại cảm biến: Cặp nhiệt điện loại K (Thermocouple Type K)</p> <p>Dải đo nhiệt độ 0°C ~ 800°C</p> <p>Kích thước ren vắn M8 (Đường kính ren 8mm)</p> <p>Chiều dài đầu dò (L) 20mm (Phần kim loại tính từ điểm bắt ren đến đỉnh đầu dò) Đường kính đầu dò (Φ) 5mm</p> <p>Chất liệu đầu dò: Thép không gỉ chống gỉ sét, chịu nhiệt cao</p>
1090	Đầu dò cảm biến nhiệt PTC	<p>Loại cảm biến PTC (Positive Temperature Coefficient)</p> <p>Dải đo nhiệt độ -50 °C đến +150 °C</p> <p>Môi trường đo: Chuyên dùng đo nhiệt độ không khí (Hà khí/Hầm sấy)</p> <p>Chiều dài dây cáp 1.5 mét cố định (Không thể nối dài thêm để đảm bảo độ chính xác)</p>
1091	Đầu dò nhiệt độ PT100	Loại 3 đầu dây, dải đo 0 - 500 độ C

1092	Đầu Jack cắm quả chuối 4mm màu đỏ	Chất liệu: Nhựa + Kim Chiều dài: ~ 40mm Phù hợp với đầu cái 4mm Luồn dây: <4mm Màu đỏ
1093	Đầu Jack cắm quả chuối 4mm màu đen	Chất liệu: Nhựa + Kim Chiều dài: ~ 40mm Phù hợp với đầu cái 4mm Luồn dây: <4mm Màu đen
1094	Điện trở 100 ôm 1/4W	Điện trở 5 vạch màu Công suất: 1/4W; Sai số 1%. Nhiệt độ hoạt động: -55°C - 155°C Linh kiện xuyên lỗ: 0.5mm Đóng gói: 1 túi 500 con
1095	Điện trở 100K 1/4W	Điện trở 5 vạch màu Công suất: 1/4W; Sai số 1%. Nhiệt độ hoạt động: -55°C - 155°C Linh kiện xuyên lỗ: 0.5mm Đóng gói: 1 túi 500 con
1096	Điện trở 10K 1/4W	Điện trở 5 vạch màu Công suất: 1/4W; Sai số 1%. Nhiệt độ hoạt động: -55°C - 155°C Linh kiện xuyên lỗ: 0.5mm Đóng gói: 1 túi 500 con
1097	Điện trở 15K 1/4W	Điện trở 5 vạch màu Công suất: 1/4W; Sai số 1%. Nhiệt độ hoạt động: -55°C - 155°C Linh kiện xuyên lỗ: 0.5mm Đóng gói: 1 túi 500 con
1098	Điện trở 1K 1/4W	Điện trở 5 vạch màu Công suất: 1/4W; Sai số 1%. Nhiệt độ hoạt động: -55°C - 155°C Linh kiện xuyên lỗ: 0.5mm Đóng gói: 1 túi 500 con
1099	Điện trở 1K2 1/4W	Điện trở 5 vạch màu Công suất: 1/4W; Sai số 1%. Nhiệt độ hoạt động: -55°C - 155°C Linh kiện xuyên lỗ: 0.5mm Đóng gói: 1 túi 500 con
1100	Điện trở 1M5 1/4W	Điện trở 5 vạch màu Công suất: 1/4W; Sai số 1%. Nhiệt độ hoạt động: -55°C - 155°C Linh kiện xuyên lỗ: 0.5mm Đóng gói: 1 túi 500 con

1101	Điện trở 220 ôm 1/4W	Điện trở 5 vạch màu Công suất: 1/4W; Sai số 1%. Nhiệt độ hoạt động: -55°C - 155°C Linh kiện xuyên lỗ: 0.5mm Đóng gói: 1 túi 500 con
1102	Điện trở 2K7 1/4W	Điện trở 5 vạch màu Công suất: 1/4W; Sai số 1%. Nhiệt độ hoạt động: -55°C - 155°C Linh kiện xuyên lỗ: 0.5mm Đóng gói: 1 túi 500 con
1103	Điện trở 330 ôm 1/4W	Điện trở 5 vạch màu Công suất: 1/4W; Sai số 1%. Nhiệt độ hoạt động: -55°C - 155°C Linh kiện xuyên lỗ: 0.5mm Đóng gói: 1 túi 500 con
1104	Điện trở 4K7 1/4W	Điện trở 5 vạch màu Công suất: 1/4W; Sai số 1%. Nhiệt độ hoạt động: -55°C - 155°C Linh kiện xuyên lỗ: 0.5mm Đóng gói: 1 túi 500 con
1105	Điện trở 560 ôm 1/4W	Điện trở 5 vạch màu Công suất: 1/4W; Sai số 1%. Nhiệt độ hoạt động: -55°C - 155°C Linh kiện xuyên lỗ: 0.5mm Đóng gói: 1 túi 500 con
1106	Điện trở 680 ôm 1/4W	Điện trở 5 vạch màu Công suất: 1/4W; Sai số 1%. Nhiệt độ hoạt động: -55°C - 155°C Linh kiện xuyên lỗ: 0.5mm Đóng gói: 1 túi 500 con
1107	Điện trở 6K8 1/4W	Điện trở 5 vạch màu Công suất: 1/4W; Sai số 1%. Nhiệt độ hoạt động: -55°C - 155°C Linh kiện xuyên lỗ: 0.5mm Đóng gói: 1 túi 500 con
1108	Điện trở công suất loại: 10 ôm/2W	Chất liệu: Film carbon Nhiệt độ hoạt động: -55 độ C – 155 độ C Sai số: 5%
1109	Điện trở công suất loại: 100 ôm/2W	Chất liệu: Film carbon Nhiệt độ hoạt động: -55 độ C – 155 độ C Sai số: 5%

1110	Điện trở công suất loại: 47k ôm/2W	Chất liệu: Film carbon Nhiệt độ hoạt động: -55 độ C – 155 độ C Sai số: 5%
1111	Giấy in A4	Kích thước: 21x29.7cm; Định lượng: 70gsm; độ trắng 90; Quy cách: 500 tờ/ream
1112	IC 7400	Dải điện áp hoạt động: 2-6V Đầu ra TTL. Nhiệt độ hoạt động: 0°C đến 75°C. Kiểu chân: xuyên lỗ (DIP)
1113	IC 7402	Dải điện áp hoạt động: 2-6V Đầu ra TTL. Nhiệt độ hoạt động: 0°C đến 75°C. Kiểu chân: xuyên lỗ (DIP)
1114	IC 7408	Dải điện áp hoạt động: 2-6V Đầu ra TTL. Nhiệt độ hoạt động: 0°C đến 75°C. Kiểu chân: xuyên lỗ (DIP)
1115	IC 74138	Dải điện áp hoạt động: 2-6V Đầu ra TTL. Nhiệt độ hoạt động: 0°C đến 75°C. Kiểu chân: xuyên lỗ (DIP)
1116	IC 7414	Dải điện áp hoạt động: 2-6V Đầu ra TTL. Nhiệt độ hoạt động: 0°C đến 75°C. Kiểu chân: xuyên lỗ (DIP)
1117	IC 74151	Dải điện áp hoạt động: 2-6V Đầu ra TTL. Nhiệt độ hoạt động: 0°C đến 75°C. Kiểu chân: xuyên lỗ (DIP)
1118	IC 74164	Dải điện áp hoạt động: 2-6V Đầu ra TTL. Nhiệt độ hoạt động: 0°C đến 75°C. Kiểu chân: xuyên lỗ (DIP)
1119	IC 74193	Dải điện áp hoạt động: 2-6V Đầu ra TTL. Nhiệt độ hoạt động: 0°C đến 75°C. Kiểu chân: xuyên lỗ (DIP)
1120	IC 74194	Dải điện áp hoạt động: 2-6V Đầu ra TTL. Nhiệt độ hoạt động: 0°C đến 75°C. Kiểu chân: xuyên lỗ (DIP)

1121	IC 74247	Dải điện áp hoạt động: 2-6V Đầu ra TTL. Nhiệt độ hoạt động: 0°C đến 75°C. Kiểu chân: xuyên lỗ (DIP)
1122	IC 7432	Dải điện áp hoạt động: 2-6V Đầu ra TTL. Nhiệt độ hoạt động: 0°C đến 75°C. Kiểu chân: xuyên lỗ (DIP)
1123	IC 7476	Dải điện áp hoạt động: 2-6V Đầu ra TTL. Nhiệt độ hoạt động: 0°C đến 75°C. Kiểu chân: xuyên lỗ (DIP)
1124	IC 7485	Dải điện áp hoạt động: 2-6V Đầu ra TTL. Nhiệt độ hoạt động: 0°C đến 75°C. Kiểu chân: xuyên lỗ (DIP)
1125	IC 7486	Dải điện áp hoạt động: 2-6V Đầu ra TTL. Nhiệt độ hoạt động: 0°C đến 75°C. Kiểu chân: xuyên lỗ (DIP)
1126	IC 7490	Dải điện áp hoạt động: 2-6V Đầu ra TTL. Nhiệt độ hoạt động: 0°C đến 75°C. Kiểu chân: xuyên lỗ (DIP)
1127	IC 7805	Dải điện áp hoạt động: 2-6V Đầu ra TTL. Nhiệt độ hoạt động: 0°C đến 75°C. Kiểu chân: xuyên lỗ (DIP)
1128	IC AT89C51	Điện áp hoạt động: 4-6V Tần số hoạt động: 0-24MHZ Bộ nhớ Flash: 4 Kbyte 128x8bit RAM 32 I/O 2 Time/Counter 16bit
1129	IC AT89S52	Điện áp hoạt động 4.0 đến 5.5v Tần số hoạt động 0 đến 33 MHz Bộ nhớ Flash (ROM) 8 KB (Nạp xóa điện tử 1000 lần) Số lượng chân I/O 32 chân (4 Port) Timer/Counter 3 bộ (16-bit)

1130	IC LM358	Kiểu chân: 8 chân, xuyên lỗ (DIP) Điện áp: 3-32V nguồn đơn, 1.5-16V nguồn đôi Độ lợi khuếch đại DC 100dB Dải nhiệt độ hoạt động: 0 ~ 70oC Điện áp ngõ ra: 0V đến VCC(+)-1.5V
1131	IC uA741	Điện áp cung cấp (Vcc): 5V - 40V Dòng điện đầu ra: 25mA. Dòng điện tiêu thụ: 1.7mA. Dải nhiệt độ hoạt động: 0°C đến 70°C. Kiểu chân: DIP-8, SO-8
1132	IC NE555	Điện áp đầu vào: 4.5-16V Dòng điện cung cấp: 10mA - 15mA Công suất lớn nhất là: 600mW Nhiệt độ hoạt động: 0 - 70oC Kiểu chân: 8 chân, xuyên lỗ(DIP)
1133	IC PIC16F877A	Nguồn: 2V – 5.5V In/OUT: 33 Số chân: 44 Dòng hoạt động: 1mA Dòng chờ: 1uA Dòng output: 25mA Thạch anh ngoài: 20Mhz Thạch anh nội: Không có Bộ nhớ ROM: 8192KByte Bộ nhớ SRAM: 368Byte Bộ nhớ EEPROM: 256Byte Các chuẩn giao tiếp: I ² C, SPI, UART / USART, USB Nhiệt độ hoạt động: -40°C ~ 85°C Cổng ADC: 10Bit – 8 kênh Timer: 8Bit hoặc 16Bit
1134	LED 5mm Đỏ	Đường kính: 5mm Điện áp tham chiếu: 1.8-2V Dòng: 5mA – 40mA Độ sáng :5000-7000mcd
1135	LED 5mm Vàng	Đường kính: 5mm Điện áp tham chiếu: 1.8-2V Dòng: 5mA – 40mA Độ sáng :5000-7000mcd
1136	LED 5mm Xanh	Đường kính: 5mm Điện áp tham chiếu: 1.8-2V Dòng: 5mA – 40mA Độ sáng :5000-7000mcd

1137	Led 7 thanh 0.56 - Anode chung	Điện áp = 2V Dòng = 20mA Kiểu chân: xuyên lỗ (DIP) Kiểu hiển thị: 1 số
1138	LED hồng ngoại 5mm	Đường kính: 5mm Dòng: 5mA – 40mA Cặp (125 thu - 125 phát)
1139	Nhựa thông	Hộp giấy hình chữ nhật 2,5x6cm; 15g
1140	Photo Diode 5mm	Dòng: 10mA – 20mA Đường kính vỏ 5mm Dải bước sóng đáp ứng: 400nm ~ 1100nm Bước sóng nhạy nhất: 850nm ~ 900nm Thời gian đáp ứng: 5ns ~ 1.8μs Góc nhận ánh sáng: khoảng 20° ~ 60° Nhiệt độ hoạt động: -25°C đến +85°C Kiểu chân: 2 chân Anode/Cathode
1141	Pin vuông 9V	Hộp 10 viên Loại pin: 9V Pin than / Zinc-Carbon
1142	Pin Lithium-Ion 18V-3Ah	Loại pin: Lithium-ion (Li-ion) Điện áp: 18V Dung lượng: 3.0Ah Tương thích: Toàn bộ máy dùng pin Makita 18V dòng LXT
1143	Pin tiêu 1,5V; AA	Pin 1,5V AA; màu đỏ loại thường
1144	Pin tiêu 1,5V; AAA	Pin 1,5V AAA; màu đỏ loại thường
1145	Rơ le 8 chân 5V/2A	rơ le điện từ 8 chân hoạt động với điện áp kích cuộn hút 5VDC
1146	Thiếc hàn 0.6mm 500g	Thành phần thiếc 60%, chì 40% Kích thước 0.6mm, Trọng lượng 500g Dễ nóng chảy, bám dính tốt. Khi hàn tạo ra lớp bóng trên bề mặt.
1147	Tụ hóa 0,1 uF/50V	Điện áp: 50V Tên gọi: Tụ hóa. Loại tụ: Phân cực
1148	Tụ hóa 0,47 uF/50V	Điện áp: 50V Tên gọi: Tụ hóa. Loại tụ: Phân cực
1149	Tụ hóa 10 uF/50V	Điện áp: 50V Tên gọi: Tụ hóa. Loại tụ: Phân cực
1150	Tụ hóa 100 uF/50V	Điện áp: 50V Tên gọi: Tụ hóa. Loại tụ: Phân cực

1151	Tụ hóa 1000uF/25V	Điện áp: 50V Tên gọi: Tụ hóa. Loại tụ: Phân cực
1152	Tụ hóa 22 uF/50V	Điện áp: 50V Tên gọi: Tụ hóa. Loại tụ: Phân cực
1153	Tụ hóa 220 uF/50V	Điện áp: 50V Tên gọi: Tụ hóa. Loại tụ: Phân cực
1154	Tụ hóa 47 uF/50V	Điện áp: 50V Tên gọi: Tụ hóa. Loại tụ: Phân cực
1155	Tụ hóa 470uF/50V	Điện áp: 50V Tên gọi: Tụ hóa. Loại tụ: Phân cực
1156	Transistor 2N3904	Dòng điện cực đại: $I_c=200$ mA Công suất cực đại: $P_c=350$ mW điện áp cực đại Transistor $U_{ceo}=40V$ $U_{cbo}=60V$ $U_{ebo}=6V$ Hệ số khuếch đại (hfe): 100-300 Tần số cắt: $F_t=300$ Kiểu chân: xuyên lỗ (DIP)
1157	Transistor A1013	Loại transistor: PNP Dòng điện cực đại transistor: $I_c= -1A$ Công suất cực đại: $P_c= 900mW$ Điện áp cực đại: $U_{ceo}= -160V$ $U_{cbo}= -160V$ $U_{ebo}= -6V$ Hệ số khuếch đại(hfe): 60-200 Tần số cắt(F_t): $>15MHz$ Kiểu chân: xuyên lỗ (DIP)

1158	Transistor C2383	<p>Loại transistor: NPN Dòng điện cực đại transistor: $I_c = 1A$ Công suất cực đại: $P_c = 900mW$ Điện áp cực đại: $U_{ceo} = 160V$ $U_{cbo} = 160V$ $U_{ebo} = 6V$ Hệ số khuếch đại (hfe): 60-320 Tần số cắt Ft: 100MHz Nhiệt độ lưu trữ và hoạt động tối đa: -55 đến +150 độ C Kiểu chân: xuyên lỗ (DIP)</p>
1159	Transistor C828	<p>Loại transistor: NPN Dòng điện cực đại: $I_c = 50mA$, $I_{cm} = 100mA$ Công suất cực đại transistor: $P_c = 250mW$ Điện áp cực đại: $U_{ceo} = 25V$ $U_{cbo} = 30V$ $U_{ebo} = 7V$ Hệ số khuếch đại (hfe): >65 Tần số cắt Ft: 110MHz Kiểu chân: xuyên lỗ (DIP)</p>
1160	Cáp chuyển đổi HDMI sang DVI-D dài 1,5m	Cáp tròn, dài $\geq 1,5m$
1161	Công tắc cảm ứng hồng ngoại (lắp trên mặt công tắc)	<p>Kiểu BT1 Điện áp: 85v - 265v Phạm vi cảm biến: 3 - 6m Góc cảm biến rộng 110 độ Công suất tải: 40W</p>
1162	Cảm biến độ ẩm, nhiệt độ DHT22	<p>Điện áp hoạt động: 5V. Khoảng đo nhiệt độ: -40 ~ 80 độ C sai số 0.5% độ C. Kích thước: 28mm x 12mm x 10mm</p>
1163	Cảm biến chất lượng không khí MQ135	Chất lượng không khí MQ-135
1164	Cảm biến cử chỉ và màu sắc	Cử chỉ và màu sắc APDS-9960 RGB And Gesture Sensor
1165	Cảm biến màu sắc TCS3200	<p>Nguồn cấp : 2.7V ~ 5.5V Khoảng cách phát hiện lý tưởng : 10mm Kích thước : 36.0mm * 20.6mm</p>

1166	Cảm biến nồng độ cồn MQ3	Điện áp hoạt động: 5VDC Dòng điện tiêu thụ: Khoảng 180mA Dải đo nồng độ: 0.05 mg/L – 10 mg/L cồn Chuẩn giao tiếp: Analog (A0 xuất điện áp biến thiên) và Digital (D0 xuất mức cao/thấp tùy chỉnh ngưỡng)
1167	Cảm biến nhịp tim và Oxy trong máu MAX30102	IC chính: MAX30102 Điện áp hoạt động: 3.3V đến 5VDC Giao tiếp: Chuẩn giao diện I ² C
1168	Cảm biến tia UV	Cảm biến quang học tích hợp đo cường độ ánh sáng môi trường và tia cực tím (UVA/UVB) bước sóng 280 nm - 430 nm Điện áp hoạt động: 3.3 V - 5 V (tích hợp chip điều chỉnh điện áp trên bo mạch). Dải phổ tia cực tím: 280 nm - 430 nm (bao gồm cả tia UVA và một phần UVB). Giao diện giao tiếp: I2C và UART. Dải đo ánh sáng: 64000 Lux.
1169	Cầu chì 0.5A dài 30mm phi 6mm	Cầu chì 0.5A dài 30mm phi 6mm Điện áp tối đa: 250V AC/DC Vật liệu vỏ: Thủy tinh trong suốt Loại cầu chì: Tác động nhanh Hộp 100 cái
1170	Cầu chì 10A dài 30mm phi 6mm	Cầu chì 10A dài 30mm phi 6mm Điện áp tối đa: 250V AC/DC Vật liệu vỏ: Thủy tinh trong suốt Loại cầu chì: Tác động nhanh Hộp 100 cái
1171	Cầu chì 5A dài 20mm phi 5mm	Cầu chì 5A dài 20mm phi 5mm Điện áp tối đa: 250V AC/DC Vật liệu vỏ: Thủy tinh trong suốt Loại cầu chì: Tác động nhanh Hộp 100 cái
1172	Cầu đầu nhựa trắng 30A	16.5 x 2.4 x 1.8cm – Đường kính lõi: 4.5mm

1173	Chân cắm an toàn phi 4/12mm màu đỏ	Vật liệu cách điện: PA Vật liệu: Đồng Lớp phủ: mạ Nickel Tiêu chuẩn an toàn: CE CAT III 1000V/Max.32A Kích thước: 29.66x14.35mm 4/12mm màu xanh
1174	Chân cắm an toàn phi 4/12mm màu xanh	Vật liệu cách điện: PA Vật liệu: Đồng Lớp phủ: mạ Nickel Tiêu chuẩn an toàn: CE CAT III 1000V/Max.32A Kích thước: 29.66x14.35mm 4/12mm màu đỏ
1175	Dây điện đơn mềm 1x0.75mm ² đỏ	Quy cách: Cu/Pvc Ruột dẫn: Đồng 99,99%. Số lõi: 1; Số sợi đồng: 24 sợi, mỗi sợi đường kính 0.20 Kết cấu: Nhiều sợi bện Điện áp danh định: 300/500V Chiều dài đóng gói: 100m; Màu Đỏ
1176	Dây điện đơn mềm 1x0.75mm ² xanh	Quy cách: Cu/Pvc Ruột dẫn: Đồng 99,99%. Số lõi: 1; Số sợi đồng: 24 sợi, mỗi sợi đường kính 0.20 Kết cấu: Nhiều sợi bện Điện áp danh định: 300/500V Chiều dài đóng gói: 100m; Màu Xanh
1177	Dây điện đơn mềm 1x1mm ² (màu xanh vàng- Tiếp địa)	Quy cách: Cu/Pvc Ruột dẫn: Đồng 99,99%. Số lõi: 1; Số sợi đồng: 24 sợi, mỗi sợi đường kính 0,20 Kết cấu: Nhiều sợi bện Mặt cắt danh định: 1x1 Điện áp danh định: 300/500V Chiều dài đóng gói: 100m; Màu vàng - xanh tiếp địa
1178	Cốt còng cua bọc nhựa SV1.25-3(đỏ)	Màu sắc: Đỏ Kiểu: Còng cua Chất liệu: Nhựa + Kim loại
1179	Cốt còng cua bọc nhựa SV1.25-3(xanh)	Màu sắc: Xanh Kiểu: Còng cua Chất liệu: Nhựa + Kim loại

1180	Dây êmay 0,4mm	<p>Đường kính: 0.4mm Chủng loại sơn cách điện 1 lớp: Polyester Cấp chịu nhiệt: 155 °C Ruột dẫn: đồng ủ mềm Cấp chiều dày sơn: 1</p>
1181	Dây êmay 0,5mm	<p>Đường kính: 0.5mm Chủng loại sơn cách điện 1 lớp: Polyester Cấp chịu nhiệt: 155 °C Ruột dẫn: đồng ủ mềm Cấp chiều dày sơn: 1</p>
1182	Dây gai buộc động cơ	<p>Chất liệu: Dây gai, Dây dù Màu sắc: Trắng hoặc Đỏ Khối lượng: khoảng 50-80 gram</p>
1183	Bìa cách điện	<p>Kích thước của giấy cách điện chịu nhiệt xanh có độ dày từ 0.17mm Khả năng cách điện của bìa là 1,5KV Độ chịu nhiệt của giấy xanh dao động từ 120 -150 độ.</p>
1184	Ống gen cách điện sợi thủy tinh 2mm	<p>Đường kính trong: 2mm ± 0.2mm Vật liệu: Sợi thủy tinh Nhiệt độ làm việc : -60 -> 200 độ C Màu tiêu chuẩn: Trắng Đặc điểm: Không cháy, không nóng chảy, cách điện cao</p>
1185	Ống gen cách điện sợi thủy tinh 5mm	<p>Đường kính trong: 5mm ± 0.2mm Vật liệu: Sợi thủy tinh Nhiệt độ làm việc : -60 -> 200 độ C Màu tiêu chuẩn: Trắng Đặc điểm: Không cháy, không nóng chảy, cách điện cao</p>
1186	Dây cắm an toàn 1000mm màu đỏ	<p>Với hai đầu là chân giắc cắm an toàn 4mm bằng đồng Các phích cắm xếp chồng lên nhau ở cả hai đầu. Tiêu chuẩn an toàn: CE CAT III 1000V/Max.32A Chất liệu vỏ dây cách điện: dây silicone 14AWG Chiều dài: 1000mm - 1.2mm² Màu sắc: màu đỏ</p>

1187	Dây cắm an toàn 1000mm màu xanh	Với hai đầu là chân giắc cắm an toàn 4mm bằng đồng Các phích cắm xếp chồng lên nhau ở cả hai đầu. Tiêu chuẩn an toàn: CE CAT III 1000V/Max.32A Chất liệu vỏ dây cách điện: dây silicone 14AWG Chiều dài: 1000mm - 1.2mm ² Màu sắc: màu xanh
1188	Driver Smart PID V4	Điện áp điều khiển (Motor): 24VDC Chế độ điều khiển: PID Vị trí (xung/hướng), PID Tốc độ, PID Encoder AB. Tần số xung đầu vào: Hỗ trợ lên tới 10MHz. Giao tiếp: Cổng COM UART
1189	Đầu cốt kim rộng 1 mm (vàng)	Chất liệu: đồng thau mạ thiếc chống rỉ Độ dày: 0.5mm; đường kính: 1mm ² Dòng định mức: 15A Điện áp đầu vào: 100-240V Màu: Vàng Túi 1000 cái
1190	Đầu cốt kim rộng 1mm (Đỏ)	Chất liệu: đồng thau mạ thiếc chống rỉ Độ dày: 0.5mm; đường kính: 1mm ² Dòng định mức: 15A Điện áp đầu vào: 100-240V Màu: đỏ Túi 1000 cái
1191	Đầu cốt kim rộng 1mm (Xanh)	Chất liệu: đồng thau mạ thiếc chống rỉ Độ dày: 0.5mm; đường kính: 1mm ² Dòng định mức: 15A Điện áp đầu vào: 100-240V Màu: xanh Túi 1000 cái
1192	Ống luồn dây điện tròn cứng chống cháy D20	Chất liệu: Nhựa PVC tự chống cháy Đường kính ngoài: >=20mm Độ dày thành ống: 1.55-1.6mm Đường kính trong: Khoảng 16.1-16,9 Chiều dài: >=2,92m/cây

1193	IC STM32F407VGT6	<p>Điện áp hoạt động: 1.8V – 3.6V Tần số hoạt động: Tối đa 168 MHz. Flash: 1 MB (1024 KB). SRAM: 192 KB (bao gồm 64 KB CCM RAM - Core Coupled Memory) GPIO: Lên đến 82 chân I/O. ADC/DAC: 3 x ADC 12-bit (24 kênh), 2 x DAC 12-bit. Timer: 17 timer (16-bit và 32-bit), bao gồm timer điều khiển động cơ. Giao tiếp: 4 USART/2 UART, 3 SPI, 3 I2C, 2 CAN, USB OTG FS/HS. Kết nối Ethernet, giao diện Camera, SDIO.</p>
1194	Mạch thu phát RF UART Lora SX1278 433Mhz 3000m EBYTE E32-433T20DC	<p>Tần số hoạt động: 410-441MHz (mặc định 433MHz) Điện áp hoạt động: 2,3-5,5VDC Khoảng cách truyền: >= 3000m (trong điều kiện lý tưởng, không vật cản). Công suất phát: 20dBm Giao tiếp: UART (bộ đệm 512 bytes). Độ nhạy: 130dBm</p>
1195	Nẹp sàn bán nguyệt (60x1200)	<p>Kích thước: 60x22x1200mm/1 cây Nguyên liệu : PVC Màu sắc: trắng sữa</p>
1196	Wifi BLE SoC ESP32 WeMos D1 R32 (Arduino Compatible)	<p>Vi điều khiển: ESP-WROOM-32 (SoC ESP32 dual core Tensilica LX6). Wifi: 802.11 b/g/n (2.4 GHz). Bluetooth: Bluetooth v4.2 BR/EDR và BLE (Bluetooth Low Energy). Nguồn cung cấp: 5VDC qua USB hoặc 5-12VDC qua giắc DC/chân Vin. Bộ nhớ Flash: 4MB. IC nạp/UART: CH340. Tương thích: Chuẩn chân cắm Arduino Uno R3.</p>

1197	Hộp sấy filament cho máy in 3D, nguồn 220V, kiểm soát độ ẩm	Điện áp đầu vào: AC 100V - 240V, 50/60Hz (hỗ trợ trực tiếp nguồn điện lưới dân dụng 220V tại Việt Nam). Công suất định mức: \approx 100W - 150W. Dải nhiệt độ sấy: 45°C đến 65°C (các dòng cao cấp chuyên dụng có thể lên tới 70°C - 85°C). Hẹn giờ sấy (Timer): Tùy chỉnh từ 0 đến 24 giờ. Độ tương thích sợi nhựa: Chứa vừa cuộn 1kg, hỗ trợ các đường kính 1.75mm, 2.85mm
1198	Filament PLA 1.75mm cuộn 1kg dùng in mẫu nhanh, nhiệt độ in \sim 200°C	Cuộn 1kg dùng in mẫu nhanh, nhiệt độ in \sim 190-200°C
1199	Filament PETG 1.75mm cuộn 1kg dùng in chi tiết cơ khí bền hơn PLA	Cuộn 1kg dùng in chi tiết cơ khí bền hơn PLA
1200	Bộ đầu phun (Nozzle) đồng cho máy in 3D, cỡ 0.2 / 0.4 / 0.6mm, ren M6	Chất liệu: Đồng thau (Brass). Dẫn nhiệt tốt Kích thước ren: M6 Kích cỡ: 0.2, 0.4, 0.6mm
1201	Tấm bàn in phủ PEI dạng lò xo	Tấm PEI dạng lò xo (PEI spring steel sheet) khổ 300×300mm
1202	Keo hỗ trợ bám bàn in	Keo dán giấy / keo chuyên dụng in 3D chai \geq 50 ml
1203	Kim thông đầu phun (Nozzle cleaning needle) dùng vệ sinh đầu in	Bộ kim vệ sinh đầu phun bằng thép không gỉ 0.2 / 0.25 / 0.3 / 0.35mm
1204	Module giao tiếp PROFINET ET200SP IM155-6PN ST	Giao diện: PROFINET IRT/RT (3 cổng, cổng 3 qua BusAdapter) TP NewTech. Số lượng module I/O tối đa: 32 module TP NewTech. Điện áp cung cấp: 24 VDC (dải cho phép 19,2-28,8V)

1205	Module truyền thông AS-i Master cho ET200SP Module CM AS-i Master ST dùng để kết nối mạng AS-Interface với hệ thống ET200SP	Chuẩn AS-i: AS-Interface Specification V3.0. Số lượng Master: 1 Master AS-i trên mỗi module. Số lượng Slave: Tối đa 62 slave AS-i (địa chỉ mở rộng). Kết nối: Tương thích với ET 200SP BaseUnit (loại A0 hoặc A1), cắm trực tiếp. Điện áp hoạt động: AS-i voltage 30V DC (từ nguồn AS-i).
1206	BaseUnit ET200SP cho module truyền thông	Giao thức hỗ trợ Freeport, 3964(R), USS, MODBUS RTU Master/Slave Giao diện truyền thông RS-422, RS-485, RS-232 Điện áp cung cấp: 24 VDC (dải cho phép 19,2-28,8V) Tốc độ truyền tối đa (RS-485) 250 kbit/s Tốc độ truyền tối đa (RS-422/RS-232) 115.2 kbit/s Tương thích PLC S7-1500, S7-1200, S7-300, S7-400 Chiều dài cáp tối đa (RS-485/422) 1200m Chiều dài cáp tối đa (RS-232) 15m
1207	Dầu máy nén khí (Dầu thủy lực 68)	Độ nhớt động học (40°C): cSt 61,2 – 74,8 Chỉ số độ nhớt (VI):Min. 98 Điểm rót chảy: °C Min. -12 Nhiệt độ chớp cháy (COC): °C Min. 200 Độ tạo bọt (93,5°C):ml/ml Max. 10/0 Tổng hàm lượng nước: %TT Max. 0.05
1208	Ống khí nén PU Ø4mm (OD4)	Ø4mm (OD4), dùng cho hệ thống khí nén, vật liệu polyurethane
1209	Ống khí nén PU Ø6mm (OD6),	Ø6mm (OD6), dùng cho hệ thống khí nén, vật liệu polyurethane
1210	Ống khí nén PU Ø8mm (OD8)	Ø8mm (OD8), dùng cho hệ thống khí nén, vật liệu polyurethane
1211	Đầu nối nhanh thẳng cho ống khí nén PU Ø4mm	PU Ø4mm (push-in fitting, thân PBT hoặc kim loại, vòng kẹp inox, áp suất ≥ 0.8 MPa)

1212	Đầu nối nhanh thẳng cho ống khí nén PU Ø6mm	PU Ø6mm (push-in fitting, thân PBT hoặc kim loại, vòng kẹp inox, áp suất $\geq 0.8\text{MPa}$)
1213	Đầu nối nhanh thẳng cho ống khí nén PU Ø8mm	PU Ø8mm (push-in fitting, thân PBT hoặc kim loại, vòng kẹp inox, áp suất $\geq 0.8\text{MPa}$)
1214	Đầu nối nhanh co góc 90 độ cho ống khí nén PU Ø4mm	PU Ø4mm (push-in fitting, thân PBT hoặc kim loại, vòng kẹp inox, áp suất $\geq 0.8\text{MPa}$)
1215	Đầu nối nhanh co góc 90 độ cho ống khí nén PU Ø6mm	PU Ø6mm (push-in fitting, thân PBT hoặc kim loại, vòng kẹp inox, áp suất $\geq 0.8\text{MPa}$)
1216	Đầu nối nhanh co góc 90 độ cho ống khí nén PU Ø8mm	PU Ø8mm (push-in fitting, thân PBT hoặc kim loại, vòng kẹp inox, áp suất $\geq 0.8\text{MPa}$)
1217	Đầu chia T khí nén cho ống khí nén PU Ø4mm	PU Ø4mm (push-in fitting, thân PBT hoặc kim loại, vòng kẹp inox, áp suất $\geq 0.8\text{MPa}$)
1218	Đầu chia T khí nén cho ống khí nén PU Ø6mm	PU Ø6mm (push-in fitting, thân PBT hoặc kim loại, vòng kẹp inox, áp suất $\geq 0.8\text{MPa}$)
1219	Đầu chia T khí nén cho ống khí nén PU Ø8mm	PU Ø8mm (push-in fitting, thân PBT hoặc kim loại, vòng kẹp inox, áp suất $\geq 0.8\text{MPa}$)
1220	Đầu nối thẳng giảm cỡ ống khí nén Ø6-Ø4	Ø6-Ø4 (push-in reducer thân PBT hoặc kim loại, vòng kẹp inox, áp suất $\geq 0.8\text{MPa}$)
1221	Đầu nối thẳng giảm cỡ ống khí nén Ø8-Ø6 (push-in reducer thân PBT hoặc kim loại, vòng kẹp inox, áp suất $\geq 0.8\text{MPa}$)	Ø8-Ø6 (push-in reducer thân PBT hoặc kim loại, vòng kẹp inox, áp suất $\geq 0.8\text{MPa}$)
1222	Đầu nối nhanh ren ngoài 1/8" sang ống PU Ø6mm	Ren ngoài 1/8" sang ống PU Ø6mm
1223	Đầu nối nhanh ren ngoài 1/4" sang ống PU Ø6mm	Ren ngoài 1/4" sang ống PU Ø6mm
1224	Bộ lọc + điều áp khí nén mini (FR)	Bộ lọc + điều áp khí nén mini (FR) cho hệ thống khí nén, tích hợp cốc lọc và núm chỉnh áp, đầu nối nhanh push-in cho ống PU Ø6mm (đầu vào/ra 6mm), áp suất làm việc $\geq 0.8\text{MPa}$, có van khóa khí hoặc tương đương

1225	Khớp nối nhanh khí nén đầu cái (socket) ren ngoài 1/4"	Đầu cái (socket) ren ngoài 1/4", dùng lắp vào cổng khí máy nén, thân kim loại mạ chống gỉ, áp suất làm việc $\geq 1\text{MPa}$
1226	Khớp nối nhanh khí nén đầu đực (plug) ren ngoài 1/4"	Đầu đực (plug) ren ngoài 1/4", dùng gắn đầu dây khí nén, áp suất làm việc $\geq 1\text{MPa}$
1227	Đầu nối nhanh khí nén đầu đực ren ngoài 1/4" sang ống PU Ø8mm	Đầu đực ren ngoài 1/4" sang ống PU Ø8mm (push-in fitting)
1228	Đầu nối nhanh khí nén đầu đực ren ngoài 1/4" sang ống PU Ø10mm	Đầu đực ren ngoài 1/4" sang ống PU Ø10mm (push-in fitting)
1229	Băng tan PTFE (băng tan ren) dùng làm kín mối nối ren hệ thống khí nén và nước	Bản rộng $\sim 12\text{mm}$, chịu áp lực và nhiệt độ cao
1230	Bộ bàn phím và chuột quang có dây	Loại bàn phím và chuột quang có dây USB
1231	Súng thổi khí nén	Thân kim loại, cò bóp điều chỉnh lưu lượng, đầu nối nhanh chuẩn công nghiệp
1232	Dây hơi khí đường kính 8-10mm	Dây hơi khí nén dài $\sim 20\text{m}$, ống cao su hoặc PVC chịu áp lực, đường kính trong khoảng 8–10mm, hai đầu lắp sẵn khớp nối nhanh (plug + socket) bấm thủy lực, dùng cấp khí từ máy nén
1233	Arduino Uno R3 chip cắm (kèm dây cáp)	Vi điều khiển chính: ATmega328P (8-bit). Điện áp hoạt động: 5V. Điện áp đầu vào (khuyến nghị): 7 - 12V DC. Điện áp đầu vào (giới hạn): 6 - 20V DC. Tốc độ xung nhịp: $\geq 16\text{ MHz}$. Bộ nhớ Flash: $\geq 32\text{ KB}$ (ATmega328P) - 0.5 KB dùng cho bootloader. SRAM: $\geq 2\text{ KB}$. EEPROM: $\geq 1\text{ KB}$. Chân Digital I/O: ≥ 14 chân (trong đó 6 chân cung cấp đầu ra PWM). Chân Analog Input: ≥ 6 chân. Dòng DC trên mỗi chân I/O: 20 mA. Dòng DC cho chân 3.3V: 50 mA. Giao tiếp: USB, UART, SPI, I2C.
1234	Băng dính cách điện	Kích thước: 20yds x 18mm x 0.13mm Màu đen

1235	Đế sạc pin chậm 18V	Loại Pin tương thích: Li-ion LXT 14.4V - 18V Điện áp vào: 220V - 240V AC.
1236	Màn hình Raspberry 7 inch HD 1024x600 Cảm ứng điện dung (Kèm đĩa, cable HDMI, cable USB)	7Inch HD 1024x600 cảm ứng điện dung (Kèm đĩa, cable HDMI, cable USB)
1237	Raspberry Pi 5 Ram 8Gb + Quạt tản nhiệt + Vỏ nhựa + Nguồn	<p>Ram \geq8Gb + Quạt tản nhiệt +Vỏ nhựa + Nguồn 2.4GHz quad-core 64-bit Arm Cortex-A76 CPU, 512KB per-core L2 caches và 2MB shared L3 cache VideoCore VII GPU @800MHz, hỗ trợ OpenGL ES 3.1, Vulkan 1.2 Đầu ra hiển thị Dual 4Kp60 HDMI® Bộ giải mã HEVC 4Kp60 LPDDR4X-4267 SDRAM (tùy chọn cho 4GB/8GB) 2.4GHz/5GHz dual-band 802.11ac Wi-Fi® Bluetooth 5.0 / Bluetooth năng lượng thấp (BLE) Khe cắm thẻ TF, hỗ trợ chế độ SDR104 tốc độ cao 2 × cổng USB 3.0, hỗ trợ hoạt động đồng thời 5Gbps Gigabit Ethernet, có hỗ trợ PoE+ (yêu cầu PoE+ HAT riêng) 2 × 4-lane MIPI DSI/CSI port Giao tiếp PCIe 2.0 x1 cho các thiết bị ngoại vi nhanh (yêu cầu M.2 HAT riêng hoặc bộ chuyển đổi khác) Nguồn DC 5V/5A qua USB-C, có hỗ trợ Power Delivery Header 40 chân tiêu chuẩn Raspberry Pi Đồng hồ thời gian thực (RTC), được cấp nguồn từ pin ngoài (không bao gồm) Nút nguồn trên bo mạch để bật/tắt nguồn mà không cần ngắt kết nối bộ đổi nguồn</p>
1238	Webcam Logitech BRIO 100	<p>\geq1080p/30fps (1920×1080 pixel) \geq720p/30fps (1280×720 pixel) Megapixel của camera: 2MP Loại tiêu cự: Tiêu cự cố định Loại thấu kính: Thấu kính 4 thành phần nhựa tùy chỉnh với lớp phủ chống phản xạ (RAM \geq2GB trở lên để truyền video 1080p và thông thường cần RAM 1GB để truyền trực tuyến 720p) Micrô thu mọi hướng Phạm vi của mic: Lên tới 1m Tầm nhìn chéo (dFoV): 58° Màn che ống kính gắn kèm Khả năng kết nối USB: USB-A Cân bằng ánh sáng tự động RightLight</p>

1239	Máy in 3D	<p>Công nghệ in: FDM (Fused Deposition Modeling). Hệ thống chuyển động: CoreXZ (X và Z liên kết). Khổ in: $\geq 300 \times 300 \times 330$mm Tốc độ in ≤ 600mm/s, đầu đùn direct drive, bàn in gia nhiệt, hỗ trợ nhiều loại filament Vật liệu in: PLA, TPU(95A), PETG, ABS, PLA-CF, PETG-CF, CR-Carbon.</p>
1240	Máy hiện sóng số	<p>Số kênh: ≥ 2 Dải tần: ≥ 20Mhz Độ phân giải: ≥ 8bits Bộ nhớ sâu: ≥ 10K Horizontal Scale (s/div): 5ns/div - 100s/div, step by 1 - 2 - 5 Tốc độ lấy mẫu: ≥ 100MS/s Rise time: ≤ 17.5ns Màn hình: 7" color LCD, 800 x 480 pixels Trở kháng đầu vào: $1M\Omega \pm 2\%$, in parallel with 20pF± 5pF Điện áp vào: 400V (PK - PK) (DC+AC, PK - PK)</p>
1241	Dụng cụ đo công suất đa năng	<p>Số chữ số hiển thị: 3 hàng với 4 chữ số trên mỗi hàng, 1 hàng 6 chữ số Loại đồng hồ đo công suất kỹ thuật số Thông số đo lường: Dòng (AC), Nhu cầu dòng điện, Điện áp (L-L), Điện áp (L-N), Tần số, Đi [...] Loại ngõ vào đo lường: Dòng xoay chiều, Điện áp xoay chiều Dải đo điện áp: 220 V AC (DELTA), 440 V AC (STAR) max. (1-phase 2-wire), 220 V AC (DEL [...]) Dải đo dòng điện định mức: 1-5A Điện áp cấp: 220-440VAC Màn hình hiển thị: Màn hình LCD có đèn nền LED Đơn vị hiển thị: AAC, ADC, VAC, VDC, Hz, kVA, VAR, kW, PF, Wh, VARh Giao thức truyền thông: Modbus RTU</p>

1242	Kìm bấm mạng	<p>Bấm đầu RJ45 (8P8C), RJ11/RJ12 (6P6C, 6P4C), tuốt vỏ cáp, cắt dây. Tương thích chuẩn Cat5, Cat5e, Cat6 (1 mảnh, 2 mảnh, 3 mảnh), và các loại đầu mạng xuyên thấu. Chất liệu thân kìm: Thép Carbon cao cấp SK5, thép hợp kim Cr-V cứng cáp, chịu lực, chống gỉ sét. Chất liệu tay cầm: Nhựa TPR+PP hoặc bọc cao su cao cấp</p>
1243	Bộ dụng cụ sửa chữa đa năng 48 chi tiết, bao gồm bộ Công Cụ Máy Khoan Bắt Vít	<p>48 Chi Tiết, bao gồm bộ Công Cụ Máy Khoan Bắt Vít 7 Chiếc tuốc nơ vít 1 Bút thử điện 1 Cưa tay 2 kìm 1 Mỏ lét 1 Búa hỗ trợ đóng đinh, nhỏ đinh 1 Thước dây 1 bộ đầu lục giác 1 dao đa năng 1 máy khoan công suất 550w 1 Bộ mũi khoan 1 Bộ đầu vít</p>
1244	Ampe kìm đo dòng AC/DC	<p>Dòng điện AC, DC (A): 0~600/1000A - Điện áp AC (V): 6/60/600V (Chuyển dải đo tự động) - Điện áp DC (V): 600m/6/60/600V (Chuyển dải đo tự động) - Điện trở (Ω): 600/6k/60k/600k/6M/60MΩ (Chuyển dải đo tự động) $\pm 1\%rdg \pm 5dgt$ (600 – 6M) $\pm 5\%rdg \pm 8dgt$ (60M) - Kiểm tra liên tục: Còi kêu 100Ω - Tần số 10/100/1k/10kHz - Đường kính kìm: phi 40mm - Tiêu chuẩn an toàn IEC 61010-1 CAT IV 600V, - Nguồn cấp Pin R03 (1.5V)(AAA) $\times 2$ - Phụ kiện kèm theo: Que đo 7066A, Túi đựng 9094, Pin R03 (1.5V) (AAA) $\times 2$ viên, Sách HDSĐ</p>

1245	Máy khoan bê tông Pin	Loại máy: Máy khoan dùng pin Lõi mô tơ: Dây đồng Mô tơ: Mô tơ từ (Cảm ứng) Chức năng: Đục bê tông, Khoan bê tông Loại đầu gài: SDS-Plus Dung lượng pin: ≥ 4.5 Ah Thời gian sử dụng: $\geq 4 - 5$ giờ
1246	Mũi khoan 3.3mm	Kích thước: 3.3 mm Vật liệu gia công: Sắt, thép <30HRC, Gang, Đồng Phủ bề mặt: Đen – homo Kiểu chuôi: Chuôi trụ
1247	Mũi khoan 4.2mm	Kích thước: 4.2 mm Vật liệu gia công: Sắt, thép <30HRC, Gang, Đồng Phủ bề mặt: Đen – homo Kiểu chuôi: Chuôi trụ
1248	Mũi khoan 5mm	Kích thước: 5 mm Vật liệu gia công: Sắt, thép <30HRC, Gang, Đồng Phủ bề mặt: Đen – homo Kiểu chuôi: Chuôi trụ
1249	Mũi khoan 6.7mm	Kích thước: 6.7 mm Vật liệu gia công: Sắt, thép <30HRC, Gang, Đồng Phủ bề mặt: Đen – homo Kiểu chuôi: Chuôi trụ
1250	Mũi khoan 8.5mm	Kích thước: 8.5 mm Vật liệu gia công: Sắt, thép <30HRC, Gang, Đồng Phủ bề mặt: Đen – homo Kiểu chuôi: Chuôi trụ
1251	Lưỡi cưa thép	Chiều dài: 300 mm (12 inch) Lưỡi cưa thép tôi cứng, có răng

1252	Ta rô M4x0.7 - 2 mũi	<p>Kích thước ren: M4 Bước ren: 0.7 mm (ren hệ mét tiêu chuẩn) Loại ren: Ren hệ mét ISO, ren phải Bộ gồm: 1 mũi taro thô 1 mũi taro tinh Vật liệu: Thép gió HSS hoặc HSS-E Độ cứng: ~HRC 62–65 Dạng rãnh: Rãnh thẳng hoặc xoắn Chiều dài tổng: ~50–60 mm Chuôi: Chuôi vuông tiêu chuẩn để gắn tay quay taro</p>
1253	Ta rô M5x0.8 - 2 mũi	<p>Kích thước ren: M5 Bước ren: 0.8 mm (ren hệ mét tiêu chuẩn) Loại ren: Ren hệ mét ISO, ren phải Bộ gồm: 1 mũi taro thô 1 mũi taro tinh Vật liệu: Thép gió HSS hoặc HSS-E Độ cứng: ~HRC 62–65 Dạng rãnh: Rãnh thẳng hoặc xoắn Chiều dài tổng: ~50–60 mm Chuôi: Chuôi vuông tiêu chuẩn để gắn tay quay taro</p>
1254	Ta rô M6x1.0 - 2 mũi	<p>Kích thước ren: M6 Bước ren: 1.0 mm (ren hệ mét tiêu chuẩn) Loại ren: Ren hệ mét ISO, ren phải Bộ gồm: 1 mũi taro thô 1 mũi taro tinh Vật liệu: Thép gió HSS hoặc HSS-E Độ cứng: ~HRC 62–65 Dạng rãnh: Rãnh thẳng hoặc xoắn Chiều dài tổng: ~50–60 mm Chuôi: Chuôi vuông tiêu chuẩn để gắn tay quay taro</p>

1255	Ta rô M8x1.25 - 2 mũi	<p>Kích thước ren: M8 Bước ren: 1.25 mm (ren hệ mét tiêu chuẩn) Loại ren: Ren hệ mét ISO, ren phải Bộ gồm: 1 mũi taro thô 1 mũi taro tinh Vật liệu: Thép gió HSS hoặc HSS-E Độ cứng: ~HRC 62–65 Dạng rãnh: Rãnh thẳng hoặc xoắn Chiều dài tổng: ~63 mm Chuôi: Chuôi vuông tiêu chuẩn để gắn tay quay taro</p>
1256	Ta rô M10x1.5 - 2 mũi	<p>Kích thước ren: M10 Bước ren: 1.5 mm (ren hệ mét tiêu chuẩn) Loại ren: Ren hệ mét ISO, ren phải Bộ gồm: 1 mũi taro thô 1 mũi taro tinh Vật liệu: Thép gió HSS hoặc HSS-E Độ cứng: ~HRC 62–65 Dạng rãnh: Rãnh thẳng hoặc xoắn Chiều dài tổng: ~75 mm Chuôi: Chuôi vuông tiêu chuẩn để gắn tay quay taro</p>
1257	Khung cửa sắt 300mm	<p>Khung: Hợp kim kim loại chắc chắn Kích thước khung: 300 mm (12 inch) Tay cầm: Nhôm + nhựa ABS + cao su TPR chống trượt Góc cắt điều chỉnh: 45° và 90° Cơ chế: Thay lưỡi nhanh, không cần dụng cụ hỗ trợ Độ căng lưỡi: Có thể điều chỉnh</p>
1258	Dây cắm an toàn 200mm màu đỏ	<p>Với hai đầu là chân giắc cắm an toàn 4mm bằng đồng Các phích cắm xếp chồng lên nhau ở cả hai đầu. Tiêu chuẩn an toàn: CE CAT III 1000V/Max.32A Chất liệu vỏ dây cách điện: dây silicone 14AWG Chiều dài: 200mm - 1.2mm² Màu sắc: màu đỏ</p>

1259	Dây cắm an toàn 200mm màu xanh	<p>Với hai đầu là chân giắc cắm an toàn 4mm bằng đồng Các phích cắm xếp chồng lên nhau ở cả hai đầu. Tiêu chuẩn an toàn: CE CAT III 1000V/Max.32A Chất liệu vỏ dây cách điện: dây silicone 14AWG Chiều dài: 200mm - 1.2mm² Màu sắc: màu xanh</p>
1260	Dây cắm an toàn 500mm màu đỏ	<p>Với hai đầu là chân giắc cắm an toàn 4mm bằng đồng Các phích cắm xếp chồng lên nhau ở cả hai đầu. Tiêu chuẩn an toàn: CE CAT III 1000V/Max.32A Chất liệu vỏ dây cách điện: dây silicone 14AWG Chiều dài: 500mm - 1.2mm² Màu sắc: màu đỏ</p>
1261	Dây cắm an toàn 500mm màu xanh	<p>Với hai đầu là chân giắc cắm an toàn 4mm bằng đồng Các phích cắm xếp chồng lên nhau ở cả hai đầu. Tiêu chuẩn an toàn: CE CAT III 1000V/Max.32A Chất liệu vỏ dây cách điện: dây silicone 14AWG Chiều dài: 500mm - 1.2mm² Màu sắc: màu xanh</p>
1262	Dầu thủy lực 46	<p>Luôn đảm bảo các tiêu chuẩn DIN 51524 Part 2 HLP Denison HF -0, HF-1, HF-2; Denison T6C Vickers I – 286 – S và Vickers M – 2950 – S Cincinnati Milacron P68 – 69 – 70 US Steel 136 AFNOR NFE 48 – 690 & 691 Xô: 18L</p>
1263	Thước kẹp cơ khí 0- 150mm	<p>Dạng: Cơ; Loại 1/50 Phạm vi đo: 0 - 150mm (0 - 6 inch) Sai số: 0.7mm/m Chất liệu: Thép carbon cao cấp, Bền bỉ, chống mài mòn, chống gỉ sét tốt</p>

1264	Van tiết lưu khí nén ống phi 4 - PT1/4	Đường kính ống (đầu nhanh): Φ 4mm Kích thước ren (chân ren): Ren ngoài 1/4" (phi 13mm) Chất liệu: Hợp kim đồng và nhựa cao cấp, tích hợp núm vận điều chỉnh bằng tay Áp suất khí nén tối đa 1Mpa
1265	Van tiết lưu khí nén lắp trên đường ống phi 4	Đường kính ống (đầu nhanh): Φ 4mm Cắt ống PU theo 1 đường thẳng cắm thẳng vào van tiết lưu LSA Chất liệu: Hợp kim đồng và nhựa cao cấp, tích hợp núm vận điều chỉnh bằng tay Áp suất khí nén tối đa 1Mpa
1266	Đầu cos Y 1.0 mm ² bọc nhựa (vàng)	Đầu cos chữ Y bọc nhựa màu vàng Số lượng 100pcs/túi
1267	Đầu cos Y 1.0 mm ² bọc nhựa (đỏ)	Đầu cos chữ Y bọc nhựa màu đỏ Số lượng 100pcs/túi
1268	Đầu cos Y 1.0 mm ² bọc nhựa (đen)	Đầu cos chữ Y bọc nhựa màu đen Số lượng 100pcs/túi
1269	Dây điện đơn mềm 1x1mm ²	Quy cách: Cu/Pvc Ruột dẫn: Đồng 99,99%. Số lõi: 1; Số sợi đồng: 24 sợi, mỗi sợi đường kính 0,20 Kết cấu: Nhiều sợi bện Mặt cắt danh định: 1x1 Điện áp danh định: 300/500V Chiều dài đóng gói: 100m; Màu sắc: Vàng
1270	Dây điện đơn mềm 1x1mm ²	Quy cách: Cu/Pvc Ruột dẫn: Đồng 99,99%. Số lõi: 1; Số sợi đồng: 24 sợi, mỗi sợi đường kính 0,20 Kết cấu: Nhiều sợi bện Mặt cắt danh định: 1x1 Điện áp danh định: 300/500V Chiều dài đóng gói: 100m; Màu sắc: đỏ

1271	Dây điện đơn mềm 1x1mm ²	Quy cách: Cu/Pvc Ruột dẫn: Đồng 99,99%. Số lõi: 1; Số sợi đồng: 24 sợi, mỗi sợi đường kính 0,20 Kết cấu: Nhiều sợi bện Mật cắt danh định: 1×1 Điện áp danh định: 300/500V Chiều dài đóng gói: 100m; Màu sắc: đen
1272	Dây điện đơn mềm 1x1mm ²	Quy cách: Cu/Pvc Ruột dẫn: Đồng 99,99%. Số lõi: 1; Số sợi đồng: 24 sợi, mỗi sợi đường kính 0,20 Kết cấu: Nhiều sợi bện Mật cắt danh định: 1×1 Điện áp danh định: 300/500V Chiều dài đóng gói: 100m; Màu sắc: đen
1273	Dây điện đôi mềm 2x1.5mm ²	Quy cách: Cu/Pvc/Pvc Ruột dẫn: Đồng 99,99%. Số lõi: 2; Số sợi đồng: 30 sợi, mỗi sợi đường kính 0,25mm Kết cấu: Nhiều sợi bện Điện áp danh định: 300/500V Chiều dài đóng gói: 100m; Màu sắc: Vàng
1274	Máng nhựa đi dây tủ điện 25x25mm	Loại Máng nhựa Chất liệu PVC Kích thước (HxW) 25x25mm Chiều dài: 1.7m/cây
1275	Lạt nhựa 1x150mm	Kích thước: 1x150mm Màu sắc: trắng Chất liệu: Nhựa PA (Nylon 66) Đóng gói: 500 cái/túi
1276	Ổ cắm điện 4 lỗ châu đá năng dài 3m	Số ổ cắm: 4 ổ Chiều dài dây: 3m Công suất: ≥ 2200W Dòng điện: ≥ 10A 250V

1277	Vòng đánh số dây điện EC-1 2.5mm ²	Dánh dấu dây cáp điện EC-1 Dùng cho dây tiết diện từ: 0.75-3.5 mm ² Đường kính dây từ: 3.0-4.2 mm Chất liệu: nhựa PVC Mỗi cuộn 1 số. Hộp: 1000 số Màu: Vàng Số: 0~9
1278	Cầu đấu dây UK3N	Màu sắc: Màu xám Quy cách: UK3N. Tiết diện dây: 2.5mm ² (100psc/hộp) Dòng điện: ≥32A. Điện áp: ≥800V. Chất liệu: Đồng 100%. Kích thước: H41 x W43 x T6.2mm.
1279	Cầu nối terminal vặn vít dùng cho UK3N	Phù hợp cho cầu đấu dây UK3N Chất liệu: đồng, Brass Chức năng: Cầu nối hông Kiểu lắp đặt Lắp bên hông đầu nối cáp Đầu nối cáp tương thích cầu đấu dây UK3N Kích thước: (TxHxW) mm L59.8/H9.5/W5.9 mm Quy cách: 10 cục/thanh
1280	Cảm biến lưu lượng nước	Nguồn: 5 – 24V Dòng tiêu thụ : 10mA. Chịu áp lực đến: 1.75Mpa Lưu lượng đo: 1 – 30 (L/min) Nhiệt độ hoạt động: < 120 độ C Độ ẩm: 35% – 90% RH Kích thước: 61 x 36 x 34mm
1281	Cảm biến siêu âm	Điện áp hoạt động: 5VDC Dòng tiêu thụ: 10~40mA Tín hiệu giao tiếp: TTL Chân tín hiệu: Echo, Trigger. Góc quét:<15 độ Tần số phát sóng: 40Khz

1282	Cảm biến màu	<p>IC chính: TCS34725 Điện áp sử dụng: 3~5VDC Dòng tiêu thụ: 15mA Giải màu sắc đo: RGB 0~255 Tích hợp MCU xử lý và chuyển đổi giao tiếp. Giao tiếp có thể lựa chọn qua Jumper: I2C của TCS34725. I2C của MCU. UART của MCU. Kích thước: 24.3 x 26.7mm</p>
1283	Bộ cảm biến cân nặng loadcell + khung bàn cân mica	<p>Bộ cảm biến cân nặng loadcell + khung bàn cân mica Bộ cảm biến gồm có Module chuyển đổi HX711 Cảm biến Loadcell 1kg Bàn cân Mica lắp ráp Dây cắm tesboard</p>
1284	Module cảm biến gia tốc GY-521 MPU-6050 6DOF	<p>Module cảm biến gia tốc GY-521 MPU-6050 6DOF " hoặc tương đương" Chip: MPU-6050 (16bit ADC, 16bit data out) Giá trị Gyroscopes trong khoảng: +/- 250 500 1000 2000 degree/sec Giá trị Acceleration trong khoảng: +/- 2g, +/- 4g, +/- 8g, +/- 16g Giao tiếp: I2C Nguồn sử dụng: 3V - 5V (DC)</p>
1285	IC nhiệt LM35	<p>Điện áp hoạt động: 4~20VDC Công suất tiêu thụ: khoảng 60uA Khoảng đo: -55°C đến 150°C Điện áp tuyến tính theo nhiệt độ: 10mV/°C Sai số: 0.25°C Kiểu chân: TO92 Kích thước: 4.3 × 4.3mm</p>
1286	Điện trở nhiệt NTC 5D-15	<p>Điện trở ở 25°C: 5 Ohm Hệ số tản nhiệt (mW/°C):20 Thời gian nhiệt không đổi:76s Độ chính xác:± 10% Nhiệt độ hoạt động:-55 ~ 200°C Kích thước:16.5 x 7mm</p>

1287	Điện trở nhiệt PTC 15P	Đường kính thành phẩm: 15.5-16.0 mm Kích thước khuôn: 16mm Khoảng cách chân: 7.5 ± 0.5 mm Chiều dài chân (cắt): 5mm Điện trở: 70-130 ohm
1288	Arduino Uno R3 chip cắm (kèm dây cáp)	Điện áp hoạt động: 5v, Số chân Analog: 6, Số chân Digital: 14 (6 chân PWM), EEPROM: 1 KB (ATmega328P), Tốc độ: 16 MHz
1289	Bó dây cắm test board 65 sợi	Chiều dài dây: (100mm 49 chiếc) (150mm 8 chiếc) (200mm 4chiếc) (250mm 4chiếc) Số lượng: 65 dây Loại: 2 đầu đực - đực (male - male) Màu sắc: ngẫu nhiên Loại chân cắm: tròn
1290	Tuốc nơ vít 2 cạnh	Quy cách: Vít dẹp cán bầu màu 3.2mmx75mm (Trên thân tua vít ghi 3.2mm tương đương với 3mm - 3li)
1291	Ê tô bàn 8inch	Kích thước đế xoay: 8 inch (khoảng 200 mm) Trọng lượng khoảng: 20.5 kg Lực kẹp: 2.500 kg Chất liệu: Hợp kim thép, có độ cứng cao Đế xoay 360 độ linh hoạt
1292	Tuốc nơ vít 4 cạnh	Quy cách: Vít bake cán bầu màu xanh 6mmx150mm
1293	Role nhiệt 15A	Số cực: 3 Pha (3P). Dải dòng chỉnh: 12A - 18A (Thiết lập phổ biến ở 15A). Tiếp điểm phụ: 1NO + 1NC. Điện áp hoạt động (Ue): 690VAC. Điện áp cách điện (Ui): 690V. Điện áp thử nghiệm xung (Uimp): 6kV. Tương thích Contactor: S-T12

1294	Khởi động từ (Contactor) 12A 5.5kW AC200V 3P	Số cực: 3P Dòng định mức (AC-3): 12A Công suất (AC-3): 5,5Kw Điện áp cuộn hút (Coil): AC 200...240V, 50/60Hz Tiếp điểm phụ: 1NO + 1NC (1 thường mở + 1 thường đóng) Kích thước (R x C x S): Khoảng 43x75x78mm
1295	Kìm tuốt dây điện đa năng	Loại đa năng Tước dây điện cỡ: 0.8 - 1.0 - 1.6 2.0 - 2.6mm ² , 12/14~18/20
1296	Tủ nhựa mini 4 tầng	Kích thước 26x18x32 Chất liệu: nhựa KT: 26x18x32 cm (cao 32 cm)
1297	Tủ đựng đồ nghề 3 ngăn	Chất liệu: Thép hợp kim, sơn tĩnh điện Màu sắc: đỏ Trọng lượng: 21kg Số ngăn: 3 Bánh xe: 4 Kích thước có bánh xe: 800x420x920mm
1298	Dao cắt đồ mũi 4mm	Kích thước cán 10x18x100; hàn mảnh hợp kim
1299	Dao tiện ngoài 45° hợp kim	Kích thước cán 10x18x100; hàn mảnh hợp kim
1300	Dao tiện ngoài 90° hợp kim	Kích thước cán 10x18x100; hàn mảnh hợp kim
1301	Dao tiện lỗ 90° hợp kim kích thước	Kích thước cán 9x9x120, hàn mảnh hợp kim
1302	Mũi khoan tâm 4mm, góc côn 60°	Mũi khoan tâm máy tiện, góc 60°; đường kính nhỏ fi4mm
1303	Dao tiện thép gió HSS	Thanh thép gió vuông 10x10x200mm
1304	Thép vuông 75x75x1000mm	Vật liệu: Thép Kích thước 75x75x1000mm
1305	Lưỡi cưa vòng 4030mm bán 27 x 0.9mm	Kích thước: 27 x 0.9 mm (bề ngang x dày) Kích thước lưỡi: 2/3, 3/4 và 4/6 TPI Dùng để cắt nhiều loại sắt (Mold Steels, Carbon Steels, Stainless Steels, Alloy Steels, Tool Steels) Robust cạnh M42 chịu mài mòn cao tốt

1306	Hộp xít chống rỉ sét 350g	Dạng xít Dung tích: 350g
1307	Dao phay đuôi én thép gió góc 60°	Vật liệu: Thép gió Góc dao 60 độ Đường kính đầu dao: phi 30mm Đường kính cán dao: phi 16mm Chiều dài lưỡi 12.5mm
1308	Dao phay rãnh chữ T 25x10mm	Vật liệu: Thép gió Đường kính: Phi 25mm Độ dày: 10mm
1309	Dầu bôi trơn 68	Loại dầu rãnh trượt có các phụ gia tạo dính, chống mài mòn và khả năng bôi trơn tốt để đáp ứng các yêu cầu bôi trơn rãnh, bàn trượt của các máy công cụ, máy CNC
1310	Dây cắt 0.18mm cho máy cắt dây EDM	Dây Molipden, đường kính dây 0,18mm (Hộp màu cam)
1311	Nhôm tròn hợp kim phi 32	Loại nhôm: A6061 Nhôm thanh tròn phi 32; 15 thanh; mỗi thanh dài 1000mm
1312	Nhôm tròn hợp kim phi 40	Loại nhôm: A6061 Nhôm thanh tròn phi 40; 10 thanh; mỗi thanh dài 1000mm
1313	Đồng thau đặc phi 32	Đồng tròn đặc Kích thước: 32x1000mm
1314	Đồng thau đặc phi 28	Đồng tròn đặc Kích thước: 28x1000mm
1315	Bát phay lắp chip 1604 BAP400R, dài phay gắn chip đứng apmt1604	Bát phay BAP400R thiết kế lắp chip đứng mã chip APMT1604 BAP400R 80-27-5T
1316	Mảnh chip phay APMT1604	Mảnh phay APMT1604 PDER - M2 VP15TF - MITSUBISHI MATERIALS (1 hộp 10 mảnh) Lớp phủ siêu cứng gia công thép, inox, hợp kim thép - Sử dụng lắp vào cán dao phay
1317	Cán dao tiện ren ngoài 2020 (loại ren đứng 1-3mm) AG60	Ren phải Gắn được các loại mảnh dao 16ER AG60
1318	Chíp tiện ren tam giác trong hệ mét 16 IR AG60 (chuyên thép)	Lắp vừa với cán dao 16 tiện ren trong - SNR0016Q16 (góc ren 60°) 10 cái/1 hộp Độ dày: 4mm (chuyên gia công thép)

1319	Chíp tiện ren ngoài 16 ER AG60 (chuyên thép)	Lắp vừa với cán AG60 10 cái/1 hộp Kích thước: 16x16mm Độ dày: 4mm (chuyên gia công thép)
1320	Dao phay cao tốc hợp kim	Dao cán thép thường, hàn mảnh hợp kim; Kích thước 15x15x60mm
1321	Dao phay đuôi trụ phi 10mm	Dao phay ngón thép gió Ø10mm - Đường kính cắt 10mm; Đường kính chuôi 10mm; Chiều dài lưỡi cắt 22mm; Tổng chiều dài 72mm
1322	Dao phay đuôi trụ phi 8mm	Dao phay ngón thép gió Ø8mm - Đường kính cắt 8mm; Đường kính chuôi 8mm; Chiều dài lưỡi cắt 19mm; Tổng chiều dài 63mm
1323	Dao phay đuôi trụ phi 6mm	Dao phay ngón thép gió Ø6mm - Đường kính cắt 6mm; Đường kính chuôi 6mm; Chiều dài lưỡi cắt 15mm; Tổng chiều dài 50mm
1324	Thép tròn C45 phi 28	Thép hợp kim với hàm lượng cacbon từ 0.42-0.5%; Kích thước: 28x6000mm (6 cây dài 6m)
1325	Thép tròn C45 phi 30	Thép hợp kim với hàm lượng cacbon từ 0.42-0.5%; Kích thước: 30x6000mm (5 cây dài 6m)
1326	Thép tròn C45 phi 32	Thép hợp kim với hàm lượng cacbon từ 0.42-0.5%; Kích thước: 32x6000mm
1327	Dao phay ngón 4SE8	Đường kính lưỡi dao: 8mm; Chiều dài lưỡi dao 20mm; Biên dạng lưỡi vuông; Số lưỡi cắt 4; Đường kính cán 10mm; Tổng chiều dài 65mm; Vật liệu gia công: các loại sắt, gang, nhôm, đồng
1328	Đá mài hợp kim, kích thước 127x40x400 mm	Kích thước 127x40x400mm Dùng mài hợp kim
1329	Đá mài thép thường, kích thước 127x40x400 mm	Kích thước 127x40x400mm Dùng mài thép
1330	Chổi quét phoi loại to	Vật liệu ngoài: Nhựa cứng Khối lượng: ~ 50 g Kích thước: 7.5 cm * 20 cm Chất liệu: sợi lông và cán nhựa

1331	Hộp mực cho máy in Canon LBP 2900	Asta 12A/103 Universal Màu mực: Đen; Công nghệ in : Laser; Trang in: 2800 trang A4 với bản in có độ phủ mực 5% Tương thích: Canon LBP 2900
1332	Hộp mực cho máy in Máy in pantum M6702DW	Màu mực: Đen; Công nghệ in : Laser; Trang in: 3000 trang A4 với bản in có độ phủ mực 5% Tương thích: Máy in pantum M6702DW
1333	Giấy in A4	Khổ A4 (500sheets/ Ream). Định lượng : 70gsm. Đóng gói tại : 500 tờ/ream.
1334	Hộp mực dùng cho máy in Canon LBP 243dw/ 246dw/ MF462dw/	Loại In: Laser MF465dw/ MF469x Năng suất hộp/lo mực (trang A4): 3000 trang (độ phủ 5%) Màu sắc: Đen Tương thích với máy: Canon LBP 243dw/ 246dw/ MF462dw/
1335	Thùng rác nhựa 120 lít	Kích thước: 56 x 46.5 x 94.6 cm Chất liệu: 100% nhựa HDPE Trọng lượng khoảng: 8 kg Đường kính bánh xe: 19cm Màu sắc: Màu vàng
1336	Ổ cắm điện 6 lỗ châu đa năng dài 5m	Số ổ cắm: 6 ổ đa năng 3 chấu Tiết diện dây: 2x0.75mm Chiều dài dây: ≥5m Số công tắc : 2 Công suất: ≥ 2200W Dòng điện: ≥10A Bảo vệ quá tải: CB
1337	Chổi chít quét nhà cán nhựa	Vật liệu: từ bông cỏ với cán được bọc nhựa
1338	Thước đo sâu 0-150mm	Loại: thước cơ Kích thước: 100mm x 6.5mm (Đề) Dải đo: 0~150mm Cấp chính xác: 0.03mm Độ phân giải: 0.02mm
1339	Thước panme đo ngoài cơ khí 0-25mm	Loại: panme cơ Kiểu đo: panme đo ngoài Phạm vi đo 0-25mm. Độ phân giải 0,01mm. Độ chính xác ±2μm

1340	Thước Panme đo ngoài cơ khí 25-50mm	Loại: panme cơ Kiểu đo: panme đo ngoài Phạm vi đo 25-50mm. Độ phân giải 0,01mm. Độ chính xác $\pm 2\mu\text{m}$
1341	Thước đo độ sâu điện tử 0-150mm	Dải đo : 0-150mm/0-6" Độ phân giải : 0.01mm/0.0005" Độ chính xác : $\pm 0.03\text{mm}$ Làm bằng thép không gỉ (trừ chân đế)
1342	Thước Panme đo trong 25-50mm x 0.01	Loại: panme cơ Kiểu đo: panme đo trong Phạm vi đo 25-50mm. Độ phân giải 0,01mm. Độ chính xác $\pm 6\mu\text{m}$
1343	Thép tấm 3x200x1200 mm	SS400 kích thước 3x200x1200 mm
1344	Thép tập 2x200x1200 mm	SS400 kích thước 2x200x1200 mm
1345	Que hàn điện phi 2.5mm	Đạt tiêu chuẩn AWS A5.1 E6013, loại $\text{E} 2.5$;GB/T5117 E4313; ISO 2560 – B – E 43 13 A Đường kính: 2.5mm Chiều dài que hàn: 300mm
1346	Que hàn điện phi 3.2mm	Đạt tiêu chuẩn AWS A5.1 E6013, loại $\text{E} 3.2$; GB/T5117 E4313; ISO 2560 – B – E 43 13 A Đường kính: 3.2mm Chiều dài que hàn: 350mm
1347	Que bù Tig	Que hàn tig thép, đường kính 2.4 mm, loại đóng hộp 5 kg
1348	Kim hàn Tig	Loại WT20 2.4x175mm, theo tiêu chuẩn AWS A5.12M-98 (Kim hàn thép đen, đầu sơn đỏ)
1349	Dây hàn Mag	Loại dây hàn, đường kính 0.9 mm, Theo tiêu chuẩn Quốc tế AWS A5.18 ER70S-6. JIS YGWW12, đóng gói 15kg/cuộn
1350	Ống đồng phi 10x0.61mm cuộn dài 15m	Dùng trong nhiệt lạnh loại $\text{E} 10/6$ (đường kính 10, dày 0.6 mm)
1351	Que hàn vảy bạc	Que hàn vảy bạc Kích thước: 1.3x3.2x457mm, tiêu chuẩn AWS A5.8
1352	Gang tay da	Loại da bò, dùng trong hàn điện, loại mềm dài, chống cháy, cách nhiệt

1353	Gang tay len	Loại dùng làm bảo hộ, chống trơn trượt, thấm hút mồ hôi tốt, không sủi lông
1354	Que hàn thiếc	Dạng thanh tròn, tam giác, có đường kính hoặc cạnh từ 8-10 mm hoặc dẹt dạng sợi 2x15mm
1355	Khí ô xy	Dùng để hàn, loại bình dung tích 40 lít, áp suất làm việc 150 bar
1356	Khí Ar	Dùng để hàn, loại bình dung tích 40 lít, Áp suất làm việc : 150 bar
1357	Khí CO2	Dùng để hàn, loại chai chứa dung tích 40 lít, nạp 25 kg CO2, áp suất làm việc 150 bar (=150 kg/cm ²)
1358	Khí C2H2	Dùng để hàn, loại chai dung tích 40L, áp suất nạp tối đa 2 MPA, Nạp 10 kg Aceton và 6 kg acetylen
1359	Khí GAS	Dùng để hàn, loại bình hóa lỏng ruột 12kg hoặc vỏ 13 kg
1360	Mắt kính hàn	Kích thước kính: 108 x 51 mm Tiêu chuẩn ANSI Z87.1
1361	Bếp cắt hơi	Cỡ bếp cắt số 1
1362	Kìm hàn 500A	loại nhựa cứng, chống va đập, đầu kẹp que hàn sản xuất bằng đồng khối rất chắc chắn, chịu nhiệt cao, tay cầm chống trượt, Dòng điện 500A.
1363	Giấy in A4	Kích thước: 21x29.7 cm; Định lượng: 70gsm; độ trắng 90; Quy cách: 500 tờ/ream
1364	Hộp mực cho máy in HP Laser P1102 (85A)	Màu mực: Đen; Công nghệ in : Laser; Trang in: 2800 trang A4 với bản in có độ phủ mực 5% Tương thích: HP Laser P1102
1365	Hộp mực cho máy in HP LaserJet Pro M404dw HP (76A)	Màu mực: Đen; Công nghệ in : Laser; Trang in: 2800 trang A4 với bản in có độ phủ mực 5% Tương thích: HP LaserJet Pro M404dw
1366	Hộp mực cho máy in HP Pro M402dn (26A)	Màu mực: Đen; Công nghệ in : Laser; Trang in: 2800 trang A4 với bản in có độ phủ mực 5% Tương thích: HP Pro M402dn

1367	Chuột quang máy tính có dây USB	Kết nối USB 2.0 Màu sắc Đen Dạng cảm biến Optical Số nút bấm 3
1368	Bàn phím máy tính	Kiểu kết nối: Có dây Chuẩn kết nối: USB Màu sắc: đen Phím chức năng: Standard
1369	Nhựa in 3D Resin UV Anycubic (loại 1Kg) - White	Loại 1Kg - White Độ cứng: 79D Độ nhớt (25°C): 552 mPa·s Bước sóng đóng rắn: 405 nm Khối lượng riêng (dạng lỏng): 1.1 g/cm ³ Khối lượng riêng (dạng rắn): 1.184 g/cm ³ Độ co ngót: 7.1% Độ bền kéo: 23.4 MPa Thời gian đóng rắn: 6–10 giây Độ giãn dài khi đứt: 14.2%
1370	Nhựa in 3D Resin UV Anycubic (loại 1Kg) - Black	Loại 1Kg - Black Độ cứng: 79D Độ nhớt (25°C): 552 mPa·s Bước sóng đóng rắn: 405 nm Khối lượng riêng (dạng lỏng): 1.1 g/cm ³ Khối lượng riêng (dạng rắn): 1.184 g/cm ³ Độ co ngót: 7.1% Độ bền kéo: 23.4 MPa Thời gian đóng rắn: 6–10 giây Độ giãn dài khi đứt: 14.2%
1371	Nhựa in 3D Resin UV Anycubic (loại 1Kg) - Grey	Loại 1Kg - Grey Độ cứng: 79D Độ nhớt (25°C): 552 mPa·s Bước sóng đóng rắn: 405 nm Khối lượng riêng (dạng lỏng): 1.1 g/cm ³ Khối lượng riêng (dạng rắn): 1.184 g/cm ³ Độ co ngót: 7.1% Độ bền kéo: 23.4 MPa Thời gian đóng rắn: 6–10 giây Độ giãn dài khi đứt: 14.2%

1372	Nhựa in 3D ABS	Nhiệt độ in: 230-270°C Nhiệt độ bàn in: 90-110°C Tốc độ in: 50-90mm/s Độ bền kéo: 40-50MPa Nhiệt độ biến dạng nhiệt: 90-105°C Khối lượng riêng: ~1.04 g/cm ³
1373	Nhựa in 3D Pegt	Nhiệt độ in: 235-255°C Nhiệt độ bàn in: 70-85°C Tốc độ in: 40-60mm/s Độ bền kéo: 50-54MPa Nhiệt độ biến dạng nhiệt: 70-80°C Khối lượng riêng: ~1,27g/cm ³
1374	Chất hiện hình vết nứt mối hàn Số 4	Chất hiện hình vết nứt mối hàn Dung tích 450ml màu sắc: Chai màu trắng Công dụng: Phát hiện các khuyết tật mối hàn bằng mắt thường
1375	Nhôm tấm hợp kim A6061	Kích thước: rộng 120 x dày 40 mm Chiều dài ≥ 500mm
1376	Dây display port to HDMI	Full HD (1080p@60Hz) Chuyển đổi từ cổng DisplayPort sang HDMI
1377	Dây nguồn dùng cho PC và các thiết bị tương thích	Điện áp định mức: 250V AC, Dòng điện định mức: ≥16A Cấu tạo lõi dây: 3 lõi đồng (Dây nóng, dây nguội, dây tiếp địa). Tiết diện lõi: 3x0.75mm ² Đường kính ngoài (OD): Khoảng 6.8mm - 7.5mm. Vỏ dây: Nhựa PVC chịu nhiệt, độ bền cao, chống cháy lan.
1378	Dây cáp HDMI 10M	Dài ≥10 m
1379	Đá cắt sắt, inox phi 100	Hộp 50 viên - ĐC04
1380	Đá mài phi 100 mm 100x6x16mm	Phi 100 mm 100x6x16mm - damai (Hộp 25v)
1381	Đá ráp xếp đủ cấp độ từ thô tới mịn	D100 10 viên
1382	Mũi mài trụ cốt 6mm phi lớn đủ size từ 18mm-25mm	Size 18 mm-25mm chuyên dụng tạc tượng, mài khuôn

1383	Bộ 10 mũi đá mài mini dùng cho máy khoan điện đa năng cầm tay	<p>Đường kính chuôi: 6mm. Bao gồm:</p> <p>1 mũi mài hình trụ 19x26mm; 1 mũi mài viên đạn loại 14x25mm 1 mũi mài nón 25x38mm 1 mũi mài chữ T 25x13mm 1 mũi mài tròn 23x24mm</p> <p>Đường kính: 3mm. Bao gồm:</p> <p>1 mũi mài viên đạn loại 10x18mm 1 mũi hình nón hồng 13x21mm 1 mũi hình nón xám 13x21mm, 1 mũi chữ T 12x13mm 1 mũi tròn 12x12mm</p>
1384	Giấy nhám tinh P240	<p>Kích thước: 230 × 280 mm</p> <p>Cấu tạo: 1 mặt giấy + 1 mặt hạt mài silicon carbide (SiC)</p> <p>Độ hạt P240</p> <p>Chất liệu hạt mài: Silicon Carbide</p> <p>Màu sắc: xanh hoặc xanh đen</p>
1385	Bút dạ kính	<p>2 đầu bút kích thước : 0.8 mm và 6mm</p> <p>Độ bám dính của mực tốt trên các vật liệu: Giấy, gỗ, da, nhựa, thủy tinh, kim loại, gốm, sứ, đĩa CD.</p>
1386	Khăn mềm vệ sinh máy tính	Khăn mềm kích thước 30 x 30 cm
1387	Hộp xịt chống rỉ sét 350g	<p>Dạng xịt</p> <p>Dung tích: 350g</p>
1388	Hạt nhựa PP xanh	<p>Màu xanh</p> <p>Khối lượng riêng: 0.90 – 0.92 g/cm³</p> <p>Độ bền kéo: 25 – 40 MPa</p> <p>Độ giãn dài khi đứt: 200 – 600%</p> <p>Độ cứng (Shore D): 60 – 75D</p> <p>Mô đun đàn hồi: 1.2 – 1.8 Gpa</p>
1389	Hạt nhựa PP trắng	<p>Màu trắng</p> <p>Khối lượng riêng: 0.90 – 0.92 g/cm³</p> <p>Độ bền kéo: 25 – 40 MPa</p> <p>Độ giãn dài khi đứt: 200 – 600%</p> <p>Độ cứng (Shore D): 60 – 75D</p> <p>Mô đun đàn hồi: 1.2 – 1.8 Gpa</p>
1390	Bộ taro và bàn ren 40 chi tiết	<p>M3 x 0.5, M3x0.5, M4x0.75, M4x0.7, M5x0.9, M5x0.8, M6x1.0, M6x0.75, M7x1.0, M7x0.75, M8x1.25, M8x1.0, M10x1.5, M10x1.25, M12x1.75, M12x1.5</p> <p>1 tay quay tarô M25 (1") - 1 tay quay tarô M3-M12 (1/16 – 1/2) - 1 vít d ẹp - 1 dư ỡng đo ren - 1 tay quay chữ T</p>

1391	Dao phay ngón - phay nhựa, nhôm phi 4	Phi 4 mm
1392	Dao phay ngón - phay nhựa, nhôm phi 6	Phi 6 mm
1393	Dao phay ngón - phay nhựa, nhôm phi 8	Phi 8 mm
1394	Dao phay ngón - phay nhựa, nhôm phi 10	Phi 10 mm
1395	Dao phay ngón - phay nhựa, nhôm phi 12	Phi 12 mm
1396	Mũi cắt mica CNC xoắn 1 me -Phi 2	Phi 2 mm
1397	Mũi cắt mica CNC xoắn 1 me -Phi 3	Phi 3 mm
1398	Mũi cắt mica CNC xoắn 1 me -Phi 4	Phi 4 mm
1399	Bộ chấu kẹp collet ER20 (lỗ 4)	Loại: ER20 – 4 mm Đường kính ngoài (OD): ~21 mm Chiều dài (L): ~31.5 mm Góc côn: 8° Thép lò xo hợp kim (Spring steel) Độ cứng: HRC 44 – 48
1400	Bộ chấu kẹp collet ER20 (lỗ 6)	Loại: ER20 – 6 mm Đường kính ngoài (OD): ~21 mm Chiều dài (L): ~31.5 mm Góc côn: 8° Thép lò xo hợp kim (Spring steel) Độ cứng: HRC 44 – 48
1401	Bộ chấu kẹp collet ER20 (lỗ 8)	Loại: ER20 – 8 mm Đường kính ngoài (OD): ~21 mm Chiều dài (L): ~31.5 mm Góc côn: 8° Thép lò xo hợp kim (Spring steel) Độ cứng: HRC 44 – 48
1402	Bộ chấu kẹp collet ER20 (lỗ 10)	Loại: ER20 – 10 mm Đường kính ngoài (OD): ~21 mm Chiều dài (L): ~31.5 mm Góc côn: 8° Thép lò xo hợp kim (Spring steel) Độ cứng: HRC 44 – 48

1403	Bộ chấu kẹp collet ER20 (lỗ 12.7)	<p>Loại: ER20 – 12.7 l mm Đường kính ngoài (OD): ~21 mm Chiều dài (L): ~31.5 mm Góc côn: 8° Thép lò xo hợp kim (Spring steel) Độ cứng: HRC 44 – 48</p>
1404	Máy khoan bàn 1m	<p>Hành trình khoan (độ sâu khoan): 70 (mm) Khoảng cách từ búp khoan đến mâm khoan: 304 (mm) Khoảng cách từ búp khoan đến mâm khoan đẽ: 560 (mm) Khoảng cách từ tâm mũi khoan đến mặt ống trụ: 165.5 (mm) Đường kính ống trụ: Ø75 (mm) Đường kính mũi khoan: Ø3 – Ø16 (mm) Motor: 1/2Hp-1phase- 4P (option: Tùy chọn) Tốc độ (vòng/phút): 480-725-1025-1405 Kích thước máy: 640x340x1000 mm</p>
1405	Mũi khoan 3.3mm	<p>Kích thước: 3.3 mm Vật liệu gia công: Sắt, thép <30HRC, Gang, Đồng Phủ bề mặt: Đen – homo Kiểu chuôi: Chuôi trụ</p>
1406	Mũi khoan 4.2mm	<p>Kích thước: 4.2 mm Vật liệu gia công: Sắt, thép <30HRC, Gang, Đồng Phủ bề mặt: Đen – homo Kiểu chuôi: Chuôi trụ</p>
1407	Mũi khoan 5mm	<p>Kích thước: 5 mm Vật liệu gia công: Sắt, thép <30HRC, Gang, Đồng Phủ bề mặt: Đen – homo Kiểu chuôi: Chuôi trụ</p>
1408	Mũi khoan 6.7mm	<p>Kích thước: 6.7 mm Vật liệu gia công: Sắt, thép <30HRC, Gang, Đồng Phủ bề mặt: Đen – homo Kiểu chuôi: Chuôi trụ</p>

1409	Mũi khoan 8.5mm	<p>Kích thước: 8.5 mm Vật liệu gia công: Sắt, thép <30HRC, Gang, Đồng Phủ bề mặt: Đen – homo Kiểu chuôi: Chuôi trụ</p>
1410	Ta rô M4x0.7 - 2 mũi	<p>Kích thước ren: M4 Bước ren: 0.7 mm (ren hệ mét tiêu chuẩn) Loại ren: Ren hệ mét ISO, ren phải Bộ gồm: 1 mũi taro thô 1 mũi taro tinh Vật liệu: Thép gió HSS hoặc HSS-E Độ cứng: ~HRC 62–65 Dạng rãnh: Rãnh thẳng hoặc xoắn Chiều dài tổng: ~50–60 mm Chuôi: Chuôi vuông tiêu chuẩn để gắn tay quay taro</p>
1411	Ta rô M5x0.8 - 2 mũi	<p>Kích thước ren: M5 Bước ren: 0.8 mm (ren hệ mét tiêu chuẩn) Loại ren: Ren hệ mét ISO, ren phải Bộ gồm: 1 mũi taro thô 1 mũi taro tinh Vật liệu: Thép gió HSS hoặc HSS-E Độ cứng: ~HRC 62–65 Dạng rãnh: Rãnh thẳng hoặc xoắn Chiều dài tổng: ~50–60 mm Chuôi: Chuôi vuông tiêu chuẩn để gắn tay quay taro</p>
1412	Ta rô M6x1.0 - 2 mũi	<p>Kích thước ren: M6 Bước ren: 1.0 mm (ren hệ mét tiêu chuẩn) Loại ren: Ren hệ mét ISO, ren phải Bộ gồm: 1 mũi taro thô 1 mũi taro tinh Vật liệu: Thép gió HSS hoặc HSS-E Độ cứng: ~HRC 62–65 Dạng rãnh: Rãnh thẳng hoặc xoắn Chiều dài tổng: ~50–60 mm Chuôi: Chuôi vuông tiêu chuẩn để gắn tay quay taro</p>

1413	Ta rô M8x1.25 - 2 mũi	<p>Kích thước ren: M8 Bước ren: 1.25 mm (ren hệ mét tiêu chuẩn) Loại ren: Ren hệ mét ISO, ren phải Bộ gồm: 1 mũi taro thô 1 mũi taro tinh Vật liệu: Thép gió HSS hoặc HSS-E Độ cứng: ~HRC 62–65 Dạng rãnh: Rãnh thẳng hoặc xoắn Chiều dài tổng: ~63 mm Chuôi: Chuôi vuông tiêu chuẩn để gắn tay quay taro</p>
1414	Ta rô M10x1.5 - 2 mũi	<p>Kích thước ren: M10 Bước ren: 1.5 mm (ren hệ mét tiêu chuẩn) Loại ren: Ren hệ mét ISO, ren phải Bộ gồm: 1 mũi taro thô 1 mũi taro tinh Vật liệu: Thép gió HSS hoặc HSS-E Độ cứng: ~HRC 62–65 Dạng rãnh: Rãnh thẳng hoặc xoắn Chiều dài tổng: ~75 mm Chuôi: Chuôi vuông tiêu chuẩn để gắn tay quay taro</p>
1415	Khung cửa sắt 300mm	<p>Khung: Hợp kim kim loại chắc chắn Kích thước khung: 300 mm (12 inch) Tay cầm: Nhôm + nhựa ABS + cao su TPR chống trượt Góc cắt điều chỉnh: 45° và 90° Cơ chế: Thay lưỡi nhanh, không cần dụng cụ hỗ trợ Độ căng lưỡi: Có thể điều chỉnh</p>
1416	Bộ mũi khoan inox HSS-Co 19 cái (1.0-10mm)	<p>Bộ sản phẩm gồm 19 mũi khoan có kích thước từ 1.0mm đến 10.0mm, bước nhảy 0.5mm, Vật liệu: Thép HSS-Co Kích thước bao gồm: 1.0, 1.5, 2.0, 2.5, 3.0, 3.5, 4.0, 4.5, 5.0, 5.5, 6.0, 6.5, 7.0, 7.5, 8.0, 8.5, 9.0, 9.5, 10.0 (mm)</p>

1417	Máy in Laser	<p>Chức năng: Đơn năng, In laser đen trắng Độ phân giải: 1200 x 1200 dpi Khô giấy: A4, A5, B5, Letter Khay giấy: Khay giấy ra 150 tờ; Khay 3 tùy chọn 550 tờ; Khay 1 đa năng 100 tờ, Khay 2 nạp giấy 250 tờ Kết nối: 1 USB 2.0 tốc độ cao; 1 cổng chủ USB ở phía sau; Mạng Gigabit Ethernet 10/100/1000BASE-T; 802.3az(EEE) Bình thường: Lên đến 38 trang/phút Màn hình: đồ họa LCD 2 dòng In 2 mặt: Tự động (mặc định) Bộ nhớ tiêu chuẩn: 256 MB Kích thước: khoảng 381 x 357 x 216 mm</p>
1418	Thước cặp cơ khí 0-100mm	<p>Phạm vi đo 0 - 100 mm Độ chia: 0.05mm Độ chính xác ± 0.05mm</p>
1419	Tuốc nơ vít 4 cạnh (loại to)	<p>Loại: 4 cạnh Kích thước: 8x200mm</p>
1420	Tuốc nơ vít 4 cạnh (loại nhỏ)	<p>Loại: 4 cạnh Kích thước: 3.2x100mm</p>
1421	Tuốc nơ vít 2 cạnh (loại to)	<p>Loại: 2 cạnh Kích thước: 8x200mm</p>
1422	Tuốc nơ vít 2 cạnh (loại nhỏ)	<p>Loại: 2 cạnh Kích thước: 3.2x100mm</p>
1423	Kìm răng cầm tay 6 inch	<p>Kích thước: 6 inch - 16cm</p>
1424	Búa nhỏ 200g	<p>Vật liệu: Hợp kim thép cứng Cán gỗ chắc chắn Trọng lượng khoảng: 200g</p>
1425	Bộ cờ lê 14 chi tiết 8 - 32mm	<p>Bộ Cờ lê dạng 1 đầu hờ 1 đầu tròn Gồm 14 Cái: 8,10,11,12,13,14,15,17,19,22,24,27,30,32 mm Chất liệu thép Crôm- Vanadi</p>
1426	Bộ lục giác hệ inch	<p>Gồm 9 cỡ: 1/16, 5/64, 3/32, 1/8, 5/32, 3/16, 1/4, 5/16, 3/8 Đầu dài được thiết kế đầu bi "Ball Point" Trọng lượng khoảng: 420g</p>
1427	Búa nhôm đầu tròn có tiết diện: 40 mm	<p>Loại búa đầu tròn,</p>

1428	Búa cao su 225g	<p>Trọng lượng đầu búa khoảng: 225g Kích thước tổng thể (tham khảo): Dài: ~300 mm Rộng: ~80 mm Cao: ~50 mm Đầu búa: Cao su đặc Cán búa: Sợi thủy tinh Tay cầm: Phủ chống trượt</p>
1429	Ổ cắm điện 6 lỗ châu đa năng, dài 3m	<p>Số ổ cắm: 06 ổ đa năng Chiều dài dây dẫn: 3m Tiết diện dây dẫn: 2x0.75mm Số lõi dây: 02 Lõi Công suất: $\geq 2200W$ Dòng điện: $\geq 10A$ Bảo vệ quá tải, ngắn mạch Bảng aptomat 10A Số công tắc: 02 Cái Phích cắm tương ứng hầu hết tất cả các loại phích cắm trên thế giới</p>
1430	Ổ cắm điện 6 lỗ châu đa năng, dài 5m	<p>Số ổ cắm: 06 ổ đa năng Chiều dài dây dẫn: 5m Tiết diện dây dẫn: 2x0.75mm Số lõi dây: 02 Lõi Công suất: $\geq 2200W$ Dòng điện: $\geq 10A$ Bảo vệ quá tải, ngắn mạch Bảng aptomat 10A Số công tắc: 02 Cái Phích cắm tương ứng hầu hết tất cả các loại phích cắm trên thế giới</p>
1431	Máy mài góc 100mm	<p>Điện áp: 220V Công suất: $\geq 840W$ Đường kính lưỡi cắt: 100mm Tốc độ không tải: 11000 vòng/phút Tính năng: Cách điện kép Trọng lượng khoảng: 1,9kg Kích thước: 271x118x97mm Phụ kiện đi kèm Đá cắt tâm trung, Chụp bảo vệ, Tay cầm bên, Cờ lê hãm đai ốc. Công tắc: Trượt/Cạnh</p>
1432	Mẫu thử kéo phi 12x dài 76mm	Vật liệu thép C45
1433	Mẫu thử mối phi 12x dài 146mm	Vật liệu thép C45

1434	Giấy in A4	Kích thước: 21x29.7 cm; Định lượng: 70gsm; độ trắng 90; Quy cách: 500 tờ/ream
1435	Hộp mực cho máy in Brother HL-B2180DW (Không có cụm tang trống)	Tương thích cho máy in Brother HL-B2180DW Loại mực: In laser trắng đen Dung lượng: 2.600 trang độ phủ 5% Bảo hành: 12 tháng hoặc đến hết mực.
1436	Hộp mực cho máy in HP Laser Jet Pro 4003 dn (Bao gồm cả cụm tan trống)	Tương thích cho máy in HP Pro 4003dn, M4003dw, MFP 4102fdn, 4103fdw Loại mực : Laser Màu mực : Đen Xuất xứ : Trung Quốc.
1437	Giấy in A4	Kích thước: 21x29.7cm; Định lượng: 70gsm; độ trắng 90; Quy cách: 500 tờ/ream
1438	Vải mộc	Khổ 1m5
1439	Băng dính đánh dấu trên ma nơ canh (màu đen)	3mm x 20m
1440	Giấy xi măng (Kraft)	Kích thước: 72 x102 cm
1441	Chì kẻ chẳng máy xoáy đầu	Dài 20 cm
1442	Kem nền BB chống nắng tông tự nhiên.	Hộp 30ml
1443	Bút kẻ mắt dạng lỏng 2 Trong 1 không thấm nước	2 đầu trong 1 khô nhanh chống nước không nhòe màu đen nâu 1.2g cao cấp
1444	Kẹp mi nhiệt	Kích thước: 129 x 40 x 31mm
1445	Mút trang điểm hình tam giác (màu be)	Kích thước: 5x5x2cm
1446	Lưỡi dao lam	10 chiếc/hộp
1447	Máy uốn tóc xoắn tạo xoắn	6X10x29cm
1448	Máy dập phồng tóc bản vuông lưỡi dập phủ Ceramic	Kích thước 135x140cm
1449	Giấy in A4	Kích thước: 21x29.7cm; Định lượng: 70gsm; độ trắng 90; Quy cách: 500 tờ/ream
1450	Vải thô may áo sơ mi	Khổ rộng 1,5m, thành phần 100% cotton, màu trắng
1451	Vải thô may quần	Khổ rộng 1,5m, thành phần 100% cotton, gam màu tối
1452	Giấy bìa carton	Khổ 150 cm

1453	Chỉ may 5000m màu trắng	5000m/cuộn - màu trắng
1454	Chỉ may 5000m màu đen	5000m/cuộn - màu đen
1455	Mex vải may cổ áo sơ mi, cặp quần	Khô 150 cm
1456	Vải thô may lót túi quần	Khô 150 cm, thành phần 100% cotton
1457	Cúc áo sơ mi	Đường kính 1cm, màu trắng
1458	Cúc quần	Đường kính 1,3 cm, màu tối
1459	Áo Polo nam thể thao phối bo tay	Mã: MAPO25A470-SN019-S" Size L, màu Nâu
1460	Áo Polo nữ cơ bản dáng suông	Chất liệu: Sợi tổng hợp Mẫu: Tron Phong cách" Thể thao, Cơ bản, Tối giản Petite: Không Xuất xứ: Việt Nam Chiều dài tay áo: Tay ngắn Mùa: Mùa hè Size L, màu Hồng
1461	Mic lapel không dây thu âm điện thoại - Kẹp ngực ghi âm chống ồn	Bộ Sản Phẩm Gồm Có: 2 mic, 1 receiver (kết nối điện thoại), 1 còi sạc, 1 dây cáp Type-C, 1 hướng dẫn sử dụng.
1462	Đèn ledring YG- 18	Kích thước: đường kính ngoài 45cm Đường kính trong: 35cm Màu sắc: đen Cường độ ánh sáng: 3700-5500K Ánh sáng: Trắng Phụ kiện đi kèm: (1 bộ chân & 1 bóng đèn , remote, bộ nguồn adapter, gắn điện thoại, túi đựng đèn)
1463	Vải may quần âu (Vải Tuypxi)	Khô \geq 1,5 m
1464	Vải thô may lót túi quần âu (Cùng màu vải chính)	Khô \geq 1,5 m
1465	Khóa quần âu (cùng màu vải quần)	20 cm
1466	Giấy cotton bìa cứng	80 x 110 (cm)
1467	Kim máy vắt sổ	DC x 1#12
1468	Kim máy thùa	DP x 5#14

1469	Kim máy đính	UY x 5#14
1470	Lưỡi dao cho máy cắt đầu bàn máy SU LEE 360	Đường kính: 108 mm
1471	Bàn là hơi (Đầy đủ phụ kiện: ống hơi, bình treo..)	Công suất: $\geq 1.200W$ Điện áp: 220V - 50Hz Dung tích bình nước: 2-3 Lít Chất liệu đế: Hợp kim nhôm đúc nguyên khối Kích thước đế: 120(R) x 208(D) mm
1472	Kim máy may móc xích	TVx7#16
1473	Kim máy may 1 kim	DBx1 #11 (75)
1474	Ốc kim (máy may 1 kim, mũi may thắt nút)	M2 x 5; Túi (100 chiếc)
1475	Ốc chân vịt (máy 1 kim)	M4 x 10; Túi (50 chiếc)
1476	Chân vịt thường (máy may 1 kim)	P351
1477	Chỉ may (màu trắng + Đen)	5000m/1 cuộn
1478	Chỉ vắt sổ (cùng màu vải quần)	500g/1 cuộn
1479	Cúc trắng (may áo sơ mi)	Cúc 4 lỗ Màu trắng
1480	Dầu máy may	Cấp độ nhớt (ISO VG): Phổ biến nhất là ISO VG 10, 15, 22 Độ nhớt động học ở 40°C: Thường dao động từ 7-32cSt Chỉ số độ nhớt (VI): Tối thiểu 95. Nhiệt độ chớp cốc hở (COC): Từ 130°C trở lên. Tỷ trọng ở 15°C: Khoảng 0.82 - 0.88g/cm3
1481	Chân váy nhung nữ TT	Dáng A
1482	Quần âu nữ Kaki ống rộng	Ngang ống 30 cm
1483	Quần sooc nữ Denim/Kaki	Quần ngắn
1484	Đầm Dạ hội voan nữ	Dáng xoè, tầng
1485	Bộ ký giả nữ xuân hè	QA dài
1486	Áo sơ mi nam vải Peco, kẻ	Dài tay
1487	Quần âu nam vải Peco	Dài

1488	Bộ thể thao nữ 100% Cotton	QA dài
1489	Vải thô may bộ phận chủ yếu áo sơ mi, may áo sơ mi	Khô $\geq 1,5$ m
1490	Mex vải may áo sơ mi	Khô $\geq 1,5$ m
1491	Vải may áo veston nam	Khô $\geq 1,5$ m
1492	Vải may lót áo veston nam (cùng màu vải chính)	Khô $\geq 1,5$ m
1493	Vải may áo veston nữ	Khô $\geq 1,5$ m
1494	Vải may áo Jacket (vải Cobalt blue)	Khô $\geq 1,5$ m
1495	Khóa may áo Jacket (cùng màu vải may áo Jacket)	Khóa dài 70cm
1496	Vải phối may áo Jacket (vải màu trắng)	Khô $\geq 1,5$ m
1497	Thuốc nhuộm hoạt tính	Dạng bột
1498	Găng tay	Cao su
1499	H2O2	Dạng lỏng
1500	Chất chống thấm dạng lỏng Suzo	Dạng lỏng
1501	Chất hoạt động bề mặt	Dạng lỏng
1502	Vải tơ tằm mộc	Khô 90 cm
1503	Vải Polyester ren trắng	Ren bản 12 cm
1504	Vải len hóa học	khô 1.5 m
1505	Vải Jean	khô 1.5 m
1506	Vải dệt thoi vân điểm CB 100% PES	Khô 1,5 m
1507	Vải dệt thoi vân điểm cơ bản Peco	Khô 1,5 m
1508	Vải 100% silk	Khô 0,8 m
1509	Vải dạ dệt kim 100% PES	Khô 1,5 m
1510	Vải Denim Vân chéo CB Cotton/PU	Khô 1,5 m
1511	Vải Denim Vân điểm CB Cotton/PU	Khô 1,5 m
1512	Lưỡi dao lam	10 chiếc/hộp
1513	Nến cốc	6 chiếc/hộp
1514	Sợi dệt đơn 100%	Sợi đơn

	PES	
1515	Đế cắt cho dụng cụ QC-PS	Kích thước: 25x35 cm
1516	Vải may váy (mango)	Khô $\geq 1,5$ m
1517	Vải dệt kim (màu trắng)	Khô $\geq 1,5$ m
1518	Chỉ may 5000m	5000m/1 cuộn; màu trắng
1519	Chỉ tơ vắt sô (màu trắng)	0,5 kg/1 cuộn
1520	Bút lông màu Acrylic Markers 1 đầu ngòi	Bộ 24 màu (24 cái/bộ).
1521	Giấy in A4	Kích thước: 21x29.7cm; Định lượng: 70gsm; độ trắng 90; Quy cách: 500 tờ/ream
1522	Giấy vẽ Croki	Khổ A3 (túi 20 tờ)
1523	Bút chì thường 4B	Loại: 4B Hộp 12 cái
1524	Hộp gọt bút chì	Kích thước 23mmx20mm
1525	Bảng gỗ mặt bóng trắng	Mặt trắng bóng, Kích thước: 40x60cm
1526	Khay nhựa pha màu nước	Nhựa, dạng tròn,oval, Kích thước: 34x35cm
1527	Pin tiểu 1,5V AAA Alkaline 10X Max	Loại pin: AAA – Pin tiểu Điện áp: 1,5v Đóng gói: Vi 2 viên Chất liệu: Alkaline (Kiềm)
1528	Dây điện đôi mềm 2x1mm ²	Quy cách: Cu/Pvc/Pvc Ruột dẫn: Đồng 99,99%. Kết cấu: Nhiều sợi bện Điện áp danh định: 300/500V Chiều dài đóng gói: 100m;
1529	Pin cúc 3V Cr2032 Lithium	Sản phẩm: Lithium 3v; 220mAh - 225mAh Kích thước: 20x3.2mm 1 vi 5 viên
1530	Ổ cắm chịu tải 6000w	Mặt ổ làm bằng nhựa chống cháy Vỏ siêu bền chịu va đập Lõi sứ chống cháy Có lò xo tăng lực kẹp chống move Cực đồng đúc đầu dây thông minh bằng đồng nguyên tấm nhập khẩu từ Hàn Quốc Công suất: ≥ 2000 w

1531	IC Pic 16F877A	<p>Nguồn: 2V – 5.5V In/OUT: 33 Số chân: 44 Dòng hoạt động: 1mA Dòng chờ: 1uA Dòng output: 25mA Thạch anh ngoài: 20Mhz Thạch anh nội: Không có Bộ nhớ ROM: 8192KByte Bộ nhớ SRAM: 368Byte Bộ nhớ EEPROM: 256Byte Các chuẩn giao tiếp: I²C, SPI, UART / USART, USB Nhiệt độ hoạt động: -40°C ~ 85°C Cổng ADC: 10Bit – 8 kênh Timer: 8Bit hoặc 16Bit</p>
1532	Dao cắt mica	Dao cắt mica lưỡi cong
1533	Mỏ hàn xung 220V/120W	Mỏ hàn xung công suất 120w
1534	Bộ phát Wifi 6 AX1800	<p>Router WiFi 6 AX1800 TP-Link Archer AX23 Gigabit "hoặc tương đương" Công nghệ/Đạt chứng nhận FCC, CE, RoHS Chuẩn Wi-Fi Wi-Fi 6 (802.11ax) Băng tần sóng 2.4GHz & 5GHz Cổng kết nối 1 x cổng WAN Gigabit 4 x cổng LAN Gigabit Kết nối và điều khiển Ứng dụng Tether Số Ăng ten 4 × Ăng ten hiệu suất cao cố định Tốc độ mạng 5 GHz: 1201 Mbps (802.11ax) 2.4 GHz: 574 Mbps (802.11ax)</p>

1535	Bộ kit arduino Uno R3 31 món	<ol style="list-style-type: none"> 1. KIT Arduino UNO R3 CH340G – Sl: 1 2. LCD1602 Xanh Lá 5V – Sl: 1 3. Động cơ Servo (Góc Quay 180) – Sl: 1 4. Module ULN2003v– Sl: 1 5. Động Cơ Bước 5V STEP MOTOR – Sl: 1 6. Pin 9V (Loại Thường) – Sl: 1 7. Module Điện Trở Nhiệt NTC – Sl: 1 8. Module Thu Hồng Ngoại – Sl: 1 9. Led Matrix 8x8 3MM 32x32MM 2 Màu Xanh Đỏ Katot 1388ASRG-- 24PIN – Sl: 1 10. Board Test GL No.12 – Sl: 1 12. Triết Áp Đơn B10K – Sl: 1 13. Bộ Dây Cắm Mạch 65 Sợi YC-65 – Sl: 1 14. Led 7 0.56 1 Số Anot (Sáng Đỏ) – Sl: 1 15. Còi Chíp 5V 9.5x12MM – Sl: 2 16. Vỏ Nút Nhấn B3F 10MM (Tròn Đen) – Sl: 4 17. Nhấn 4 Chân 12x12x7.3MM (OMRON B3F) – Sl: 4 18. USB A-B 30CM AB-MM30 – Sl: 1 19. 74HC595 DIP16 – Sl: 1 20. Module LED Neo Pixel 12 LED RGB – Sl: 2 21. Led Thu Hồng Ngoại 5MM – Sl: 2 22. Remote Hồng Ngoại 21 Phím – Sl: 1 23. Quang Trở CDS 5MM 5537 – Sl: 1 24. Trở Vạch 1/4W 5% 1K,220R,10K – Sl: mỗi loại 10 c 25. Jump Đơn Đục 2.54MM 1x40P Thẳng 10MM – Sl: 1 26. Led 5MM Phủ Đỏ (10c) – Sl: 10 27. LED 5MM Phủ Xanh Lá (10c) – Sl: 10 28. Led 5mm phủ vàng (10C) – Sl: 10 29. 40P 20CM Đ-C (Hai Đầu Đục Cái) – Sl: 10 Sợi 30. Đế Pin 9V Ra Đầu Jack DC 5.5x2.1MM – Sl: 1 31. Board Mở Rộng UNO – Sl: 1
1536	Hộp nhựa trong suốt	Kích thước 30x20x15 có nắp đậy
1537	Giấy in A4	Kích thước: 210x297 mm; Định lượng: 70gsm; độ trắng 90; Quy cách: 500 tờ/gram
1538	Pin 1,5V AAA 2 viên Alkaline	<p>Loại pin: Pin kiềm / Alkaline</p> <p>Điện thế: 1.5 V</p> <p>Kích thước: Pin AAA/ Pin đũa</p> <p>Hình thức đóng gói: Vi 2 viên</p>
1539	Pin 1,5V AA 2 viên Alkaline	<p>Loại pin: Pin tiểu AA</p> <p>Điện thế: 1.5 V</p> <p>Hình thức đóng gói: Vi 2 viên</p>
1540	Pin vuông 9V	<p>Hộp 12 viên</p> <p>Kích cỡ : pin vuông , pin 9V</p> <p>Chất liệu : pin than (zinc-carbon)</p> <p>Điện áp tiêu chuẩn : 9 volt</p>
1541	Bình nhiệt lượng kế	Đo được nhiệt dung riêng các vật kích thước 3 x 4 x 0,5cm

1542	Kính lọc sắc 2x5cm	Kích thước 2x5 cm, hộp 10 tấm đủ các màu
1543	Mỏ hàn xung	Công suất: $\geq 100W$ Điện áp: 220 - 240 V Tần số: 50/60 Hz
1544	Đồng hồ vạn năng	DC V:0.1/0.25/2.5/10/50/250/1000V AC V:10/50/250/750 DC A:50u/2.5m/25m/0.25A Trở kháng:2k/20k/200k/2M Ω /200M Ω Phụ kiện đi kèm:Sách hướng dẫn sử dụng, đầu dò Nguồn điện:R6(IEC) hoặc UM-3(1.5V) x 2 Tụ điện:Ø5.2x20mm (250V/0.5A) Độ ồn:-10dB ~ +22dB Phạm vi đo nhiệt độ:5 ~ 31°C Điện dung:10 μ F Độ ẩm:80% RH (Max)
1545	Đồng hồ điện tử	Chỉ thị số - DCV: 400mV/4/40/400/600V Độ chính xác : $\pm 0.6\%$ rdg ± 4 dgt (400mV/4/40/400V) $\pm 1.0\%$ rdg ± 4 dgt (600V) - ACV: 400mV/4/40/400/600V Độ chính xác : $\pm 1.6\%$ rdg ± 4 dgt (20 - 400mV) $\pm 1.3\%$ rdg ± 4 dgt (4/40V) $\pm 1.6\%$ rdg ± 4 dgt (400/600V) - DCA: 400/4000 μ A/40/400mA/4/10A Độ chính xác : $\pm 2.0\%$ rdg ± 4 dgt (400/4000 μ A) $\pm 1.0\%$ rdg ± 4 dgt (40/400mA) $\pm 1.6\%$ rdg ± 4 dgt (4/10A) - ACA: 400/4000 μ A/40/400mA/4/10A Độ chính xác : $\pm 2.6\%$ rdg ± 4 dgt (400/4000 μ A) $\pm 2.0\%$ rdg ± 4 dgt (40/400mA/4/10A) - Ω : 400 Ω /4/40/400k Ω /4/40M Ω Độ chính xác : $\pm 1.0\%$ rdg ± 4 dgt (400 Ω /4/40/400k Ω /4M Ω) $\pm 2.0\%$ rdg ± 4 dgt (40M Ω) - Kiểm tra điốt: 4V/0.4mA - Hz: 5.12/51.2/512Hz/5.12/51.2/512kHz/5.12/10MHz - C: 40/400nF/4/40/100 μ F Màn hình hiển thị: 4000 điểm Tự động tắt nguồn trong khoảng 30 phút để tiết kiệm pin. Đo lường dòng điện lên đến 10A AC và DC.
1546	Nhiệt kế hiện số TP 300	Dải đo -50 tới 300 độ, độ chính xác ± 1 độ
1547	Thước kẹp 0-200mm	Dải đo 0-200mm; Độ chính xác 0.02mm
1548	Panme (0-25mm)	Độ chính xác 0.01mm

1549	Đồng hồ đa năng hiển số	<p>Điện áp DC: Dải đo: 200mV/2V/20V /200V/1000V Độ chính xác: $\pm(0.5\%+3)$ Điện áp AC: Dải đo: 2V/20V/200V /750V Độ chính xác: $\pm(0.8\%+5)$ Dòng điện DC: Dải đo: 20uA/2mA/200mA/20A, 200uA/20mA/200mA/20A Độ chính xác: $\pm(0.8\%+10)$ Dòng điện AC: Dải đo: 2mA/200mA/20A, 20mA/200mA/20A Độ chính xác: $\pm(1.0\%+15)$ Trở kháng: Dải đo: 200Ω/2kΩ/20kΩ /200kΩ/2MΩ/20MΩ/200Ω/2kΩ/20kΩ/200kΩ/20MΩ Độ chính xác: $\pm(0.8\%+3)$ Điện dung: Dải đo: 20nF/2uF/200uF Độ chính xác: $\pm(2.5\%+20)$</p>
1550	Khúc xạ kế đo độ cồn 0-80% rượu bia	<p>Phạm vi đo: 0 ~ 80% cồn Nhiệt độ tham khảo: 20°C Quy mô tối thiểu: 1% cồn Tự động bù nhiệt độ: 10 ~ 30 °C Chiều dài: xấp xỉ 19,7cm/7,7in Diamter giữa: xấp xỉ 3cm/1.1in Diamter tối đa: xấp xỉ 4cm/1,5in</p>
1551	Máy đo độ mặn , khúc xạ kế đo độ mặn 0 ~ 100‰	<p>Phạm vi đo: 0 ~ 100 ‰ Độ chính xác: ± 1 ‰ Mật độ đo lường: 1.000-1.070g/cm³ Phạm vi ATC: 10~30°C (50 ~86°F) Kích thước: 195x50x40mm Trọng lượng khoảng 105g</p>
1552	Chai đựng hóa chất (250ml, có nắp vặn xanh)	Chai 250 ml, có nắp vặn màu xanh
1553	Chai đựng hóa chất (500ml, có nắp vặn xanh)	Chai 250 ml, có nắp vặn màu xanh
1554	Găng tay y tế có bột, size L	Có bột Latex, dài 24 cm
1555	Điện cực đồng	Điện cực bằng đồng, đường kính 8mm, dài 8cm
1556	Điện cực than chì	Điện cực than chì, đường kính 8mm, dài 8cm

1557	Giá đựng ống nghiệm	Giá đựng ống nghiệm phòng thí nghiệm, đựng vừa ống nghiệm có đường kính 2cm
1558	Cốc thủy tinh 250 ml	Cốc thủy tinh chịu nhiệt, thể tích 250 ml
1559	Cối chày sứ	Đường kính 100mm
1560	Ống hình chữ U có đường kính 3 cm, cao 10 cm	Ống hình chữ U làm bằng thủy tinh, kích thước đường kính 3cm, chiều cao 10 cm
1561	Ống nghiệm nhỏ	Ống nghiệm bằng thủy tinh, đường kính 1cm, cao 5 cm
1562	Ống hút dung dịch bằng nhựa 3ml (pipet)	Dung tích 3ml hoặc 5ml Thương hiệu: ONELAB Chất liệu: Nhựa PE Màu sắc: Trong suốt Túi 100 cái
1563	Găng tay cao su dài	Chất liệu: cao su tự nhiên, dài 38 cm. Màu vàng hoặc đỏ
1564	Quả bóp cao su	Quả bóp cao su thể tích 30 ml
1565	Giấy lọc 100mm	Đường kính 100mm
1566	Giấy lọc 90mm	Đường kính 90mm
1567	Giấy decal A5 có keo dán mã 105	Kích thước: 25x37mm; 30 tem trên 1 tờ
1568	Giấy decal A5 có keo dán mã 124	Kích thước: 38x52mm; 15 tem trên 1 tờ
1569	Giấy decal A5 có keo dán mã 110	Kích thước: 16x22mm 72 tem trên 1 tờ
1570	Đĩa petri dùng trong phòng thí nghiệm	Đĩa thủy tinh, có đường kính 10 cm
1571	Bình tia nước cất 500ml	Bình làm bằng nhựa trắng, thể tích 500ml, có đầu tia nước cất nhỏ
1572	Cốc thủy tinh chịu nhiệt 250ml	Bình làm bằng thủy tinh, dung tích 250ml, chịu nhiệt
1573	Burette trắng khóa nhựa 25ml Genlab	Thể tích 25ml; thân chất liệu thủy tinh Borosilicate; nắp khóa bằng nhựa PTFE
1574	Chén nung 200ml	Chén sứ thể tích 200ml
1575	Băng dính to trắng	Cuộn băng dính trắng, rộng 5 cm
1576	Băng dính nhỏ	Băng dính trắng nhỏ, rộng 2 cm
1577	Ghế đôn inox	Làm bằng inox 304 và 201, mặt tròn đường kính khoảng 30 cm, cao khoảng 500 cm
1578	Giấy in A4	Kích thước: 21x29.7 cm; Định lượng: 70gsm; độ trắng 90; Quy cánh: 500 tờ/ream

1579	Bóng đá tiêu chuẩn thi đấu	<p>Chu vi bóng: 68-70Cm Trọng lượng: 410-450g. Áp suất: 0,6 – 1,1 bar Kích thước: Size 5 Chất liệu: PU hoặc da tổng hợp cao cấp Cấu tạo: 32 miếng ghép</p>
1580	Bóng chuyền tiêu chuẩn thi đấu	<p>Chu vi bóng: 65-67Cm . Trọng lượng: 260-280g. Áp suất: 0,30 – 0,325 kg/cm² Chất liệu: da tổng hợp Cấu trúc: ruột cao su + lớp vải gia cường nhiều lớp</p>
1581	Quả cầu lông	<p>Lông: 16 lông vũ dài 62-70mm. Đế cầu có đường kính từ 25mm-28mm. Quả cầu từ 4,74g-5,50g. Hộp 10 quả</p>
1582	Vợt cầu lông (Cán liền)	<p>Vợt dài: 665-680cm. Trọng lượng vợt 80-90g Chất liệu: Hợp kim</p>
1583	Lưới cầu lông	<p>Chiều rộng: ≥76 cm. Chiều dài: 6,7m Kích thước mắt lưới: từ 15–20 mm Chất liệu: sợi nylon hoặc sợi tổng hợp màu đậm, độ dày đều Viền trên: băng trắng rộng khoảng 7,5 cm để luồn dây cáp căng lưới</p>
1584	Bóng rổ tiêu chuẩn thi đấu B7000	<p>Chu vi bóng: 75 – 78 cm Trọng lượng: 600 – 650 g Áp suất bơm: 7 – 9 LBS Chất liệu: da PU hoặc PVC cao cấp Ruột bóng: cao su butyl giữ hơi tốt Độ nảy tiêu chuẩn: khoảng 1,2 – 1,4 m khi thả từ độ cao chuẩn</p>
1585	Lưới bóng chuyền da	<p>Kích thước lưới: ≥ 9,5 m × 1 m Kích thước mắt lưới: ≤100 mm Chất liệu sợi: PE/cước nylon, độ dày khoảng 2 – 4 mm Viền lưới: viền da hoặc 4 viền tăng độ bền</p>
1586	Bóng chuyền hơi tiêu chuẩn thi đấu	<p>Chu vi bóng: 80-83cm. Trọng lượng: 200-250g. Áp suất bơm: 0,30 – 0,325 kg/cm² Chất liệu: da mềm hoặc da tổng hợp, ruột cao su</p>

1587	Lưới bóng đá	Kích thước 7,32 x 2,44 x 1,5 m. Sợi lưới: PE hoặc PP chịu lực Độ dày: 4 – 5 mm Mắt lưới: 12 cm × 12 cm
1588	Lưới bóng chuyền hơi	Lưới dài 7m. Rộng 1m Mắt lưới: 100 mm × 100 mm Chất liệu: sợi PE (Polyethylene) Đường kính sợi: khoảng Ø 2 – 4 mm Màu sắc: đen
1589	Vợt Pickleball	Nặng 190 - 300g, dài 43cm Chiều rộng mặt vợt: 18 – 20 cm Độ dày: 11 – 16 mm Chất liệu: carbon T300, fiberglass, lõi tổ ong PP
1590	Bóng tập luyện Pickleball	Chất liệu: Nhựa tổng hợp. Đường kính 74-76mm. Trọng lượng 22 - 26g. Có 40 lỗ nhỏ
1591	Quần áo su vec GV GDTC	Loại vải: Vải gió, vải nỉ. Kích thước: nhiều size. Kiểu dáng thể thao
1592	Áo phông cộc tay GV GDTC	Loại vải: cotton. Kích thước: nhiều size. Kiểu dáng thể thao
1593	Giày thể thao GV GDTC	Chất liệu: da kết hợp với vải. Kích thước: nhiều size. Kiểu dáng thể thao. Đế cao su đúc
1594	Tất thể thao GV GDTC	Chất liệu: len sợi. Màu sắc: thể thao
1595	Giấy in A4	Kích thước: 210x297 mm; Định lượng: 70gsm; độ trắng 90; Quy cách: 500 tờ/gram
1596	Ghim cài màu	Kích thước: ≥29mm; Quy cách: 100 cái/hộp
1597	Dập ghim số 10 plus thân trong	Kích thước: 9.5x3.7x2.5 cm; Thép chống gỉ
1598	Ghim bấm số 10 Plus	Kích thước: 4.7x8.5mm; Thép mạ điện
1599	Kẹp đen 32mm	Kích thước: 32mm; Thép chuyên dụng sơn tĩnh điện, Quy cách: 12 cái/hộp
1600	Túi cúc - Clear bag	Kích thước: 330x240 mm; Nhựa PP, Quy cách: 20 túi/tập
1601	Bút gel bấm màu xanh	Kích thước đầu bi: 0.5 mm; Quy cách: 12 cây/hộp; Màu sắc: xanh

1602	Bút gel bấm màu đỏ	Kích thước đầu bi: 0.5 mm; Quy cách: 12 cây/hộp; Màu sắc: đỏ
1603	Ô cắm điện 8 lỗ chấu đa năng dài 3m	Số ổ cắm: 08 ổ đa năng Chiều dài dây dẫn (m): 3m Tiết diện dây dẫn (mm): 3x0.75mm Số lõi dây: 03 Lõi Công suất: $\geq 2200W$ Dòng điện: $\geq 10A$

Ghi chú:

- *Bất kỳ tên vật tư, vật liệu, thiết bị, thương hiệu, ký mã hiệu, xuất xứ, nhà sản xuất (nếu có) trong Bảng yêu cầu kỹ thuật là để tham khảo, minh họa các đặc tính kỹ thuật, tiêu chuẩn công nghệ, tính năng sử dụng, nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu, mã hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo có đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ "tương đương" hoặc "ưu việt hơn" so với các yêu cầu tối thiểu hoặc tương đương nêu trên. Tương đương được hiểu là tương đương về đặc tính kỹ thuật, tiêu chuẩn công nghệ, tính năng sử dụng. Trường hợp nhà thầu chào hàng hóa tương đương, nhà thầu phải cung cấp tài liệu kèm theo để chứng minh.*

- *Các hàng hóa, thiết bị được vận chuyển lắp đặt tại địa điểm theo yêu cầu của Chủ đầu tư, được bảo hành, bảo trì theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, có đầy đủ CO cho thiết bị nhập khẩu, CQ theo quy định.*

- *Nếu được công nhận trúng thầu: Nhà thầu cung cấp Tài liệu chứng minh chất lượng (CQ), nguồn gốc xuất xứ (CO cho thiết bị nhập khẩu) theo quy định của pháp luật; Cung cấp bộ chứng từ nhập khẩu gồm: Tờ khai hải quan, invoice, packing list, vận đơn vận chuyển và các tài liệu khác liên quan đến hàng hóa (nếu có) khi bàn giao thiết bị.*

- *Nhà thầu phải cung cấp hàng hóa mới 100%, sản xuất từ năm 2025 trở về sau.*

1.3. Các yêu cầu khác

- *Hàng hoá được đóng gói theo quy định của nhà sản xuất.*

- *Chủ đầu tư tổ chức kiểm tra hàng hóa, phụ kiện và tài liệu đi kèm theo đúng yêu cầu kỹ thuật trong Hồ sơ dự thầu.*

Mục 2. Bản vẽ: Không có bản vẽ

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

- *Chủ đầu tư tổ chức kiểm tra hàng hóa, phụ kiện và tài liệu đi kèm theo đúng yêu cầu kỹ thuật trong E-HSDT, E-HSMT, cụ thể: Kiểm tra nhãn mác, mã hiệu của hàng hóa; Kiểm tra quy cách đóng gói, bảo quản của hàng hóa; Kiểm tra nguồn gốc xuất xứ, chất lượng hàng hóa thông qua các giấy tờ liên quan; Đối với hàng hóa nhập khẩu: Tiến hành kiểm tra thông tin trên các giấy tờ CO, CQ của từng hàng hóa. Thông tin phải đầy đủ, phù hợp với yêu cầu kỹ thuật như bảng phạm vi cung cấp của gói thầu. Đối với hàng hóa sản xuất trong nước: Tiến hành kiểm tra thông tin trên giấy chứng nhận xuất xưởng. Thông tin phải đầy đủ, phù hợp với yêu cầu kỹ thuật như bảng phạm vi cung cấp của gói thầu và các nội dung kiểm tra khác theo quy định của pháp luật hiện hành.*

- Hàng hóa trước khi đưa vào sử dụng phải được chủ đầu tư kiểm tra và nghiệm thu theo quy định của pháp luật hiện hành. Nhà thầu phải cung cấp toàn bộ hàng hóa, dụng cụ cần thiết, lao động và các phí tổ chức thử nghiệm cần thiết khác để tiến hành thử nghiệm hàng hóa bằng chi phí của mình, kể cả chi phí thay thế mới các chi tiết bị hư hỏng hay hư hỏng sau sử dụng, kể cả chi phí điện thử nghiệm. Các chi phí này cần đưa vào ngay đề xuất tài chính của nhà thầu khi chào hàng. Nếu trong E-HSDT không chỉ rõ chi phí này thì được hiểu là đã bao gồm trong giá các thiết bị, vật tư, vật liệu và dịch vụ có liên quan.

- Chủ đầu tư không nghiệm thu hàng hoá khi kiểm tra, thử nghiệm hàng hoá mà không đúng với E-HSDT và E-HSMT, nhà thầu phải cung cấp lại (trong thời gian thực hiện hợp đồng). Nếu hết thời gian thực hiện hợp đồng mà chưa thực hiện xong khối lượng hợp đồng, thì Chủ đầu tư chấm dứt hợp đồng, Nhà thầu bị coi là không hoàn thành hợp đồng và Chủ đầu tư đăng tải thông tin nhà thầu vi phạm hợp đồng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo quy định của Luật Đấu thầu.

- Trong quá trình kiểm tra và thử nghiệm, nếu Chủ đầu tư và nhà thầu không thống nhất về kết luận kiểm tra và thử nghiệm hàng hoá có sự nghi ngờ về chất lượng hàng hóa, sản phẩm của nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư có thể giao cho một đơn vị độc lập có chức năng để tiến hành kiểm tra, thử nghiệm. Nhà thầu sẽ phải chịu trách nhiệm chi trả toàn bộ các chi phí có liên quan nếu bị kết luận chất lượng hàng hóa, sản phẩm do nhà thầu cung cấp không đáp ứng yêu cầu theo quy định của E-HSMT và không đúng E-HSDT.